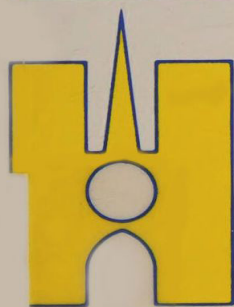


Bernard
Sesboüé

***Hòa giải
với
Đức Kitô***

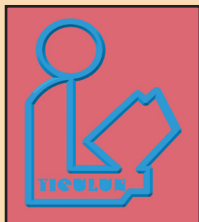


radio *cerf*
notre dame



HÒA GIẢI VỚI ĐỨC KITÔ

BERNARD SESBOÛÉ



Cha Bernard Sesboüé, sinh năm 1929, là tu sĩ Dòng Tên, là giáo sư tại Trung tâm Sèvres và tại nhiều khoa thần học khác nhau (Lyon, Paris, Rome).

Lời giới thiệu

1. Chúng ta cần hòa giải

Mùa Chay đến được vài ngày rồi. Mùa Chay là thời gian kêu gọi *hoán cải* và *sám hối* : «Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng !» « (Mc 1.15), Chúa Giêsu đã nói như vậy khi Người bắt đầu rao giảng ở Galilê.

Hai từ này, hoán cải và sám hối, nghe có vẻ hơi nghiêm khắc với tai chúng ta : chúng dịch từ tiếng Hy Lạp duy nhất ; nhưng trong tiếng Pháp chúng ta đã phân biệt chiều kích bên trong của hoán cải, thay đổi của trái tim, và chiều kích bên ngoài sự sám hối : thay đổi cụ thể cuộc sống và hành vi của nó.

Năm nay, tôi được yêu cầu nói chuyện với anh chị em trong Mùa Chay hòa giải này. Đây là một thuật ngữ có ý nghĩa với chúng ta hơn vì nó mang lại ý nghĩa và mục đích cho sự hoán cải và sám hối. Và rồi, khi cuộc sống của chúng ta trải qua vô vàn xung đột, hòa giải trở thành nhu cầu thường trực của chúng ta.

Hoà giải là gì ? Đó là sự hoán cải lẫn nhau của hai người sau một cuộc xung đột muốn nối lại mối quan hệ bạn bè.

Nhưng trước khi nói về hòa giải, chúng ta hãy xem xét tất cả các xung đột của mình : chúng ảnh hưởng đến

mối quan hệ của chúng ta với người khác, với Thiên Chúa và với chính mình.

1.1. Xung đột với người khác

- Tất cả chúng ta đều trải qua xung đột gia đình : đó là sự căng thẳng âm ỉ phát triển trong gia đình giữa vợ và chồng, sự không hiểu nhau, thiếu đối thoại, trong khi không phải là sự bùng nổ về giọng nói, bạo lực công khai hoặc thậm chí là sự thu mình : chúng ta sống dưới cùng một mái nhà, nhưng chúng ta sống cách nhau hàng năm ánh sáng. Nó cũng có thể là sự bất lực trong việc tha thứ cho lỗi lầm của người khác, một sự xúc phạm, một sự không chung thủy.

Ngoài ra còn có xung đột thế hệ giữa cha mẹ và con cái : dòng chảy không còn chảy nữa, chúng ta không hiểu nhau và mỗi bên có nguy cơ chọn phe.

Với những thành viên gia đình xa hơn hoặc với những người bạn cũ, người ta cũng có thể trải qua những cuộc tranh cãi về thừa kế và lòng tự trọng bị tổn thương.

- Chúng ta cũng trải qua những xung đột nghề nghiệp : nghề nghiệp là nơi đấu tranh sinh tồn, cạnh tranh không chỉ giữa các công ty mà còn giữa những người

trong cùng một công ty ; đây là những đòn giáng mạnh vào hoặc phải nhận trong cuộc chiến giành những vị trí tốt nhất. Đây là những bất công, sỉ nhục, oán giận.

Xung đột xã hội vẫn còn nhiều : các cuộc đình công gần đây đã chứng minh chúng ta còn rất xa mới có được một xã hội hòa bình và hòa giải. «Hòa bình, Thánh Augustin đã nói, là sự thanh thản trong công lý».

- Đất nước chúng ta đang trải qua một cuộc xung đột chính trị liên tục : cạnh tranh về các lựa chọn cơ bản khác nhau chắc chắn sẽ thúc đẩy sự sống còn của một quốc gia. Nhưng cũng có biết bao xung đột cá nhân, thanh toán nợ nần, làm trầm trọng thêm đối kháng, trong một bầu không khí Manichean được duy trì một cách giả tạo.

- Chúng ta biết và đã biết trên đất nước mình những hậu quả khủng khiếp của các cuộc xung đột quốc tế. Ngày nay chúng ta chứng kiến chiến tranh ở Trung Đông, nội chiến ở Mỹ Latinh, xung đột chủng tộc ở Nam Phi, cuộc xâm lược Afghanistan, và cuối cùng là căng thẳng giữa Đông và Tây, một dạng chiến tranh tiềm ẩn.

Nhưng ngay cả trong bối cảnh khá đen tối này, chúng ta đã thấy những dấu hiệu cho thấy hòa giải không phải

là một điều không tưởng thuần khiết. Tôi sẽ lấy hai ví dụ :

- sự hòa giải giữa Pháp và Đức, cùng nhau làm việc, sau nhiều thế kỷ chiến tranh không thể bào chữa, để xây dựng châu Âu;

- hành trình dừng cảm của Anwar Sadat tới Giêrusalem để bắt tay hòa giải với quốc gia thù địch. Chúng tôi đã nhận được một số hình ảnh chân thực và vô cùng cảm động từ đó.

Tôi biết rằng một số cuộc xung đột này có lý do cơ bản, rằng một hình thức đấu tranh nhất định cần phải diễn ra trong cuộc sống của chúng ta và việc đấu tranh cho công lý và quyền lợi của những người yếu thế là điều bình thường. Nhưng chúng ta không thể không thừa nhận rằng bạo lực tồn tại bên trong chúng ta và chúng ta thường không trải nghiệm những xung đột này trong tinh thần và với hy vọng hòa giải.

1.2. Xung đột với Thiên Chúa

Phải chăng tất cả những xung đột này là dấu hiệu của một xung đột sâu sắc hơn, bí mật hơn, nằm trong trái tim mỗi người chúng ta, đó là xung đột với Thiên Chúa?

Lương tâm của chúng ta không đúng : chúng ta không sống theo ý muốn của nó. Hoặc là chúng ta quên Chúa : chúng ta không còn cầu nguyện nữa, một hình thức khác của «chúng ta không còn nói chuyện với nhau nữa» ; hoặc là chúng ta tránh xa Ngài, vì hành vi của chúng ta trái ngược với những gì chúng ta biết Ngài mong đợi ở chúng ta. Chúng ta từ chối tình bạn của Ngài. Xung đột này là một mâu thuẫn sâu thẳm bên trong chúng ta.

Hòa giải với Thiên Chúa và hòa giải với anh em chúng ta không thể tách rời nhau như điều răn thứ nhất và điều răn thứ hai vậy. Đây là vấn đề sống còn. Một câu hỏi về sự cứu rỗi.

1.3. Xung đột với chính mình

Một số người trong chúng ta cũng có thể trải qua xung đột sâu sắc hơn khiến chúng ta không vui. Để hòa giải với Thiên Chúa và với người khác, họ cần phải hòa giải với chính mình. Đây sẽ là sự cứu rỗi của họ. Nhưng một lần nữa, con đường để chấp nhận và yêu thương bản thân lại rất khó khăn.

Chúng ta cần hòa giải như không khí để thở. Nhưng hòa giải không phải là một nụ hôn Lamourette dễ dàng: đó là một công việc thực sự. May mắn thay, Phúc Âm,

Tin Mừng, cho chúng ta biết rằng đó cũng là một món quà. Ngày mai chúng ta sẽ nghe thông điệp hòa giải.

2. Tin Mừng về hòa giải

Hôm qua chúng ta đã suy ngẫm về nhu cầu hòa giải quan trọng, cấp bách và liên tục trong cuộc sống của chúng ta. Hôm nay chúng ta cần lắng nghe sứ điệp của Thiên Chúa về hòa giải. Lời loan báo về hòa giải là một Tin Mừng, một tin tốt lành. Năm nay, lời cầu nguyện này được gửi đến chúng ta một cách cụ thể hơn, vì những người tổ chức tuần cầu nguyện cho sự hiệp nhất các Kitô hữu diễn ra vào tháng 1 năm ngoái đã chọn đoạn văn tuyệt vời của Thánh Phaolô trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô, chương 5 (bài đọc Thứ Tư Lễ Tro), để khiến chúng ta suy ngẫm về hòa giải của những Kitô hữu vẫn còn ly khai. Chúng ta hãy lắng nghe ông ấy :

- | | |
|--------|---|
| câu 18 | Mọi sự ấy đều do bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Ki-tô mà cho chúng ta được hòa giải với Người, và trao cho chúng tôi chức vụ hòa giải |
| câu 19 | Thật vậy, trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa đã cho thế gian được hòa giải với Người. Người không còn chấp tội nhân loại nữa, và giao cho chúng tôi công bố lời hòa giải |

câu 20 | Vì thế, chúng tôi là sứ giả thay mặt Đức Ki-tô, như thể chính Thiên Chúa dùng chúng tôi mà khuyên dạy. Vậy, nhân danh Đức Ki-tô, chúng tôi nài xin anh em hãy làm hòa với Thiên Chúa

(2 Cr 5.18-20).

Văn bản này dựa trên một nghịch lý : một mặt nó là lời công bố, thông báo về điều gì đó đã xảy ra : Thiên Chúa đã hòa giải chúng ta với chính Ngài qua Đức Kitô; mặt khác, đó là lời kêu gọi, lời khuyên nhủ : hãy để mình được hòa giải với Thiên Chúa ! Giữa hai điều khoản của nghịch lý này đóng vai trò của vị tông đồ được trao cho chức vụ hòa giải. Chúng ta hãy quay lại tóm tắt ba điểm này :

2.1. Hòa giải là một món quà từ Thiên Chúa

Thiên Chúa là chủ thể chủ động, chúng ta là chủ thể thụ động : Thiên Chúa hòa giải chúng ta và chúng ta được hòa giải. Công thức kỳ lạ này là có chủ ý, vì nó cho chúng ta biết rằng trong hòa giải, Thiên Chúa làm mọi thứ và chúng ta chỉ nhận lãnh. Chúng ta thấy điều này trong Thư gửi tín hữu Rôma : «Khi chúng ta còn là kẻ thù của Thiên Chúa, chúng ta đã được hòa giải với

Người nhờ cái chết của Con Người» (Dt 5.10). «Chúng ta đã được hòa giải» (Dt 5.11). Nó thể hiện sự bất đối xứng giữa Thiên Chúa và chúng ta. Điều này trái ngược với lẽ thường tình của chúng ta khi cho rằng bên có lỗi phải là người chủ động thực hiện bước đầu tiên hướng tới sự hòa giải. Ngược lại, sự mặc khải của Kitô giáo cho chúng ta thấy rằng chính Thiên Chúa không chỉ thực hiện bước đầu tiên mà là tất cả các bước hòa giải với chúng ta.

2.2. Nhưng hòa giải cũng là một lời kêu gọi

Hoà giải vẫn luôn là hành vi song phương. Thiên Chúa không thể hòa giải chúng ta nếu chúng ta không muốn. Ngài cần sự chấp nhận của chúng ta. Đây là lý do tại sao trong miệng Phaolô, lời tuyên bố hòa giải được kéo dài thành một lời cầu xin long trọng, thành một lời tuyên thệ : «Nhân danh Đức Kitô, chúng tôi nài xin anh em hãy hòa giải với Thiên Chúa !» Thiên Chúa đã hướng về chúng ta trước, chúng ta phải đáp lại, với ân sủng mà Ngài ban cho chúng ta để làm như vậy, bằng cách hướng về Ngài, thông qua động lực hoán cải. Từ hoán cải có nghĩa là «hướng về». Nhưng hòa giải với Thiên Chúa không thể tách rời khỏi hòa giải với anh em chúng ta, như chúng ta đã thấy ngày hôm qua. Đây

là lý do tại sao Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô cho chúng ta biết rằng Đức Kitô đã đến để hòa giải với Thiên Chúa, người Do Thái và người ngoại giáo, hai nhân vật lớn của sự thù địch tôn giáo vào thời Chúa Giêsu, để hình thành một thân thể duy nhất thông qua thập giá. Người đã giết chết lòng thù hận. Người đến để công bố hòa bình (Ep 2.16-17). Điều này thuộc về lời loan báo về hòa giải như một món quà. Về phần mình, những lời Tin Mừng nổi tiếng kêu gọi chúng ta hòa giải với anh em mình : «Vây, nếu khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sực nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh, thì hãy để của lễ đó lại trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình» (Mt 5.23-24).

2.3. Giữa ân tứ và kêu gọi có chức vụ của tông đồ

Phao-lô định nghĩa đó là chức vụ hòa giải. Chúng ta cần hiểu rõ : tông đồ không phải là tác nhân của hòa giải, cũng không phải là người trung gian. Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Đức Kitô, chúng ta sẽ phải trở về với Người. Tông đồ là một người phục vụ, nghĩa là một người hầu, thậm chí Phao-lô còn nói là một «đại sứ». Ông đại diện và *mang*

đến cho chúng ta trong Giáo hội hồng ân hòa giải. Ông đã nhận được «lời hòa giải», nghĩa là nhiệm vụ công bố cho thế giới biết về ân huệ của Thiên Chúa, nhưng cũng là nhiệm vụ khuyên bảo con người đón nhận lời này và cho phép mình được hòa giải với Thiên Chúa. Trên thực tế, đó là toàn bộ chức thánh tông đồ, mà chức thánh được truyền chức trong Giáo hội đã thừa hưởng trong toàn bộ phần có thể truyền lại của nó, được định nghĩa là chức thánh hòa giải, quy tụ, hiệp thông và hiệp nhất. Chúng ta biết rằng thừa tác vụ lời hòa giải dẫn đến thừa tác vụ các bí tích, đặc biệt là bí tích rửa tội, bí tích đầu tiên và cơ bản của sự hòa giải của chúng ta với Thiên Chúa ; Thánh Thể cũng là sự tưởng niệm biến cố Thập Giá, làm cho hành động hòa giải do Đức Kitô thực hiện hiện diện trước cộng đồng đang tụ họp ; cuối cùng, sự sám hối, ngày nay được gọi rất vui là bí tích hòa giải, cấu trúc của bí tích này chúng ta sẽ phải phân tích, nhưng đỉnh cao là lời hòa giải lấy chính lời của Chúa Giêsu : «Hãy đi bình an, tội lỗi con đã được tha rồi».

Phần một
Cách tiếp cận của con người
với hòa giải

3. Phía của sự ăn năn

Để sắp xếp suy tư của chúng ta về hòa giải, tôi đề nghị chúng ta hãy theo một phong trào bắt đầu từ kinh nghiệm của con người, sau đó chỉ ra cách bí tích hòa giải do Đức Kitô thiết lập mang thực tại rất cụ thể này trong cuộc sống của chúng ta ; cuối cùng chúng ta sẽ trở lại với kế hoạch hòa giải của Thiên Chúa dành cho thế giới, tức là sự cứu rỗi.

Hòa giải chỉ có thể diễn ra khi kết thúc một quá trình kép và một «công việc» kép, tôi dùng từ này theo nghĩa sản khoa, bởi vì thực sự có một ca sinh khó khăn liên quan : quá trình của người phạm tội và quá trình của người bị phạm tội. Tôi biết rằng trong những xung đột của con người, như người ta vẫn nói, sai lầm thường được chia sẻ và rằng mọi người đều vừa là người phạm tội vừa là người bị xúc phạm. Nhưng để mô tả rõ ràng hơn, tôi phải lần lượt đề cập đến phía người phạm tội và phía người bị xúc phạm trong quá trình song phương này, quá trình này sẽ đạt đến đỉnh điểm khi hòa giải. Trong thực tế, chúng ta thường phải trải nghiệm cả hai mặt. Hôm nay chúng ta hãy mô tả cách tiếp cận của kẻ phạm tội :

3.1. Cú sốc sự ăn năn

Đó là cú sốc của một sự kiện tàn khốc, một cuộc gặp gỡ đã mở ra cho tôi những chân trời mới ; hoặc đó là sự suy ngẫm cá nhân về cách tôi sống cuộc đời mình, và ở đây một ánh sáng đau đớn chiếu rọi vào ngã ba tâm hồn tôi, một ánh sáng xé nát tôi và bắt đầu trong tôi một công cuộc đảo ngược. Một sự an toàn nào đó trong lương tâm tôi vừa bị phá vỡ : trong tôi và trong quá khứ của tôi, tôi nhận ra sự tồn tại của một điều ác, mà tôi đã gây ra một cách không thể tách rời với người khác và với chính mình, một điều ác đã phá vỡ sự giao tiếp. Bất kể những yếu tố chi phối nào, chủ quan (xâm lược, lăng mạ, thù hận, ích kỷ hoặc cô lập) hay khách quan (bất công, ý chí quyền lực, bạo lực, áp bức...), bất kể những lĩnh vực tồn tại nào của tôi bị ảnh hưởng (cuộc sống cá nhân, hôn nhân, gia đình, nghề nghiệp, liên kết, các mối quan hệ, cam kết...), tôi thực sự đã tham gia vào tội ác này, điều đã thể hiện con người tôi. Tôi gắn bó với nó như thể đó là tài sản của riêng tôi ; tôi vẫn gắn bó với nó bằng nhiều giác quan của mình, nhưng tôi vẫn xấu hổ vì nó. Tôi phải khó nhọc tách mình ra khỏi nó, đồng thời thừa nhận rằng tôi thực sự là tác giả và tôi chịu trách nhiệm về nó. Trong thâm tâm, tôi thừa nhận nó là của tôi và đồng thời tôi phủ nhận nó là điều xấu xa của tôi và tự chuốc lấy sự kết án cho mình. Để tôi có thể thoát

khỏi mâu thuẫn bên trong và khôi phục lại sự thống nhất mới trong ý thức, trái tim tôi phải tan vỡ.

Những gì tôi vừa mô tả là hành động ăn năn của đứa con hoang đàng «trở về với chính mình» và suy ngẫm về tội lỗi mà nó đã phạm với trời và với Cha mình (Lc 15.17-18).

Đây là sự kiện ẩn giấu trong ý thức làm việc của tôi, là điểm khởi đầu bên trong của toàn bộ quá trình hòa giải : ngoài nó ra sẽ không có gì xảy ra. Bằng cách thay đổi thái độ, tôi cố gắng từ chối và xóa bỏ, càng nhiều càng tốt, sự dữ gây ra, trong mọi trường hợp làm khô cạn nguồn nước. Trên thực tế, nếu đúng là tôi không thể làm lại quá khứ theo cách khác, thì tôi vẫn giữ được quyền kiểm soát nó bằng cách mang lại cho nó một ý nghĩa mới. Một người phải luôn có khả năng «xử lý» quá khứ của mình, chỉ để duy trì sự mạch lạc và thống nhất trong tính cách của mình.

3.2. Một chuyển đổi đang hình thành

Khi cú sốc ban đầu sự ăn năn đã xảy ra, thì đã đến lúc phải hành động. Bởi vì nếu có những tiếng sét ăn năn, cũng như có những tiếng sét tình yêu, sự kết tinh đột ngột này đòi hỏi phải *hình thành* nên một hành vi

mới. Con người sống trong thời gian : cái ác tác động đến chúng ta và biến đổi chúng ta theo thời gian ; cuộc chiến chống lại hấn cũng tương tự như vậy.

Hình thành là sự di chuyển từ bên trong ra bên ngoài, từ tâm hồn đến thể xác nếu bạn muốn. Và vì con người, với tư cách là một cơ thể sống trong xã hội, vừa là cử chỉ vừa là lời nói, nên sự ăn năn bên ngoài của họ sẽ thể hiện qua cử chỉ của một hành vi mới và qua lời thú tội.

Vì vậy, sự ăn năn của tôi sẽ được thể hiện bằng cách cư xử mới trước mặt mọi người. Cuộc sống của tôi đang thay đổi theo chiều hướng tích cực và mọi người đều nhìn thấy điều đó. Đó là sự chuyển đổi hành vi, thái độ, phán đoán và hành vi bất công của tôi. Đó là mối quan tâm sửa chữa, bất cứ khi nào có thể, những tổn hại gây ra cho người khác. Bằng ngôn ngữ không thể chối cãi của sự thật, sự ăn năn của tôi được thử thách về tính xác thực. Đây thực sự là một ngôn ngữ, được nhiều người khác coi là có giá trị kêu gọi hòa giải.

Vì vậy, người con hoang đang đứng dậy và lên đường. Anh trở về với Cha mình. Anh quay trở lại theo con đường anh đã đến.

3.3. Ngôn ngữ xưng tội

Con người cũng là ngôn ngữ. Do đó, sự ăn năn sẽ được diễn đạt qua lời nói : nó bao gồm lời thú tội cũng là lời cầu xin được tha thứ. Vì lời thú tội chính là lời kêu gọi. Mọi sự ăn năn đều thúc đẩy tôi nói lại mối quan hệ. Nhưng tôi không thể tự tha thứ cho mình hay tự hòa giải với mình được. Do đó, cần phải có một lời tuyên bố phủ nhận quá khứ và phạm vi hành vi mới của tôi. Chính tôi phải tự lên án mình trước để người khác có cơ hội tha thứ cho tôi. Ngôn ngữ, là phương tiện giao tiếp giữa con người, cũng là nơi hòa giải tuyệt vời nhất. Ngay cả khi trong quá nhiều trường hợp, sự phức tạp của tình huống khiến cho việc thú nhận rõ ràng và đầy đủ trở nên bất khả thi, thì theo bản chất của sự việc, việc hoàn tất quá trình hòa giải vẫn là một kết quả đặc biệt đau đớn đối với lòng tự trọng, nhưng lại giải thoát biết bao. Chính người con hoang đàng đã nói với Cha mình: «Cha ơi, con đã lỗi phạm đến Trời và đến Cha. Con không còn đáng được gọi là con Cha nữa» (Lc 15.21). Đây là Willy Brandt đang quỳ trước tượng đài trại tập trung Auschwitz. Đây là hình ảnh Đức Giáo hoàng Phaolô VI đang hôn chân sứ thần của Đức Thượng phụ Dimitrios. Bởi vì cũng có những cử chỉ tương đương với lời nói.

Theo ba cách diễn đạt chính, đây là : sự ăn năn nội tâm, sự thay đổi hành vi để sửa chữa, sự thú tội là sự chối bỏ, quá trình hòa giải của người phạm tội. Phân tích của nó có thể tạo ra ấn tượng rằng nó tự phát triển : nhưng thực tế không phải vậy. Điều này chỉ xảy ra nếu người bị xúc phạm cũng thực hiện mọi việc thuộc trách nhiệm của mình.

4. Phía của sự tha thứ

Tôi tiếp tục mô tả quá trình đối chiếu. Chúng ta đã thấy kẻ phạm tội phải làm gì. Bây giờ chúng ta hãy xem xét điều gì phụ thuộc vào bên bị xúc phạm. Để phân tích, tôi cho rằng bên bị xúc phạm không hề có tội, trong khi đó, trong thực tế hòa giải của con người, sai lầm thường là do cả hai bên cùng chia sẻ. Cả hai bên sau đó phải trải nghiệm cả hai mặt của quá trình này.

4.1. Không ai có thể bỏ qua kẻ phạm lỗi với mình.

Tất cả chúng ta đều lo ngại về những tổn hại đã và đang xảy ra trong xã hội. Trên thực tế, đây thực sự là một sự chuyển đổi mà người bị xúc phạm cũng phải đổi mới. Hoặc là anh ta sẽ bị nhiễm cái ác và thực sự sẽ trả thù cái ác bằng cái ác, lợi dụng lợi thế của mình để đè bẹp người khác, hoặc tự nhốt mình trong sự oán giận để từ chối tiếp tục liên lạc với anh ta ; nhưng sau đó anh ta lại trở thành người có tội. Đây là trường hợp của người con trai cả của câu chuyện ngụ ngôn của chúng ta. Hoặc anh ta sẽ cảm thấy sự ăn năn lan tràn trong mình và sẽ tự làm hại mình. Anh ta sẽ vượt qua nỗi đau khổ của chính mình, lòng tự trọng bị tổn thương, danh tiếng bị

tổn hại, sự hung hăng tự phát mà anh ta cảm thấy nảy sinh trong mình đối với kẻ đã xúc phạm mình. Như nhà triết học Vladimir Jankélévitch đã chỉ ra một cách đúng đắn, sự tha thứ tốn kém hơn sự cho đi và, vì chính trở ngại mà nó phải vượt qua, nó mang lại một điểm cộng trong tình yêu ¹.

4.2. Bên bị xúc phạm phải là người hành động trước

Chúng ta thậm chí phải đi xa hơn khi nói rằng, mặc dù thoát nhìn có vẻ nghịch lý, nhưng chính người bị xúc phạm phải là người chủ động thực hiện bước đầu tiên để khiến người phạm lỗi ăn năn. Sẽ không ai đến xin tha thứ nếu họ không chắc chắn rằng cách tiếp cận của họ sẽ được đón nhận một cách thiện chí, rằng họ luôn được mong đợi và mong muốn, và rằng họ luôn được tha thứ. Người con hoang đàng sẽ không bao giờ thoát khỏi vùng đất đói kém nếu anh không có niềm tin chắc chắn rằng Cha của anh đã đứng đó trên đường chờ đợi anh. Tương tự như vậy, chúng ta đã thấy Đức Gioan Phaolô II đến thăm Ali Agça, người đã cố ám sát ngài, trong tù.

1 Vladimir JANKÉLÉVITCH, Tha thứ, Aubier, 1967, tr. 164

«Không có người con hoang đàng nào không được tha thứ và tìm kiếm sự tha thứ !» Mọi sự mặc khải của Kitô giáo đều nhằm xác nhận rằng dữ liệu này thể hiện chính đạo đức của Thiên Chúa. Từ Cựu Ước trở đi, Thiên Chúa mặc khải mình là một người bạn đồng hành sống động, có lòng yêu thương và thương xót trước những nỗ lực hoán cải của tội nhân. Thay vì thờ ơ hay từ bỏ nó, Ngài đặt vinh quang và niềm vui của mình vào việc tội nhân được hoán cải và sống. Ngài liên tục tuyên bố rằng sự tha thứ của Ngài dành cho những ai hoán cải. Ngài là «Thiên Chúa nhân từ và thương xót, không mau giận, đầy lòng nhân từ và thành tín, giữ điều thiện đến ngàn đời, tha thứ lỗi lầm, tội ác và tội lỗi» (Xh 34.6 ; Ds 14.18). Kinh Thánh thậm chí còn trình bày Ngài như là Đấng có khả năng «quay lưng lại cơn thịnh nộ» (Tv 85.4) chống lại tội lỗi, nghĩa là, theo một phép loại suy nhân cách hóa không phải là không có ý nghĩa, trải nghiệm sự hoán cải của tình yêu, chiến thắng cơn thịnh nộ.

Toàn bộ mẫu nhiệm Đức Kitô Đấng Hòa Giải là một phần của sáng kiến đó. Trong suốt sứ vụ của mình, Chúa Giêsu thực hiện việc tha thứ tội lỗi ; Người đã hoàn thành trên thập giá hòa giải của Thiên Chúa với loài người (Rm 5.10) ; Người trao phó cho các môn đệ chức vụ hòa giải (2 Cr 5.18).

4.3. Kiểm chứng tính xác thực của sự ăn năn

Do đó, sáng kiến tha thứ thuộc về bên bị xúc phạm. Một khía cạnh trách nhiệm của anh ta là giúp người phạm tội thoát khỏi nỗi đau và sự cô đơn của họ. Nhưng sự giúp đỡ để ăn năn không dừng lại ở đó : nó còn bao gồm một yêu cầu, không phải là sự oán giận, mà là sự sơ phạm hoặc «thuốc chữa bệnh». Bởi vì đây là vấn đề xác minh tính xác thực của sự ăn năn và các bước bao gồm. «Nếu không, Jankélévitch nói tiếp, vấn đề tha thứ sẽ chỉ là trò hề». ² Sự tương tác giữa ăn năn và tha thứ là có thật, với điều kiện là mỗi bên đều làm điều đúng đắn. Sáng kiến ăn năn sẽ không được khuyến khích nếu nó không đi kèm với lời đề nghị tha thứ ; nhưng sự tha thứ sẽ không có ý nghĩa gì nếu nó không đáp lại sự ăn năn thực sự. Sự tiến triển của sự ăn năn được nuôi dưỡng bằng thái độ tha thứ ; tha thứ ngày càng trở nên hiệu quả hơn khi công việc ăn năn trưởng thành (cũng giống như chúng ta đã nói về sự trưởng thành của «công việc than khóc»). Tuy nhiên, người bị xúc phạm không thể làm mọi việc thay cho người phạm tội ; người bị xúc phạm không thể tha thứ cho sự ăn năn thực sự của anh ta. Điều này không tôn trọng anh ta cũng không thực sự giải phóng anh ta.

2 Ibid., tr. 204.

Nhưng người ta có thể nói, liệu sự tình tế mang tính phê phán và tranh luận này có làm suy yếu tính rộng lượng của sự tha thứ, vốn phải là vô điều kiện hay không? Chúng ta có thấy người cha của người con hoang đàng đặt điều kiện cho con mình trước khi mặc cho con chiếc áo đẹp nhất và giết con bê béo không? Thái độ của Chúa Giêsu có tạo điều kiện cho trường hợp đòi hỏi và xác minh này không? Liệu nó có phải là bằng chứng cho thấy sự tha thứ ngay lập tức không? Thật vậy, các cảnh trong Tin Mừng cung cấp cho chúng ta những ví dụ về thực tế của sự ăn năn đã cho thấy tất cả các dấu hiệu của nó (người con hoang đàng đã trở về với cha mình; người tội lỗi ở dưới chân Chúa Giêsu với nước mắt và nước hoa); hoặc được diễn tả bằng lời hứa (Zachée hứa sẽ sửa chữa những bất công của mình). Chúa Giêsu cũng nói trong một số trường hợp: «Hãy đi và từ nay đừng phạm tội nữa» (Ga 8.11). Nhưng còn hơn thế nữa: sự tha thứ theo Tin Mừng không hề bị nghi ngờ là dễ dàng, ngay khi chúng ta xem xét đến cuộc khổ nạn của «Chúa Giêsu sám hối», một cách nghịch lý, Người cũng gánh lấy sự sám hối của chúng ta. Sáng kiến ân sủng này của Chúa Giêsu không nhằm mục đích ngăn cản chúng ta thực hiện sự ăn năn chân lý, nhưng là để giúp chúng ta thực hiện được điều đó. Nó cũng diễn tả sự siêu việt của hồng ân Thiên Chúa

ban liên quan đến bất kỳ hòa giải nào giữa con người.

5. Sự kiện hòa giải

Chúng ta đã nhìn thấy kẻ phạm tội tiếp cận. Chúng ta đã xem xét trường hợp của người bị xúc phạm, kết thúc bằng sự tha thứ.

Sự tha thứ như một ý định, như một ý chí, hiện diện ngay từ đầu trong cách tiếp cận của người bị xúc phạm. Đức Gioan Phaolô II gần đây đã nói với mẹ của Ali Agça, cầu xin sự tha thứ của con trai bà : - Tôi đã tha thứ ngay từ đầu rồi.

Nhưng sự tha thứ phải trở thành một sự kiện thông qua cuộc gặp gỡ của hai đối tác.

5.1. Cuộc gặp gỡ giữa người phạm tội và người bị xúc phạm

Tha thứ sau đó kết thúc quá trình của người bị xúc phạm, giống như hòa giải kết thúc quá trình của người phạm tội :

Jankélévitch lại nói rằng sự tha thứ thực sự là một *sự kiện* có niên đại xảy ra tại một thời điểm nhất định trong quá trình phát triển lịch sử ; tha thứ thực sự, vượt trên mọi luật lệ, là một hồng ân ân sủng của người bị xúc

phạm đối với người phạm tội ; tha thứ thực sự là mối quan hệ cá nhân với ai đó ³.

Và hơn thế nữa :

Hối hận là một lời độc thoại, nhưng tha thứ là một cuộc đối thoại, một mối quan hệ giữa hai người, trong đó một người mong đợi điều gì đó từ người kia ⁴.

Cuộc gặp gỡ giữa người phạm lỗi và người bị xúc phạm, trao đổi lời hòa giải, đối thoại thú tội và tha thứ, tạo nên một dạng hội nghị thượng đỉnh không thể thảo luận, cũng giống như lời nói ghen ngào trong cổ họng của hai người đang ôm nhau. Bất kỳ ai đã có trải nghiệm như vậy và bất kỳ ai đã góp phần mang lại hòa giải thực sự đều biết giá trị của cuộc gặp gỡ như vậy. Hoán cải của lòng ăn năn và hoán cải của lòng tha thứ cùng nhau diễn ra trong một phong trào lây lan lẫn nhau, chiến thắng kếp của tình yêu đối với lòng tự ái, của sự hiệp thông đối với chủ nghĩa vị kỷ, là khoảnh khắc của ân sủng, khoảnh khắc sáng tạo của sự mới lạ không ngờ tới, một giờ tái sinh, sự xuất hiện của một chân lý, nơi mà mọi lớp mặt nạ được gỡ bỏ, trải nghiệm về Thiên Chúa bùng nổ trước ánh mắt của những ai chú ý đến nó. Hơn bất kỳ mối quan hệ nào khác của con người,

3 V. JANKÉLÉVITCH, tác phẩm. trích dẫn, trang. 12.

4 Ibid., tr. 159

Thiên Chúa, là Tình yêu, hiện diện trong nụ hôn hòa bình của hòa giải, và mọi hòa giải anh em đích thực đều hàm chứa hòa giải với Thiên Chúa. Vì vậy, nếu tình cờ có một nhân chứng ở đó, người đó chỉ có thể im lặng và thờ phượng.

Gần như tự nhiên, hòa giải trở thành một *lễ* :

Jankélévitch nói thêm rằng điều này giải thích sự tôn vinh mà sự tha thứ mang lại. Người cha của đứa con hoang đàng đón tiếp người con ăn năn vào nhà mình ; điều này là công bằng và dễ hiểu. Nhưng việc ôm lấy người con, mặc cho anh chiếc áo choàng đẹp nhất, giết con bê béo và mở tiệc để tôn vinh người ăn năn, đó là điều không thể giải thích được, bất công và là bữa tiệc bí ẩn của Tha thứ ⁵.

Đây là ngày lễ mà Chúa Giêsu đến để mừng với những người tội lỗi. Dụ ngôn về người con hoang đàng, một dụ ngôn đích thực về sự hòa giải, là dụ ngôn về mục đích Chúa Giêsu đến để thực hiện. «Người này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với họ» (Lc 15.2), những kẻ chống đối Người chỉ trích Người. Sau khi ngồi vào bàn ăn của những người tội lỗi, Chúa Giêsu đã ban cho họ thứ gì đó để ăn bằng cách hóa bánh ra nhiều. Sau đó, bàn tiệc của Chúa Giêsu với những tội nhân đã được

hòa giải sẽ là Bí tích Thánh Thể.

5.2. Các biến của phương pháp tiếp cận

Vì mục đích của chung bày, mô tả của tôi được thu gọn lại thành cách tiếp cận cá nhân hướng đến sự hòa giải dứt khoát : nó bao gồm phác thảo toàn bộ hành trình, từ khi chia tay đến khi mối quan hệ được hàn gắn trọn vẹn. Sự giản lược này có nhược điểm là không làm nổi bật một số biến số nhất định can thiệp vào quá trình này, nhưng chúng có thể dễ dàng đi vào bức tranh chung này dưới dạng các nghiên cứu điển hình.

Ví dụ, tương lai và nhu cầu hòa giải, mặc dù liên quan đến những khoảnh khắc quan trọng trong cuộc sống, nhưng lại là chiều kích không đổi của toàn bộ sự tồn tại của con người. Con người không bao giờ có thể hòa giải hoàn toàn, dù là với chính mình, với người khác hay với Thiên Chúa.

Mặt khác, mô tả của tôi không phản ánh được chiều sâu của các cuộc xung đột giữa con người, nơi mà động lực của mỗi quan hệ giữa kẻ phạm tội và người bị xúc phạm được nhân đôi, mỗi bên đều là kẻ phạm tội và người bị xúc phạm ở những năng lực khác nhau. Tôi cũng không nhấn mạnh đủ yếu tố thời gian : có những

trường hợp mà quá trình hòa giải có thể thực sự được trải nghiệm, mặc dù nó vẫn chưa thể đạt được kết quả bình thường.

Tương tự như vậy, tôi đã đề cập đến cách tiếp cận mang tính cá nhân chứ không phải tập thể. Tuy nhiên, việc chuyển vị này dễ thực hiện vì cấu trúc đang nói đến là như nhau và mỗi người đều quan tâm đến các xung đột tập thể mà họ luôn là một bên liên quan : các xung đột xã hội, chính trị, quốc tế nhất thiết phải nằm trong quá trình hòa giải mà mỗi người đều phải thực hiện. Điều tương tự cũng áp dụng cho các xung đột tập thể mang tính chất tôn giáo (đối thoại giữa các tôn giáo; đại kết Kitô giáo).

6. Một ví dụ : hòa giải đại kết

Trước khi tiếp tục suy ngẫm về hòa giải như một bí tích trong Giáo hội, chúng ta hãy dừng lại và xem xét một ví dụ về cách tiếp cận tập thể đối với hòa giải: phong trào đại kết.

6.1. Đại kết : một phong trào hòa giải lâu dài

Tiến trình hiệp nhất của Kitô giáo không gì khác hơn là một phong trào hòa giải lâu dài của anh em con cái Thiên Chúa, giữa những người mà tội lỗi đã dựng nên những bức tường ngăn cách mới trong suốt chiều dài lịch sử. Phong trào này vừa là một món quà vừa là một yêu cầu của hòa giải được thực hiện trong Đức Kitô. Nó được Chúa Thánh Thần khơi dậy và thuộc về lịch sử cứu độ. Tai tiếng quá lớn về chia rẽ của những người phải ở giữa thế giới, những chứng nhân của hòa giải do Thiên Chúa ban tặng và ơn gọi của tất cả mọi người trong hiệp thông. Do đó, sẽ là thảm họa nếu phong trào hiệp nhất Kitô giáo trở thành một loại khu vực chuyên biệt nằm ngoài biên giới của Giáo hội Công giáo, trong khi không có gì thay đổi bên trong nó. Đây không phải là vấn đề quan hệ đối ngoại hay công tác đối ngoại, mà là vấn đề trách nhiệm của dân Chúa trong sứ mệnh cứu

rồi thế giới. Về bản chất, đại kết là vấn đề hoán cải và hòa giải.

6.2. Một trải nghiệm cá nhân

Xin cho phép tôi nhắc lại về kinh nghiệm ít ỏi của tôi khi tham gia vào nhiều nhóm đại kết đối thoại về giáo lý, đặc biệt là nhóm Dombes được thành lập năm 1937 bởi Cha Couturier, người tiên phong vĩ đại của tuần cầu nguyện cho sự hiệp nhất. Trước hết, để yêu, bạn phải hiểu rõ bản thân mình và cố gắng hiểu rõ bản thân mình, mà không sợ phải bước những bước đầu tiên. Đó là sự hoán cải của trái tim, diễn ra chậm rãi khi người ta khám phá ra sự giàu có trong đức tin của người bạn hữu. Khi đó, công việc hòa giải, đặc biệt là trong các vấn đề giáo lý, không thể tiến triển nếu không có lời cầu nguyện chung của tất cả mọi người, lời cầu nguyện đưa chúng ta đến gần với hồng ân hòa giải mà Thiên Chúa ban cho chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô. Bởi vì cầu nguyện là nơi Thiên Chúa hoán cải, biến đổi và thanh tẩy không chỉ trái tim chúng ta, mà cả trí tuệ và tâm trí chúng ta theo một ánh sáng mới, cho phép chúng ta vượt qua những tranh chấp để tiến về phía trước trung thành hơn với Phúc Âm. Một kinh nghiệm khác tôi có được là việc chúng ta có xu hướng phán đoán một cách tự phát

về người khác không thúc đẩy đối thoại ; mặt khác, sự phán đoán mà một người có can đảm đưa ra cho chính mình, về cách sống theo đạo Kitô giáo của mình, biết cách thừa nhận lỗi lầm của mình, nhận ra giới hạn của mình và thậm chí là người ta có thể sai trong cách đúng đắn của mình, và điều đó thúc đẩy cầu xin sự tha thứ, sự phán xét này vô cùng có hiệu quả không chỉ cho sự hòa giải của trái tim mà còn cho việc khám phá ra một chân lý lớn hơn. Vào lúc đó, thay vì khơi dậy nơi người bạn hữu một niềm vui dễ dàng kiểu như : «Cuối cùng anh cũng nhận ra là chúng tôi đã đúng!», chúng ta thấy anh ấy xúc động bước vào cuộc noi gương hoán cải về mặt tinh thần, cũng nhận ra những sai lầm trong lời thú tội của mình và mở lòng và mở trí để đón nhận những tiến bộ về giáo lý quyết định. Tôi đã trải nghiệm cuộc đối thoại này, cả về mặt tâm linh lẫn giáo lý, ví dụ như với một Kitô hữu vĩ đại mà tôi rất vui khi được tưởng nhớ ở đây, Mục sư Hébert Roux. Tôi cảm tạ Thiên Chúa vì điều này, vì người đàn ông này đã giúp tôi thay đổi điều gì đó trong cách thực hành thần học, cách sống và cách tồn tại của tôi. Ông ấy đã cho tôi trải nghiệm sự hòa giải.

6.3. Tham gia vào việc hoán cải các Giáo Hội

Điều mà tất cả chúng ta được yêu cầu, bất kể chúng ta ở đâu, là tham gia vào tiến trình hoán cải và hòa giải của Giáo hội Công giáo với những người Kitô hữu khác, tất nhiên là trong sự thật trọn vẹn của đức tin, một tiến trình được khởi xướng tại Công đồng Vatican II và thường xuyên được Đức Giáo hoàng Phaolô VI và Đức Gioan Phaolô II khuyến khích. Bạn có thể nói với tôi rằng sự thay đổi trong tâm hồn dẫn đến mối quan hệ tốt đẹp với anh em Kitô hữu là điều bạn đã đạt được. Càng tốt hơn, mặc dù sự chuyển đổi này không bao giờ hoàn tất và mức độ nghiêm túc của nó được đánh giá bằng những sáng kiến mà nó truyền cảm hứng. Nhưng tôi rất vui được hỏi bạn câu hỏi về sự chuyển đổi trí thông minh và tư duy của bạn. Bạn có tự cập nhật thông tin về những kết quả to lớn của cuộc đối thoại về giáo lý không, ví dụ như bằng cách đọc các tài liệu như tập sách «Đức tin và Hiến pháp» có tựa đề Rửa tội, Thánh thể, Chức vụ (RTC) ⁶, hoặc các tài liệu của Nhóm Dombes về cùng chủ đề, tin tức mới nhất liên quan đến *Chức vụ Hiệp thông trong Giáo hội Hoàn vũ* ⁷ ? Loại văn bản này có thể giúp bạn trải nghiệm sự xác minh mang tính truyền giáo về đức tin của mình, hay nói cách thông

6 Centurion-Presses de Taizé, 1982.

7 Centurion, 1986.

thường hơn là sự tái chế tốt đẹp giữa mỗi quan tâm đại kết, và giúp bạn khám phá ra những vấn đề thực sự của các tranh chấp về giáo lý.

Ngày nay người ta thường nói rằng phong trào đại kết đang trì trệ và mọi người tự hỏi «giáo quyền» đang làm gì. Trong phạm vi điều này là đúng, chúng ta không nên đổ lỗi một cách bất công cho người khác, giáo quyền hoặc đối tác. Nếu phong trào đại kết bị đình trệ, đó là vì các cộng đồng Kitô giáo, Công giáo, Chính thống giáo, Tin lành, Anh giáo, không sống đủ tiến trình hoán cải và hòa giải huynh đệ này, tiến trình diễn ra trong trái tim, trí tuệ và tư duy. Chúng ta hãy lấy một ví dụ tượng trưng : nụ hôn hòa bình giữa Đức Phaolô VI và Athenagoras chỉ có thể diễn ra vì trong hơn nửa thế kỷ, nhiều Kitô hữu Công giáo và Chính thống giáo đã trao nhau nụ hôn hòa bình.

Sự hòa giải đại kết, giống như sự hòa giải nói chung, là một hồng ân từ Thiên Chúa, nhưng đó cũng là công việc của tất cả chúng ta.

7. Hòa giải như một bí tích

«Bản thân Aristotle đã biết về hồng ân này, nhưng chỉ có Kinh thánh mới thực sự biết về ơn tha thứ⁸». Bài suy tư này của Jankélévitch tự nhiên mở đầu cho bước chuyển của chúng ta từ suy tư về hành vi hòa giải của con người sang hòa giải với Thiên Chúa, điều đã trở thành bí tích hòa giải trong Giáo hội.

7.1. Từ cách tiếp cận của con người đối với bí tích

Tôi muốn nói rằng hòa giải giữa con người với con người mang trong mình sự hòa giải giữa con người với Thiên Chúa. Chúng ta thấy rằng thực tại nhân bản này được thánh hiến bởi sự thiết lập của Đức Kitô, vì sự hòa giải huynh đệ của tội nhân với Giáo hội là bí tích về sự hòa giải của người Kitô hữu với Thiên Chúa và Cha của mình. Trong cuộc đối thoại của con người về sự thú tội và tha thứ này, Đức Kitô tham gia vào sự tha thứ được biểu thị như con người với con người trong Giáo hội. Đối với người Kitô hữu, bí tích này là sự hoàn thành được mặc khải, thông qua ân sủng tự do của Thiên Chúa trong Đức Kitô, của những gì bắt nguồn từ dữ liệu nhân

8 V. JANKÉLÉVITCH, tác phẩm. trích dẫn, trang. 167.

học của chúng ta và đã được sống theo một cách nhất định theo Luật Moïse, trong đó Thánh Thomas công nhận sự tồn tại của «một loại bí tích sám hối».

Chúng ta hãy lưu ý một sự kiện : dấu chỉ của bí tích sám hối không được cấu thành bởi sự thống nhất của một yếu tố - ví dụ như nước, bánh, rượu, dầu - và một lời, nhưng bởi một *cuộc đối thoại*, trong đó lời tha thứ đến để đáp lại lời thú tội. Bản thân cuộc đối thoại này là kết quả của một *ứng xử kép*, ứng xử con người của người sám hối được thể hiện qua những gì thần học gọi là những hành động của người sám hối, vốn là những hành động con người, và ứng xử con người về sự tha thứ được thể hiện qua hoạt động của Giáo hội kêu gọi hoán cải và ban ơn tha thứ.

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn điều này :

7.2. Về phía người tội lỗi

Từ ăn năn đến hối cải

Mọi thứ đều bắt đầu bằng sự ăn năn, chúng ta đã nói: trong ngôn ngữ thần học, sự đảo ngược này khởi đầu cho một quá trình ăn năn được gọi là *sự hối lỗi*, một thuật ngữ gọi lên sự nghiền nát hoặc tan vỡ của trái

tim. Sự ăn năn của người Kitô hữu có một khía cạnh thần học đúng nghĩa, vì nó bao gồm nhận thức được hình thành dưới ánh sáng của sự mặc khải, rằng Đáng mà cuối cùng tôi đã đối xử tệ bạc chính là Thiên Chúa. Hành vi của tôi khi đó gọi là tội lỗi. Trong quá trình phát triển trải nghiệm con người thành trải nghiệm tâm linh, sự xúc phạm đến Thiên Chúa được khám phá là hiện thực cuối cùng của tổn hại mà tôi đã gây ra cho người khác và cho chính mình.

Nếu sự ăn năn của tôi là chân thành, nó sẽ thúc đẩy tôi tiến tới hòa giải với người kia hoặc với những người khác. Nếu sự ăn năn của tôi là chân thành, nó cũng thúc đẩy tôi hòa giải với Thiên Chúa. Nhưng làm sao chúng ta có thể đạt được điều này mà không rơi vào ảo tưởng về ý thức tự vận hành ? Đây là lý do tại sao Giáo hội trao cho tôi một tiến trình hòa giải huynh đệ với Giáo hội, đó sẽ là bí tích hòa giải của tôi với Thiên Chúa. Giáo hội nói với tôi sự hối lỗi trong tôi đã là một hành vi của bí tích.

Từ thay đổi cuộc sống đến sự hài lòng

Sự ăn năn phải hình thành trong sự thay đổi cuộc sống: trong ngôn ngữ thần học, sự thay đổi bên ngoài của cuộc sống này được gọi là *sự hài lòng*. Theo nguồn gốc từ nguyên, thuật ngữ này không có nghĩa là người

ta sẽ đền bù chính xác cho tội ác đã gây ra, theo quan niệm trả thù về công lý, mà có nghĩa là người ta sẽ «làm đủ» để cho người khác và Giáo hội thấy được sự nghiêm túc lòng ăn năn của mình. Sự hài lòng cũng thuộc về bí tích hòa giải như một trong những hành vi của nó. Nếu không có nó, bí tích sẽ mất đi mọi sự nghiêm túc trong cuộc sống.

Từ lời thú tội đến lời xưng tội

Sự ăn năn cuối cùng được diễn tả qua lời thú tội : trong ngôn ngữ thần học, thú tội-từ bỏ được gọi là *xưng tội*. Nó cũng có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào lịch sử và văn hóa, cũng như bản chất của tội lỗi, tùy thuộc vào việc tội lỗi đó là công khai hay riêng tư và bí mật. Trải qua cuộc gặp gỡ có trình độ với Giáo hội, việc xưng tội thực chất là một sự thừa nhận mang tính thần học gửi đến Thiên Chúa, theo gương lời của Tv 50 : «Điều ác trước mắt Thiên Chúa, con đã làm». Đây là hành động thứ ba của người sám hối.

7.3. Về phía Thiên Chúa bị xúc phạm

Dấu hiệu tha thứ được đặt trong Giáo hội

Sáng kiến tha thứ và hòa giải, được thực hiện nơi Chúa Giêsu Kitô, được hiện diện và thấy rõ trong Giáo Hội, được trao phó chìa khóa Nước Thiên Đàng. Vì vậy, qua bí tích rửa tội trước tiên và sau đó là bí tích hòa giải, Chúa Giêsu muốn những dấu chỉ hữu hiệu và hiệu lực của hòa giải giữa con người với Chúa Cha phải luôn được đặt trong Giáo hội của Người. Khi đến với tội nhân, lời tuyên bố và món quà này luôn được đưa ra trước. Một mặt có chức vụ hòa giải, mặt khác toàn thể Giáo hội cầu nguyện cho những tội nhân.

Trách nhiệm ràng buộc và tháo gỡ

Khi tội nhân đến với bí tích, Giáo hội thực hiện đối với họ nhân danh Đức Kitô trách nhiệm cầm buộc và tháo cởi (Mt 16.19 ; 18.18) hoặc giữ lại và tha thứ tội lỗi (Ga 20.23), dựa trên sự phong chức mà Chúa Giêsu đã trao cho các môn đệ của Người. Đây không phải là một sự lựa chọn tùy thuộc vào quyết định của thừa tác viên của Giáo hội, mà là hai thời điểm hợp lý, nếu không muốn nói là theo trình tự thời gian : đầu tiên là ràng buộc hoặc giữ lại, sau đó là hủy ràng buộc hoặc trao trả. Kiểu hành vi này đã từng xuất hiện trong Do

Thái giáo của Đức Kitô đương thời, dưới hình thức thủ tục khai trừ tạm thời sau đó cho phép người có tội được tái hòa nhập vào cộng đồng. Một thực hành tương tự sẽ được trải nghiệm trong kỷ luật công khai về việc sám hối của Giáo hội cổ xưa.

Ở đây chúng ta tìm thấy sự hài lòng (hay theo thuật ngữ thông thường là «sám hối»), vì nó được áp đặt bởi vị chủ chăn của Giáo hội. Đây là hành động *ràng buộc* tội nhân để giúp họ hoàn tất quá trình của mình. Như trong Tin Mừng, mọi việc sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn khi hành vi của người ăn năn càng trưởng thành.

Hòa giải và tha thứ

Hành động ràng buộc sau đó dẫn đến hành động tháo gỡ : đây là điều mà ngôn ngữ của Giáo hội gọi là *xá giải* hay hòa giải. Cũng như Chúa Giêsu đã nói với những tội nhân ăn năn : «Tội lỗi của con đã được tha» (Mc 2.9; Lc 7.48), với nguy cơ gây tai tiếng cho những người có mặt, vì Người đã tự cho mình quyền chỉ thuộc về Thiên Chúa, cũng vậy, bởi ý muốn và quyền năng ân sủng của Người, các thừa tác viên của Giáo hội tha tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Phần Hai

Lịch sử tóm tắt của Bí tích Hòa giải

8. Ở nguồn gốc : đời sống rửa tội, đời sống hoán cải

Tôi đã mô tả cách tiếp cận kép về hòa giải. Tôi đã chỉ cho anh chị em thấy rằng bí tích sám hối và hòa giải của chúng ta cũng bao gồm cách tiếp cận kép giữa tội nhân ăn năn và Giáo hội, nơi lưu giữ sự tha thứ của Thiên Chúa.

Bây giờ tôi đề nghị chúng ta hãy cùng xem qua lịch sử của bí tích này qua nhiều thế kỷ của Giáo hội. Để làm gì ?

- trước tiên phải kiểm tra xem hai cách tiếp cận này vẫn còn hiệu lực hay không ;

- để rồi làm chúng ta ngạc nhiên với sự đa dạng to lớn về hình thức cụ thể mà bí tích đã có theo thời gian. Đây là một câu chuyện khá thú vị với nhiều tình tiết hồi hộp. Chúng ta thấy rằng Giáo hội luôn tìm cách thích ứng với nhu cầu của các tín hữu ;

- sau cùng, làm phong phú thêm cách sống bí tích của chúng ta bằng những cách thực hiện nhất định có thể giúp chúng ta mang lại ý nghĩa trọn vẹn cho bí tích. Tôi không có ý làm việc khảo cổ học ; tôi không có ý định khôi phục lại những nhân vật trong quá khứ vì điều đó

là không thể, mà chỉ muốn thu thập những gì có giá trị với chúng ta.

Câu chuyện này khá dài : chúng ta hãy bắt đầu bằng việc đặt mình vào cuối thế kỷ thứ nhất và trong thế kỷ thứ 2. Mặc dù các văn kiện đầu tiên của Giáo hội khẳng định chắc chắn về việc thiết lập phép rửa tội, nhưng lại không đề cập đến một thiết chế tương tự liên quan đến việc sám hối và hòa giải. Một số nhà sử học đã quá xúc động trước sự việc này đến nỗi họ không nhận ra rằng việc thực hiện hoán cải theo một cách nào đó lại gắn liền với đời sống của Giáo hội.

8.1. Đời sống rửa tội, đời sống mới

Nhận xét này có tầm quan trọng lớn trong việc hiểu mối quan hệ giữa phép rửa tội và bí tích hòa giải. Người ta không chỉ hiểu rằng người dự tòng được rửa tội vào cuối thời gian chuẩn bị bao gồm cả việc hoán cải tâm hồn và cuộc sống, sám hối những tội lỗi trước đây và tiếp nhận giáo lý đức tin, mà còn hiểu rằng qua phép rửa tội, người dự tòng cam kết bước vào một cuộc sống mới, một cuộc sống đức tin và thánh thiện bao gồm sự thay đổi hoàn toàn về đạo đức và về nhiều mặt vẫn là một cuộc sống sám hối, bằng cách tách biệt khỏi mọi

thứ tạo nên xã hội ngoại giáo. Cuộc sống này cũng đòi hỏi phải đấu tranh liên tục chống lại khuynh hướng tội lỗi.

Bởi vì người dự tòng thay đổi vũ trụ : họ rời bỏ thế giới ngoại giáo và bước vào Giáo hội, nơi sẽ là môi trường sống mới của họ. Theo quan điểm này, tội lỗi về mặt cụ thể và xã hội học bao gồm việc quay trở lại với cuộc sống thế gian, với sự sùng bái ngẫu tượng, với sự hoài nghi và với đạo đức của thế gian. Tội lỗi có giá trị tôn giáo cao cả : đó là sự xúc phạm đến Thiên Chúa và Giáo hội, thân thể của Đức Kitô. Trong những biểu hiện bên ngoài nghiêm trọng nhất của nó, nó có vẻ không tương thích với đời sống của Giáo hội, nơi được coi là linh thiêng : đây là lý do tại sao không thể chấp nhận điều đó ở đó.

8.2. Xưng tội ngày Chúa Nhật khi bắt đầu Thánh Lễ

Do đó, hoán cải và sám hối trước hết trong Giáo hội là việc thực hành liên tục đời sống rửa tội. Người Kitô hữu nhận thức rằng họ vẫn là tội nhân và phải đấu tranh với tội lỗi. Họ phạm phải những lỗi lầm hàng ngày làm suy yếu tình anh em Kitô giáo và cuộc sống của họ ít

hiều chịu ảnh hưởng của các phong tục ngoại giáo. Những tội lỗi này là chủ đề của lời thú tội vào ngày Chúa Nhật («exomologesis»).

Việc xưng tội chung này - mức độ chính xác khó có thể nói rõ - được thực hiện trước khi cử hành Bí tích Thánh Thể và được chính thức hướng đến sự hòa giải huynh đệ. Một văn bản từ *Didachè*, một tài liệu Kitô giáo quý giá từ cuối thế kỷ thứ nhất, yêu cầu, rõ ràng liên quan đến Mt 5.23-24, «người nào có tranh chấp với bạn đồng hành của mình thì không được tham gia vào cộng đồng của anh em cho đến khi người đó được hòa giải, để lễ vật của anh em không bị ô uế»⁹. Một văn bản sau đó một chút của Tertullian cho rằng lời thú nhận của cộng đồng này kết thúc bằng nụ hôn bình an¹⁰. Trong mọi trường hợp, đó là một hành động phụng vụ, do Giáo hội chủ trì.

8.3. Một hình thức sơ khai của bí tích ?

Câu hỏi mà chúng ta muốn hỏi là : đây có phải là hình thức sơ khai của bí tích không ? Câu hỏi này không có câu trả lời trong khuôn khổ các phạm trù thần học và

9 *Didachè*, XIV, 1-2. Xem thêm H. KARPP, *La Pénitence, Delachaux et Niestlé*, 1970, số 60, tr. 39.

10 TERTULLIAN, *Về Cầu nguyện*, 18.

kinh điển hiện tại của chúng ta. Nhưng có thể nói rằng những người Kitô hữu trong các cộng đồng nguyên thủy đã thực sự sống thực tại ân sủng tạo nên bí tích hòa giải thông qua phụng vụ này. Bởi vì đó là sự tha thứ tội lỗi được trải nghiệm trong cộng đồng Giáo hội. Sự tha thứ này, bao gồm sự ăn năn, sám hối và xưng tội, liên kết trực tiếp sự hòa giải anh em, sự hòa giải với Giáo hội và sự hòa giải với Thiên Chúa. Nó nhấn mạnh đến trách nhiệm chung của mọi người trong cuộc chiến chống lại tội lỗi và trong quá trình hòa giải. Mặt khác, đây là một nghi lễ do thừa tác viên Thánh Thể chủ tế và mối liên hệ nguyên thủy giữa việc sám hối và Thánh Thể không phải là không có lợi ích. Trong mọi trường hợp, sẽ là một sai lầm khi tin rằng «những người Kitô hữu tốt» không phải trải qua bất kỳ quá trình sám hối nào trong Giáo hội. Ngược lại, điều có vẻ nguyên thủy nhất chính là việc thực hành hoán cải, sám hối và hòa giải như một cách thực hiện cụ thể cam kết khi chịu phép rửa tội.

Lời nhắc nhở lịch sử này có thể giúp chúng ta thực sự sống phụng vụ sám hối mà mọi Bí tích Thánh Thể vẫn bắt đầu ngày nay.

9. Ở nguồn gốc : những tình huống mới

Ngay từ thời kỳ đầu này, chúng ta có thể giữ lại những giáo lý khác, ngay cả khi vẫn chưa có một thể chế vững chắc nào về bí tích hòa giải, ngoài nghi thức sám hối vào đầu Bí tích Thánh Thể.

Thật vậy, các cộng đồng Kitô giáo không nhiệt thành và có tính xây dựng như người ta đôi khi vẫn nghĩ. Ít nhất vẫn còn những người Kitô hữu sống một cuộc sống không phù hợp với đức tin của họ.

Chúng ta hãy xem xét hai tình huống mới :

9.1. Trường hợp lỗi nghiêm trọng hơn

Các tài liệu cùng thời kỳ còn báo cáo những lỗi nghiêm trọng hơn : tai tiếng gây ra trong cộng đồng hoặc nổi loạn chính thức chống lại thẩm quyền của Giáo hội. Cuộc nổi loạn này có thể dẫn tới sự chia rẽ. Sự phân biệt với những trường hợp trước đây được xử lý trong khuôn khổ xưng tội ngày Chúa Nhật không hoàn toàn tương ứng với tội trọng và tội nhẹ của chúng ta. Tuy nhiên, có sự khác biệt rõ ràng giữa điều gì không phá vỡ và điều gì phá vỡ sự hiệp thông với Giáo hội. Nhiều chứng từ cho thấy rằng trong những trường hợp tai tiếng,

nổi loạn và thậm chí ly giáo này, sự hòa giải là có thể, thông qua sự hoán cải, sám hối và tuân theo phán quyết của Giáo hội. Thánh Ignace thành Antioche chứng thực rõ ràng rằng việc trở về hiệp thông với giám mục cũng là trở về hiệp nhất với Thiên Chúa : «Những ai thuộc về Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô, những người thuộc về giám mục; và những ai, khi thực hiện việc sám hối, trở về với sự hiệp nhất của Giáo hội, thì những người này cũng thuộc về Thiên Chúa, để được sống theo Chúa Giêsu Kitô ¹¹ ». Các văn bản khác cho chúng ta biết về những người theo tà giáo được tiếp nhận vào Giáo hội sau khi sám hối. Những trường hợp này dường như khá hiếm.

9.2. Tình hình cộng đồng Rôma : việc rao giảng của Hermas

Ba mươi năm sau, một yếu tố hoàn toàn mới đã can thiệp vào bài giảng của Hermas, một giáo dân ở Rô-ma, về việc sám hối. Yếu tố này có ý nghĩa về mặt xã hội học và lịch sử. Trong một văn bản nổi tiếng và mang

11 IGNACE thành ANTIOCHE, Phil. III, 2, tạp chí «Nguồn gốc Kitô giáo», 10, tr. 143.

tính ẩn dụ ¹², Hermas đã mô tả một cách nghiêm khắc về cộng đồng Kitô giáo ở Rô-ma. Hàng loạt người theo đạo Thiên Chúa thấy mình đang trên con đường rời xa Giáo hội và quay trở lại cuộc sống ngoại giáo của thế gian. Tất nhiên là có những kẻ bội giáo hoặc những kẻ dị giáo khét tiếng, nhưng cũng có những người có đức tin vẫn còn giả tạo và pha trộn với các học thuyết ngoại lai, những người do dự «có trái tim hai mặt», những người «không thực hành» không còn thường xuyên đến cộng đồng và thích kinh doanh, hoặc thậm chí những người thấy cuộc sống với những người ngoại đạo dễ chịu hơn nhiều... Điều mới lạ không nằm ở sự tồn tại của những hành vi như vậy : mà nằm ở số lượng của họ. Những kẻ tội lỗi đã trở thành một dân số và tội lỗi của họ đã biểu hiện dưới hình thức chối bỏ cam kết chịu phép rửa tội. Vậy chúng ta nên làm gì khi không còn có thể thực hiện phép rửa tội lần thứ hai nữa ? Tuy nhiên, vẫn có một triển vọng mới về sự tha thứ, nhưng tốn kém hơn và lâu hơn. Trên hết, phép rửa tội là sự tha tội tức thời, điều này chắc chắn đòi hỏi phải có sự hoán cải / sám hối trước đó. Nhưng đối với những người đã chịu phép rửa tội nhưng lại quay về với tội lỗi, Hermas nói, Chúa đã thiết lập một sự sám hối, trong đó chỉ bao gồm lời hứa tha thứ. Nói cách khác, không có phép Rửa thứ 12 Mục sư Simil. VIII, 4,1-11,4; tạp chí «Nguồn gốc Kitô giáo», 53, tr. 271-287.

hai, không có tha thứ ngay lập tức ; nhưng có khả năng sám hối hướng đến hòa giải, một hành vi khó nhọc và lâu dài, vì tội lỗi của người đã chịu phép rửa tội có tính chất nghiêm trọng đặc biệt là tái phạm và không chung thủy.

Đối với Hermas, sự sám hối này chỉ có thể thực hiện được một lần. Đây là một ý tưởng mới ; nhưng ý tưởng này sẽ được giữ lại và sẽ có giá trị trong suốt quá trình sám hối công khai : cũng như phép rửa tội là duy nhất, thì việc sám hối, vốn đòi hỏi nhiều hơn về hình thức, cũng phải là duy nhất. Nó khôi phục lại đời sống phép rửa tội vốn đã bị từ chối : sự nhượng bộ liên quan đến tính duy nhất của phép Rửa chỉ có thể là duy nhất. Cũng cần phải nói rằng theo quan điểm của Hermas, ngày tận thế đã gần kề : không còn nhiều thời gian để sám hối ; nhưng điều này được coi là hành vi lâu dài, giống như tội lỗi là lâu dài.

9.3. Những bài học của thời kỳ đầu tiên này

Tôi ghi lại ba điều chính :

a) Hình thức bên ngoài của bí tích sám hối không chủ yếu được cấu thành bởi một nghi lễ, bao gồm việc sử dụng các yếu tố của thiên nhiên như trong phép rửa

tội, Thánh Thể hoặc các nghi thức xúc dầu khác nhau. Hình thức này bao gồm một hành vi hòa giải hữu hình, nghĩa là trong một hành vi của con người đã trở thành bí tích hòa giải với Thiên Chúa trong Giáo hội, theo ý muốn của Đức Kitô. Đây là lý do tại sao chúng ta không dễ dàng tìm thấy một thể chế sám hối nào ngay từ đầu.

b) Truyền thống ban đầu của Giáo hội chứng thực hai tình huống sám hối rất khác nhau. Một cái thì không đổi, cái kia thì có vẻ độc đáo và khác biệt. Trong một trường hợp, việc sám hối được thực hiện trong đời sống chịu phép rửa tội, được coi là cuộc sống đấu tranh chống lại tội lỗi và liên tục tìm kiếm hòa giải. Trong khi đó, việc sám hối tái lập ân sủng và quyền lợi của phép rửa tội cho người đã phá vỡ ấn tín của phép rửa tội. Đó là sự lặp lại đầy nghịch lý của những điều không thể lặp lại.

c) Hành vi sám hối liên quan đến toàn bộ đời sống của Giáo hội : đây là lý do tại sao điều quan trọng là không nên quá vội vàng trong việc quyết định điều gì là bí tích và điều gì không phải. Nó liên quan đến tất cả các thành viên trong cộng đồng ở cấp độ trách nhiệm Kitô giáo của họ. Mọi người đều tham gia vào cuộc chiến chống lại tội lỗi trong Giáo hội và cầu nguyện để được tha thứ tội lỗi.

10. Vào thế kỷ thứ 3 : tổ chức sám hối đầu tiên

Chúng ta tiếp tục đi qua nhiều thế kỷ để thu thập bài học về cách tiến hành hòa giải. Chúng ta đang ở thế kỷ thứ 3 và dần dần chứng kiến sự xuất hiện của tổ chức sám hối đầu tiên.

Tình huống của hành vi này sẽ khiến bạn ngạc nhiên, thậm chí là sốc, vì tính nghiêm ngặt và bản chất công khai của nó. Giáo hội thời đó sống trong một xã hội có đạo đức rất khác biệt so với chúng ta. Theo thời gian, điều này sẽ khiến chúng tiến hóa và phải thích nghi với sự tiến hóa này.

Chúng ta hãy cùng xem mọi việc diễn ra thế nào.

10.1. Bước vào sám hối

Vào thời điểm bắt đầu, người Kitô hữu được biết đến với hành vi được cho là tội lỗi và không phù hợp với sự thánh thiện của Giáo hội có thể là đối tượng của sự «tố cáo» từ các anh em hoặc là đối tượng của sự «khiến trách» từ giám mục hoặc các linh mục. Nếu không tuân thủ, anh ta sẽ bị cộng đồng xa lánh. Nếu tuân thủ, người đó sẽ bước vào hàng ngũ sám hối trong một buổi lễ

phụng vụ do giám mục chủ trì : lỗi lầm của người đó sẽ được tuyên bố công khai (nhưng lỗi lầm đó đã thuộc về công chúng) ; người ta đưa cho anh ta quần áo của người ăn năn và cho anh ta biết bản chất và thời gian sám hối của mình. Giám mục đặt tay lên người đó và theo nghi thức trục xuất người đó ra khỏi cộng đồng trong thời gian sám hối. Vì thế, tội lỗi của anh đã bị «trói buộc». Việc thực hiện nghi lễ sám hối sẽ được thực hiện dưới sự giám sát của các linh mục.

Những tội lỗi nào phải chịu sự sám hối công khai? Đây không phải là «tội lỗi hàng ngày» của sự yếu đuối. Đối với Tertullian, một mặt là sự tham gia vào các lễ hội ngoại giáo, các hoạt động hoặc chức năng công cộng xoay quanh việc thờ thần tượng ; sự phủ nhận hoặc phạm thượng «ngụy biện», gây ra những xáo trộn nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng (nổi loạn, tức giận, v.v.) ; và mặt khác, «giết người, thờ ngẫu tượng, hành vi phạm tội (*fraus*), bội giáo, phạm thượng, và tất nhiên là ngoại tình, gian dâm và mọi hành vi xúc phạm đền thờ của Thiên Chúa»¹³.

13 TERTULLIAN, Về sự trong trắng, XIX, 25; so sánh KARPP, tác phẩm. cit., số. 138, trang. 215.

10.2. Thành tựu theo thời gian

Việc sám hối bao gồm việc ăn chay và ngâm mình một mặt và việc tham gia vào các nghi lễ sám hối mặt khác. Trong suốt thời gian sám hối, toàn thể cộng đồng, linh mục và giáo dân, cầu nguyện cho những người sám hối. Sự tương đồng giữa hành vi của người dự tòng và người ăn năn khiến Tertullian nói đến «sự sám hối lần thứ hai».

Niềm xác tín về giáo lý của Giáo hội là : khi hối nhân thực hiện việc đền tội do Giáo hội áp đặt cho mình, thì tội lỗi của họ sẽ được Thiên Chúa tha thứ. Do đó, khi hình phạt hoàn tất, người ăn năn sẽ dần dần hòa nhập trở lại với phụng vụ, đầu tiên là ở phía sau nhà thờ, sau đó là ở những nơi khác mà họ có thể tham dự những phần quan trọng hơn của buổi lễ. Tại đó, họ sẽ nhận được nhiều phước lành và nghi thức đặt tay, như thể sự hòa giải được phân phối theo thời gian.

10.3. Hòa giải

Kết thúc của việc sám hối là một lời thú tội mới với giám mục, đầu tiên là công khai, sau đó là kín đáo hơn nếu không muốn nói là bí mật. Điều này phán xét giá trị của việc sám hối đã hoàn thành. Trong nghi lễ cuối

cùng và long trọng, ngài ban ơn hòa giải cho người ăn năn và khôi phục quyền tiếp cận Bí tích Thánh Thể bằng cách đặt tay lên người đó, một cử chỉ có ý nghĩa tương đương với nước rửa tội. Do đó, tội lỗi được «giải thoát». Nhưng người ta hiểu rằng Giáo hội chỉ có thể hòa giải tội nhân khi việc đền tội đã làm cho họ được hòa giải với Thiên Chúa.

Vào thế kỷ thứ 4, chúng ta thấy xuất hiện trong Basil thành Caesarea những mức đền tội cho những tội lỗi chính, kèm theo chỉ dẫn về thời hạn đền tội cho từng hạng người đền tội. Theo thời gian, các nghi lễ sám hối lớn được tổ chức trong Mùa Chay và lễ hòa giải thường diễn ra vào Thứ Năm Tuần Thánh. Có thể có sự liên hệ giữa phụng vụ dành cho người dự tòng và phụng vụ dành cho người sám hối. Toàn thể cộng đồng Kitô giáo đều tham gia vào các nghi lễ này, đây cũng là cơ hội để những Kitô hữu khác nhận ra tội lỗi của mình.

10.4. Xuất hiện lời thú tội bí mật

Rõ ràng là chúng ta không nên tìm kiếm một hình thức sám hối bí mật vào thời điểm này, bao gồm sự hòa giải vốn tồn tại song song với việc sám hối công khai. Mặt khác, việc nhấn mạnh đến sự xuất hiện của

một lời thú tội bí mật trong khuôn khổ của sự sám hối công khai cũng không phải là vô ích. Origen là nhân chứng đầu tiên cho điều này đối với chúng ta, khi gọi lên trường hợp mà người ăn năn, thay vì bị tố cáo, đã chủ động xưng tội, «và không xấu hổ khi tiết lộ tội lỗi của mình với vị linh mục của Chúa và tìm kiếm biện pháp khắc phục ¹⁴». Chức vụ của linh mục giống như chức vụ của một bác sĩ phải đưa ra phương thuốc đúng đắn. Lời thú tội bí mật này có thể dẫn đến việc sám hối công khai, hoặc nếu không cần thiết, có thể thực hiện một hình thức sám hối riêng tư. Điều này sẽ không liên quan đến sự hòa giải, mặc dù theo cách riêng của nó, nó sẽ phải chịu sự phán quyết của Giáo hội.

Lời chứng của Origen vẫn còn biệt lập trong thời đại của ông. Nhưng tập tục xưng tội bí mật với linh mục này sẽ phát triển, cả ở phương Tây và phương Đông, từ cuối thế kỷ thứ 4. Như vậy chúng ta thấy sự khởi đầu của một phong trào nội tâm hóa việc sám hối.

14 ORIGEN, Bài giảng về Lê-vi, II, 4; so sánh KARPP, tác phẩm. trích dẫn, số 154, tr. 253.

11. Vào thế kỷ thứ 3 : suy nghĩ về tình huống

Tôi đã mô tả tiến trình hòa giải được thiết lập dần dần từ thế kỷ thứ 3 trở đi và trở thành kỷ luật chính thức của Giáo hội cho đến khoảng thế kỷ thứ 7. Tình huống này có thể khiến bạn ngạc nhiên vì mức độ nghiêm trọng của nó. Thật tốt khi quay lại vấn đề này với một vài suy nghĩ để hiểu rõ hơn về mọi thứ và rút ra những bài học có thể cho chính mình.

11.1. Ứng xử kép của người sám hối và Giáo hội

Trước tiên, chúng ta xác minh hành vi kép của tội nhân đã ăn năn và của Giáo hội tha thứ. Chúng ta có thể thấy rõ ràng mối liên hệ giữa chúng với nhau. Nhưng quá trình này diễn ra trong một truyền thống văn hóa nhân mạnh đến những biểu hiện bên ngoài của quá trình sám hối ; có điều gì đó ở đây đã được chứng thực trong Cựu Ước : sám hối là mặc lấy vải thô và rắc tro có nghĩa là ăn chay nghiêm ngặt, khóc lóc và than thở, và áp dụng một loạt các thái độ khiêm nhường. Trong Tin Mừng, người tội lỗi ngồi dưới chân Chúa Giêsu mà khóc. Điều tương tự cũng đúng trong Giáo hội cổ xưa, vì có niềm tin rằng sự hoán cải không thể chỉ đơn thuần

là nội tâm, rằng sự ăn năn hối lỗi nhất thiết phải được bày tỏ công khai.

Đây là lý do tại sao lời thú tội lúc đầu cũng có tính chất công khai. Rõ ràng, vấn đề không phải là chúng ta áp dụng những hình thức bên ngoài không còn phù hợp với não trạng của mình nữa, mà là chúng ta rút ra bài học quan trọng này : không có sự chuyển đổi thực sự nào mà không thông qua hành động, không hình thành, như tôi đã nói. Những gì hoàn toàn là nội tại, những gì thuộc về ý định thuần túy, có nguy cơ trở thành ảo tưởng : chúng ta biết rằng địa ngục được lát bằng những ý định tốt ! Có lẽ ngày nay chúng ta đã quên rằng thân xác chúng ta cũng có vai trò trong sự hoán cải và hòa giải. Chúng ta dễ dàng bác bỏ sự phân chia trừu tượng giữa linh hồn và thể xác : nhưng trong trường hợp này, chúng ta có nguy cơ trở thành những nhà tâm linh rất tệ.

Hơn nữa, hình ảnh hòa giải cổ xưa này nhắc nhở chúng ta rằng sự hoán cải cần có thời gian, thực sự là một công việc. Cái ác và tội lỗi luôn tồn tại trong cuộc sống của chúng ta hằng ngày ; do đó, việc chuyển đổi cũng diễn ra theo thời gian là điều bình thường. Phải mất thời gian để phá hủy càng nhiều càng tốt sự dính mắc vào tội lỗi và để sửa chữa nó. Sự tha thứ chỉ đúng nếu trước tiên nó mang lại, và sau đó kết thúc, quá trình

chuyển đổi cụ thể ; vì sự tha thứ không thể thay thế được nó. Nó sẽ trở thành ân điển rẻ tiền.

Về phía Giáo hội, bạn sẽ nhận thấy rằng hoạt động của Giáo hội có ba giai đoạn : - đầu tiên là trói buộc - sau đó là cầu nguyện cho tội nhân và giúp đỡ họ - cuối cùng là tháo gỡ và hòa giải. Không giống như ngày nay, Giáo hội không ban sự tha thứ ngay lập tức chỉ bằng một lời hứa đơn giản để hoàn thành việc sám hối. Để làm gì ? Bởi vì Giáo hội tin rằng không thể mạo hiểm hòa giải một tội nhân trước khi người đó thực sự được hòa giải với Thiên Chúa. Giáo hội phân biệt rõ ràng điều gì là dành riêng cho Thiên Chúa và điều gì là một phần trong chức vụ của mình. Sự sám hối không bao giờ đến đột ngột. Đối với Giáo hội, toàn bộ hành vi hoán cải của tội nhân mới có giá trị bí tích, vì nó tùy thuộc vào sứ vụ của mình. Ân điển của Thiên Chúa, ân điển của sự tha thứ thiêng liêng, can thiệp trong suốt quá trình này. Tôi đã nói : khi người ăn năn thực hiện việc sám hối của mình, tội lỗi của người đó sẽ được Thiên Chúa tha thứ. Chắc chắn, việc hòa giải cuối cùng rất quan trọng, nhưng sẽ là một sai lầm nếu tin rằng chỉ có việc này mới tạo nên bí tích.

11.2. Một hình phạt đặc biệt nghiêm khắc : sự sám hối độc nhất và công khai

Một điều quan trọng cần cân nhắc nữa là khía cạnh đặc biệt nghiêm ngặt của kỷ luật này. Tôi đã nói về quy tắc hiệp nhất : sám hối và hòa giải là phao cứu sinh thứ hai sau khi con thuyền mà người ta bước vào bằng phép rửa tội bị chìm, theo như các văn bản thời đó viết. Vì vậy, đây là khả năng duy nhất, nhưng theo lời Tertullian, người cũng có khuynh hướng rất nghiêm ngặt, thì đây đã là quá nhiều rồi.

Nhưng còn hơn thế nữa : không chỉ thời gian sám hối đối với những tội lỗi rất nghiêm trọng có thể kéo dài tới vài năm, mà còn có những tội lỗi khiến người ta phải sám hối mãi mãi. Đây chính là điều được gọi là sự *không thể tha thứ* đối với một số tội lỗi. Người ta gộp điều này vào thế kỷ thứ 3 ở cả phương Đông và phương Tây : nó đặc biệt liên quan đến những kẻ bội giáo, kẻ ngoại tình và kẻ giết người. Do đó, Giáo hội giao phó việc hòa giải của người ăn năn cho Thiên Chúa như là phương sách cuối cùng. Nhưng từ Công đồng Nicaea (năm 325), Giáo hội đã hòa giải mọi tội nhân trên giường bệnh.

Tại sao lại nghiêm trọng đến thế ? Về cơ bản, Giáo hội đang phải đối mặt với một vấn đề vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay : làm sao để dung hòa sự nghiêm khắc đối với tội lỗi và sự khoan dung đối với tội nhân? Sự nghiêm khắc quá mức có thể trái ngược với lòng thương xót toàn năng của Thiên Chúa ; sự nuông chiều quá mức có thể được coi là sự thỏa hiệp với tội lỗi và làm giảm giá trị toàn bộ quá trình hòa giải. Trên thực tế, Giáo hội đã tiến tới sự nuông chiều ngày càng lớn hơn nhân danh chủ nghĩa hiện thực của đức tin. Giáo hội đã từ bỏ việc tuyên bố xây dựng hình ảnh của một Giáo hội thánh thiện ; Giáo hội thích thể hiện hình ảnh của một dân tộc, vừa có tội vừa được tha thứ, luôn trong quá trình hoán cải, sám hối và hòa giải.

11.3. Một biểu tượng rất hướng về cộng đồng

Cuối cùng, chúng ta hãy nhớ lại chiều hướng cộng đồng mạnh mẽ của kỷ luật này. Các nghi lễ phụng vụ rất nhiều và thu hút sự quan tâm của toàn thể cộng đồng, những người đang đấu tranh chống lại tội lỗi và ủng hộ về mặt tình cảm cho những tội nhân đang chịu sám hối. Mọi thành viên được mời gọi có thái độ hoán cải và hòa giải. Có một khía cạnh ở đây mà việc xưng tội bí mật đã lãng quên và chúng ta khám phá lại ngày nay thông qua

lợi ích của các nghi lễ sám hối, vừa là phương pháp sự phạm của sự hoán cải vừa là lời loan báo về sự tha thứ.

Cuối cùng, trong hệ thống này, chúng ta thấy được sự phát triển lợi ích của việc xưng tội, lúc đầu là công khai, nhưng nhanh chóng trở thành bí mật : một cuộc đối thoại thân mật và thiêng liêng giữa tội nhân và linh mục.

12. Vào đầu thời Trung Cổ : biến đổi lớn của việc sám hối

Bây giờ, trong hành trình lịch sử của bí tích hòa giải, chúng ta hãy quay trở lại giai đoạn từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 10, tức là đầu thời Trung Cổ.

Chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi ngoạn mục: người ta gần như có thể nói rằng quang cảnh đã thay đổi ngay trước mắt ! Giáo hội sẽ chuyển từ việc sám hối công khai và duy nhất sang việc sám hối và hòa giải bí mật và có thể lặp lại. Trước tiên chúng ta hãy thử tìm hiểu nguyên nhân gây ra đột biến này và hình thức của nó.

12.1. Nguyên nhân gây đột biến

Từ thế kỷ thứ 6 trở đi, một số khó khăn và mâu thuẫn nhất định, đã thấy rõ trong các chứng từ trước đó, đã cản trở nghiêm trọng việc thực hiện sám hối công khai :

- Về phần mình, những người trung thành đang ngày càng rời xa, vì với họ, việc sám hối có vẻ quá khắt khe. Họ yêu cầu sự kín đáo và bí mật, thay vì sự công khai bị coi là đáng ghét và không thể chịu đựng được. Ngoài những nghĩa vụ được coi là quá đáng, việc sám hối công

khai còn kéo theo những hậu quả để lại cho người sám hối mãi mãi và khiến cuộc sống của họ giống như một tu sĩ giả. Cuối cùng, điều này là duy nhất, và vì Giáo hội từ chối bất kỳ hình thức sám hối mới nào nên người ta ngần ngại đánh đổi cơ hội hòa giải quá sớm và trì hoãn việc sám hối. Cuối cùng, một nghịch lý chỉ thấy rõ ràng, vào thời điểm mà việc sám hối ngày càng bị bỏ bê, các tín hữu lại liên tục cầu xin Giáo hội cho phép lập lại việc này. Toàn bộ hệ thống đang bị đặt dấu hỏi.

- Về phần mình, các giám mục thấy đang phải đối mặt với bế tắc mục vụ. Vai trò của họ là mời gọi mọi người ăn năn và hòa giải với Giáo hội, đồng thời nhắc nhở họ về bổn phận của mình. Nhưng bản thân họ lại ngần ngại khi chấp nhận sự hòa giải cho những người còn quá trẻ, vì nguy cơ tái nghiện của họ quá lớn. Hoặc một số người đến để ban sự sám hối lần thứ hai. Và kết quả phổ biến nhất là sự hòa giải ngày càng trở thành bí tích của người hấp hối. Người ta chấp nhận việc ban phép hòa giải trên giường bệnh cho những người chưa sám hối : nhưng đây là một «sự sám hối đột ngột» mà Giáo hội cảm thấy có phần lo lắng. Nhiều Kitô hữu sống cả cuộc đời mình trong một loại «khoảng trống bí tích».

Sự tiến triển của tình hình mục vụ này tự nó gắn liền với sự tiến triển trong ý thức của các tín hữu qua nhiều

thể kỷ, một sự tiến triển cũng là thành quả của phương pháp sư phạm của Giáo hội và là kết quả của địa vị của Giáo hội trong xã hội. Tội lỗi đã mất đi hình ảnh xã hội học cổ xưa của nó, hình ảnh sự trở lại thế giới ngoại giáo. Ngày nay, xã hội nói chung theo đạo Thiên Chúa. Mặt khác, ý thức đạo đức về tội lỗi đã phát triển. Ảnh hưởng của tu viện có tính quyết định trong vấn đề này. Tu sĩ phấn đấu đạt đến sự hoàn hảo của lòng bác ái sẽ chú ý hơn đến khía cạnh nội tâm của lỗi lầm, gắn liền với sự yếu đuối của lương tâm đang thay đổi. Từ đó, một cảm giác tội lỗi mới được hình thành, coi trọng nội tâm hơn là ngoại cảnh. Không phải vô cơ mà kỷ luật mới này sẽ được các tu sĩ truyền bá, chắc chắn là người phương Tây, nhưng là những người kế thừa truyền thống tu viện phương Đông vào cuối thời đại của các Giáo phụ.

12.2. Sám hối trong tu viện : bí mật và có thể lặp lại

Hình thức sám hối mới thực chất sẽ được lấy cảm hứng từ sám hối trong tu viện. Vào thời điểm mà cơ cấu giám mục đang suy yếu ở Tây Âu, hoạt động truyền giáo của các tu sĩ Celtic từ Anh sẽ truyền bá một hình thức sám hối bắt nguồn từ truyền thống tu viện và hoàn

toàn phù hợp với yêu cầu của các tín đồ trong vấn đề này. Họ đề xuất một sự sám hối bí mật, có thể lặp lại, không được đánh dấu bằng dấu hiệu bên ngoài là sự tuyệt thông, và sẽ được hiểu như là việc thực hành liên tục đời sống rửa tội.

Các tu sĩ mang theo một danh mục tội lỗi có nguồn gốc chủ yếu từ Evagrius Ponticus, một nhà khổ hạnh vào thế kỷ thứ 4. Danh mục này trình bày bảy «tiêu đề chương» trong lĩnh vực tội lỗi, những gì ngày nay chúng ta gọi là những mối «tội đầu»: kiêu ngạo, tham lam, dâm dục, đồ kỵ, phạm ăn, giận dữ và lười biếng. Nó liệt kê những suy nghĩ tội lỗi chính và những tình cảm xấu xa vốn là những cám dỗ đặc trưng của trạng thái tu viện. Nhưng danh sách này, trước hết được lập ra theo những tội lỗi bên trong, cũng nhắm vào những hành vi bên ngoài. Toàn bộ sự nhấn mạnh của kỷ luật sám hối sẽ chuyển từ quan niệm về những tội lỗi dẫn đến cái chết: bội giáo, giết người, ngoại tình, tức là những tội phải sám hối công khai, sang quan niệm về những tội trọng của truyền thống tu viện, trong đó một số có thể dẫn đến tử vong.

Các tu sĩ cũng là những người thực hành việc xưng tội bí mật và cởi mở về mặt tâm linh. Trong các tu viện, việc xưng tội được thực hiện với một người cha tinh

thần, không nhất thiết phải là một linh mục, ít nhất là ở phương Đông. Nó không bao gồm bất kỳ sự giải tội nào. Các tu sĩ bắt đầu giải tội với giáo dân theo cách này, nhưng họ vẫn giữ lại từ kỷ luật cổ xưa dấu hiệu của sự sám hối hoặc đền tội. Để giúp họ, các viện phụ truyền bá việc sử dụng các sách sám hối, các khoản thuế trừng phạt tương ứng với các tội lỗi khác nhau. Một giáo sĩ ít được đào tạo sẽ sử dụng nó một cách rộng rãi. Việc sám hối vẫn còn khắc nghiệt và kéo dài, lấy cảm hứng từ các nghi lễ cổ xưa (ăn chay, bố thí, cầu nguyện, v.v.), nhưng không còn mang tính chất công khai và phụng vụ nữa. Bây giờ người ta có thể sám hối một cách bí mật. Nhìn chung, thời gian sám hối sẽ có xu hướng ngắn lại và ý tưởng rằng một sự sám hối nghiêm ngặt và ngắn hơn có thể thay thế một sự sám hối dài hơn sẽ dẫn đến việc thực hành các ân xá.

Nếu chúng ta xem xét kỹ hơn, hệ thống sám hối do các tu sĩ Celtic truyền bá không mới mẻ và không mang tính cách mạng như vẻ bề ngoài. Xét từng yếu tố một, tất cả các yếu tố của nó đều đã tồn tại, ít nhất là như những khối xây dựng, trong kỷ luật cổ xưa : lời thú tội bí mật đã phát triển. Basil thành Caesarea đã hệ thống hóa các hình phạt chính tương ứng với các loại tội lỗi khác nhau. Cuối cùng, trình tự các hành vi sám hối và hòa giải vẫn giống như trong kỷ luật cổ xưa ; ý niệm

về thời gian cần thiết cho «công việc» hoán cải vẫn còn hiện hữu. Sự đổi mới thực sự của các tu sĩ là đề xuất với tất cả những người Kitô hữu một hình thức sám hối vừa bí mật vừa có thể lặp lại. Đây chính là nguồn cảm hứng có tính quyết định về mặt mục vụ.

13. Vẫn là thời kỳ đầu Trung Cổ : suy ngẫm và bài học

Chúng ta hãy quay trở lại giai đoạn có sự thay đổi ngoạn mục về hình thức sám hối vào đầu thời Trung cổ. Tôi phải nêu bật hai giai đoạn và rút ra một số bài học cho chúng ta.

13.1. Bước đầu tiên của thay đổi

Ở giai đoạn đầu, các tu sĩ lắng nghe lời thú tội và chỉ định việc sám hối cần thực hiện, nhưng họ không ban hành bất kỳ lời xá tội nào. Sự tha thứ được hứa hẹn khi sự thỏa mãn này đạt được. Công thức sám hối như sau: «Xin cho được bình an», «Xin cho được giao hòa với bàn thánh», nghĩa là được rước lễ. Không có cuộc gặp gỡ mới giữa người ăn năn và linh mục ; bởi vì sự hòa giải chỉ có thể được thực hiện vào cuối buổi sám hối công khai, về mặt lý thuyết luôn luôn có hiệu lực. Do đó, nghi lễ mới tương ứng với nghi lễ cổ xưa để bước vào sự sám hối công khai. Nghi lễ luôn bày tỏ niềm tin rằng Giáo hội chỉ có thể hòa giải và đón nhận vào Bí tích Thánh Thể những tội nhân đã hoàn tất việc hủy diệt tội lỗi của mình bằng sự hoán cải và sám hối.

Do đó, chúng ta có thể đặt câu hỏi một cách hợp lý về tính chất «bí tích» của việc sám hối này. Nó đã tự khẳng định mình trong sự xung đột tương đối với kỷ luật cổ xưa vẫn còn hiệu lực chính thức. Tính chất tôn giáo của nó đã bị suy giảm đáng kể. Sự diễn ra phụng vụ của nó vẫn chưa đầy đủ. Không chắc chắn các tu sĩ giải tội luôn là linh mục. Thái độ của các giám mục và công đồng tỉnh đối với việc sám hối này rất khác nhau. Một số người thì khoan dung. Tuy nhiên, vào thời điểm diễn ra cuộc Cải cách Carolingian vào thế kỷ thứ 9, các giám mục đã cố gắng tự mình giải quyết vấn đề : họ lên án việc sử dụng các nghi lễ sám hối và long trọng tái lập việc sám hối công khai. Nhưng đồng thời, họ cũng xác nhận sự tồn tại của việc sám hối bí mật bằng cách thiết lập nguyên tắc về hai việc sám hối : đối với tội công khai, sám hối công khai ; tội bí mật, sám hối bí mật. Hai sự sám hối này sẽ không kéo dài lâu và sự sám hối bí mật cuối cùng sẽ chiến thắng. Do đó, chúng ta có thể nói rằng, bất chấp sự mơ hồ và mơ hồ trong khởi đầu và bất chấp sự vắng mặt của sự xá giải, việc sám hối của tu viện vẫn mang tính bí tích, vì nó được áp đặt như một sự thật của Giáo hội. Một lần nữa, ví dụ này cho thấy rằng chúng ta không nên chỉ tập trung sự chú ý vào nghi lễ mà phải chú ý đến toàn bộ hành vi sám hối của Giáo hội, nơi lưu giữ quyền năng chìa khóa.

13.2. Bước thứ hai

Trong giai đoạn thứ hai, từ năm 950, chúng ta thấy sự xuất hiện của việc đề cập đến nghi thức hòa giải gắn liền với việc xưng tội. Phụng vụ này, một lần nữa dài và phức tạp, xuất phát trực tiếp từ nghi lễ công khai hòa giải của những người ăn năn. Sự xá tội đầu tiên được diễn đạt dưới hình thức một lời cầu nguyện : «Xin Chúa tha thứ cho bạn», sau đó trở thành lời chỉ dẫn vào thế kỷ 13 : «Tôi tha thứ cho bạn». Khi đó chúng ta thực sự đang ở trong sự hiện diện của hệ thống hiện đại. Vì hiện nay có sự thay đổi trong thứ tự các hành vi sám hối : sự hòa giải, bây giờ được gọi là sự xá tội, được thực hiện trước khi đền tội. Sự thay đổi này phản ánh sự chuyển đổi từ quan niệm bên ngoài về tội lỗi và sự sám hối sang quan niệm mà trên hết chúng là ở bên trong. Từ đó trở đi, thời lượng không còn là yếu tố quan trọng nữa. Sự ăn năn dẫn đến quá trình xưng tội tạo nên bản chất của sự hoán cải và do đó cũng là sự đền tội. Trước khi đến trình diện, người ăn năn được hòa giải với Thiên Chúa và Giáo hội có thể hòa giải lại họ. Sự thỏa mãn mà nó mang lại ngày càng giảm dần và chỉ xuất hiện như một sự bổ sung. Nếu chúng ta so sánh nghi thức xưng tội mới này với nghi thức cũ, chúng ta thấy rằng nó tương ứng với nghi thức hòa giải cuối cùng.

13.3. Những bài học chính của sự đột biến của việc sám hối

Tôi ghi nhớ năm điều sau :

a) Nếu không đặt câu hỏi về bản chất của bí tích (vì vấn đề luôn là Giáo hội thực hiện quyền tha thứ tội lỗi đã phạm sau khi chịu phép rửa tội), chúng ta vẫn phải khâm phục khả năng của Giáo hội khi trải qua sự thay đổi đáng kể như vậy trong hệ thống sám hối của mình. Đây không chỉ là một hình ảnh mới mà còn là một quan niệm giáo lý mới về bí tích. Chúng ta chắc chắn không nên lý tưởng hóa sự thay đổi này : việc sám hối ở tu viện cũng có những nhược điểm ; quá trình tiến hóa hoàn chỉnh mất vài thế kỷ ; không phải là không có những rạn nứt và xung đột nhất định ; các giám mục đã đi theo phong trào này, và với một sự miễn cưỡng nhất định. Tất cả những điều này là một ví dụ rất cụ thể về đời sống của Giáo hội. Nhưng điểm cốt yếu vẫn là : Giáo hội công nhận một hệ thống mới làm cho bí tích này trở nên hấp dẫn và đáng mong ước như một kỷ luật hợp pháp về việc tha thứ tội lỗi và hòa giải. Thay vì nhớ lại những nghĩa vụ xưa cũ, giáo hội đã đáp ứng nhu cầu mục vụ và điều chỉnh niềm tin giáo lý của mình cho phù hợp. Trong hai hoặc ba thế kỷ, Giáo hội thậm chí còn chấp thuận một hình ảnh yếu ớt về bí tích, không bao

gồm sự hòa giải trong phụng vụ.

b) Sự thay đổi này có liên quan đến sự tiến hóa đáng kể về ý nghĩa của tội lỗi và những điểm áp dụng của tội lỗi. Sự thay đổi trong danh mục sám hối không phải là một sự kiện hời hợt và bên ngoài. Nó phản ứng với sự đột biến của chính ý thức gắn liền với những đột biến lịch sử của đời sống Giáo hội. Kỷ luật sám hối nhất thiết phải gắn liền với ý nghĩa cụ thể của tội lỗi được trải nghiệm trong thế giới văn hóa.

c) Hình ảnh mới này của bí tích nêu bật những khía cạnh nội tại và bí mật của nó : sự ăn năn và xưng tội. Dấu hiệu bí tích hiện nay bao gồm cuộc đối thoại bí mật về việc xưng tội và xá giải. Nó không còn được kéo dài thành một tập hợp các nghi lễ sám hối và phụng vụ được thực hiện theo thời gian nữa. Cuộc đối thoại này mang một giá trị mới và là đỉnh cao của sự hòa giải. Nó sẽ đánh dấu cuộc sống Kitô giáo trong nhiều thế kỷ.

d) Mối quan hệ giữa sám hối và phép rửa tội cũng được trải nghiệm theo một cách mới : việc xưng tội nhiều lần đặt cuộc chiến chống lại tội lỗi, ngay cả tội nghiêm trọng, như một sự thực hành liên tục của đời sống rửa tội. Đồng thời, việc xưng tội bí mật sẽ trở thành nơi biểu lộ những «tội lỗi hằng ngày» vốn không phải là tội phải sám hối công khai và vẫn chưa nhất

thiết tùy thuộc vào bí tích.

e) Sự đột biến này không phải là không có tổn thất : ý thức về tội lỗi của Giáo hội giảm đi, và cùng với nó là ý thức về sự sám hối. Sự hòa giải không còn được coi là thực tại của cộng đồng và tình anh em nữa. Mặt khác, Giáo hội chỉ có một hình thức bí tích dành cho những tội rất nghiêm trọng đòi hỏi điều trước đây được gọi là «sự ăn năn» (sám hối như phép rửa tội thứ hai) và cho những tội nhẹ.

14. Thánh Thomas : một hoán cải trước đó và nội tâm

Chúng ta đang ở đâu trong hành trình khám phá lịch sử bí tích hòa giải ? Vào khoảng giữa thời Trung Cổ, khi một hình thức mới của bí tích này, thường được gọi là sám hối riêng tư hoặc bí mật, được thiết lập, ít nhất là cho đến thời đại chúng ta.

Từ giờ trở đi, sẽ không còn sự thay đổi ngoạn mục nào như những gì vừa xảy ra nữa. Điều này có nghĩa là bí tích không còn tiếp tục phát triển theo cách mà người ta trải nghiệm nữa không ? Tất nhiên là không. Karl Rahner đã từng chẩn đoán vấn đề này bằng cách nói :

Sự nhấn mạnh về mặt tôn giáo và hiện sinh của việc sám hối, ở các giai đoạn thế tục, chuyển từ việc thực hiện sám hối hữu hình, sang sự ăn năn nội tâm, đến lời buộc tội nhục nhã, đến sự xá tội của linh mục.¹⁵

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn các phong trào này và bắt đầu với học thuyết của Thánh Thomas, nhấn mạnh đến nhu cầu hoán cải trước đó và nội tâm.

15 K. RAHNER, Các yếu tố của Thần học Tâm linh, DDB, 1964, tr. 163.

14.1. Sự hoán cải và lời khẩn của bí tích

Trong kỷ luật công cộng của những thế kỷ đầu, người ta nhấn mạnh vào những dấu hiệu bên ngoài của sự hoán cải, cần thiết để chứng minh cho thực tế bên trong của nó. Từ bây giờ, trọng tâm sẽ là sự chuyển đổi bên trong. Nhưng niềm xác tín vẫn như vậy : người ăn năn chỉ có thể được hòa giải với Giáo hội khi đã hoàn tất quá trình hoán cải đủ trưởng thành và bước vào tình bạn với Thiên Chúa. Tuy nhiên, có một khó khăn : trong quá khứ, rõ ràng là toàn bộ quá trình hòa giải, trải dài theo thời gian, đều thuộc về bí tích, vì ngay từ đầu, Giáo hội đã đảm nhận trách nhiệm đối với hối nhân theo một cách nào đó. Ngày nay, điều đó không còn như vậy nữa: sự hoán cải nội tâm này dường như được thực hiện bên ngoài bất kỳ mối liên hệ nào với Giáo hội. Cuộc gặp gỡ với linh mục để ban phép giải tội chỉ diễn ra vào lúc cuối. Nhưng nếu tội nhân ăn năn đã được hòa giải với Chúa, thì sự giải tội của Giáo hội có liên quan gì đến điều đó ? Nó dùng để làm gì ? Phải chăng có nguy cơ đối lập giữa sự hoán cải nội tâm nhưng không mang tính bí tích và sự hòa giải mang tính bí tích ?

Thiên tài thần học của Thánh Thomas Aquinas vào thế kỷ 13 là đã tập hợp lại trong một sự thống nhất tổng hợp và cân bằng tất cả các khía cạnh của bí tích, mà ông

luôn coi là hành vi hoán cải của con người, dẫn đến sự hòa giải với Giáo hội, sự hòa giải là dấu chỉ hữu hiệu của sự hòa giải với Thiên Chúa.

Thánh Thomas đã đưa ra một học thuyết có vẻ nghịch lý với chúng ta : trường hợp bình thường của sự hòa giải, nghĩa là trường hợp mọi việc diễn ra tốt đẹp, là trường hợp người ăn năn đến trình diện để được giải tội sau khi đã hòa giải với Chúa. Giống như phép rửa tội, trường hợp bình thường là khi người dự tòng trưởng thành tự giới thiệu mình đã được nên công chính và thánh hóa. Chỉ có điều, và đây là điều duy nhất mang tính cốt yếu, là quá trình hoán cải trước khi cử hành bí tích cách hữu hình chỉ có thể đạt được hiệu quả hòa giải nếu người hối nhân có lời khấn xưng tội và được tha tội. Lời khấn có nghĩa là không phải là một ước muốn đơn thuần, mà là một mong muốn chân thành muốn đến với bí tích này ngay khi có thể. Nếu mong muốn này không tồn tại, nếu tội nhân muốn chỉ thỏa thuận với Thiên Chúa, như người ta vẫn nói, thì đó là vì sự hoán cải của họ vẫn chưa trọn vẹn. Bởi vì sự ăn năn thực sự dẫn đến sự xưng tội, như chúng ta đã thấy, và một mình chúng ta không thể hòa giải được.

14.2. Sự mong chờ về món quà ân sủng

Mối liên hệ giữa lời khấn này đặt mối liên hệ rất cụ thể giữa toàn bộ quá trình chuẩn bị cho bí tích với việc cử hành bí tích. Như vậy, sự tha thứ tội lỗi và sự hòa giải đạt được thông qua việc mong đợi món quà ân sủng gắn liền với việc cử hành bí tích. Chúng ta đã hòa giải trước đó, nhưng không phải là không có sự tha thứ; Tôi cảm thấy an lòng vì ân sủng của sự xá giải sắp tới đã có hiệu lực trong cuộc sống của tôi. Nhưng làm sao hiệu ứng của một nguyên nhân có thể xảy ra trước khi nguyên nhân đó được thực hiện ? Đơn giản là vì Chúa Giêsu Kitô, qua mầu nhiệm phục sinh của Người, đã hòa giải chúng ta với Thiên Chúa và dấu chỉ của sự hòa giải này, điều mà chúng ta gọi là quyền năng chìa khóa, vẫn còn sống động trong Giáo hội của Người.

14.3. Sự hiệp nhất bí tích của toàn bộ hành vi

Tất cả những điều này cho thấy rằng bí tích không chỉ gói gọn trong khoảnh khắc xung tội và xá giải : mọi hành vi sám hối, đối với Thánh Thomas và theo thần học tốt nhất, đều là hành vi của bí tích ; chúng thuộc về nó, chúng tạo nên «vật chất» của nó, như chúng ta nói trong ngôn ngữ cổ điển. Học thuyết này kết hợp với lời

dạy của kỷ luật cổ xưa : không có sự hòa giải với Giáo hội nếu tội nhân ăn năn không trải qua sự hoán cải chân thành và lâu dài. Nhưng hiện nay, xét theo sự tiến hóa của văn hóa, sự chuyển đổi này về cơ bản diễn ra bên trong ý thức, ngay cả khi nó không được miễn trừ khỏi các hành động đền bù bên ngoài.

Vào thời Trung Cổ, lời thề xưng tội cực kỳ cụ thể : trong trường hợp cần thiết, lời thề có thể đi xa hơn là xưng tội với một giáo dân, khi không có linh mục. Cử chỉ này thể hiện mong muốn của người ăn năn muốn tự mình thực hiện mọi hành vi sám hối. Tiếng vang của tập tục thời trung cổ này được tìm thấy trong lời thú tội của Thánh Ignatius thành Loyola với một trong những người bạn đồng hành của mình trong thời kỳ nguy hiểm của cuộc bao vây Pamplona ¹⁶.

Bài học lớn nhất chúng ta rút ra từ học thuyết của Thánh Thomas là chúng ta không bao giờ được giản lược bí tích hòa giải vào khoảnh khắc xưng tội và xá giải. Khi một người mẹ cảm thấy việc đi xưng tội là tốt cho bà và bà suy nghĩ về điều đó trong nhiều ngày, cô gắng đánh giá lại cuộc sống của mình, để nhận ra trước mặt Chúa điều gì khiến bà xa cách Ngài, để cam kết có

16 Thánh Ignatius thành Loyola, *Câu chuyện người hành hương*, biên tập. A. Thiry, DDB, 1956, tr. 46.

thái độ bác ái đối với người thân của mình, để mở lòng mình ra với lời hòa giải, bà ấy đã sống từ bí tích, bà ấy đã là người thụ hưởng ân sủng của bí tích. Vì ân sủng không liên quan một cách kỳ diệu đến thời điểm dấu hiệu được tạo ra. Chẳng phải Chúa Giêsu đã nói với người tội lỗi : «Tội lỗi con đã được tha rồi» (Lc 7.48) sao ? Như thế này có phải tốt hơn không ?

15. Tranh luận xung quanh sự ăn năn

Thánh Tôma đã cho chúng ta một giáo lý tuyệt đẹp về bí tích hòa giải, giáo lý này nêu rõ mọi khía cạnh trong hành trình hiệp nhất của người ăn năn và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hoán cải đã chuẩn bị và thậm chí dự đoán sự hòa giải. Theo thời gian và nhiều thế kỷ, mọi thứ sẽ thay đổi và sự chú ý sẽ ngày càng tập trung nhiều hơn vào phẩm chất của sự ăn năn.

15.1. Công đồng Trent

Trước hết chúng ta hãy cùng thu thập lời chứng của Công đồng Trent vào thế kỷ 16. Trong phiên họp thứ XIV (năm 1551), Công đồng đã soạn thảo các chương giáo lý về bí tích hòa giải, tạo thành văn bản giáo lý chính về chủ đề này. Như thế, Công đồng xem xét lại việc Đức Kitô thiết lập bí tích và bốn hành vi ăn năn, xưng tội, xá giải và đền tội. Những gì Công đồng mô tả khá quen thuộc với chúng ta, vì thực hành đó vẫn còn hôm nay. Nhưng nếu chúng ta nhìn kỹ hơn, chúng ta thấy rằng một niềm tin đã thay đổi : đối với Thánh Thomas, tôi đã nói với bạn, trường hợp bình thường và do đó là trường hợp thường xuyên nhất đối với ông, là trường hợp lòng ăn năn thống hối vì đức ái đã trưởng

thành đến mức mong đợi sự hòa giải liên quan đến việc cử hành chính bí tích. Đối với Công đồng Trent, trường hợp này «thỉnh thoảng» có thể xảy ra, rõ ràng là có tính đến lời hứa trong bí tích. Mặt khác, trường hợp phổ biến nhất là sự ăn năn tội chưa trọn vẹn chỉ thực sự trở nên chín chắn và hoàn hảo vào lúc cử hành bí tích.

Cái gọi là sự ăn năn không trọn vẹn, hay còn gọi là «sự hao mòn» trong từ vựng chuyên môn của thần học, là gì ? Đây là sự ăn năn hối lỗi có động cơ tập trung vào nỗi sợ rằng hậu quả của tội lỗi có thể gây ra cho tội nhân, đặc biệt là việc nghi ngờ sự cứu rỗi của mình. Đó cũng là sự ăn năn chưa được sự hiện diện biến đổi của Thiên Chúa nhân từ trong chúng ta, theo cách nói cổ điển là nhờ ân sủng thánh hóa. Ngược lại, lòng ăn năn trọn vẹn có động cơ cốt lõi là tình yêu của Thiên Chúa mà chúng ta ăn năn vì đã xúc phạm : lòng ăn năn trọn vẹn là «bổn phận», nó kết hợp với chính lòng bác ái của Thiên Chúa, Đấng đưa chúng ta trở lại hiệp thông với Người và do đó ban cho chúng ta sự hòa giải.

Vậy Công đồng Trent nói gì ? Sau nhiều cuộc tranh luận, Công đồng đã đề xuất một văn bản trong đó khẳng định rằng sự ăn năn tội chưa trọn vẹn là một thái độ tốt, vốn là món quà đầu tiên từ Thiên Chúa ; nó chuẩn bị cho người ăn năn trên con đường hòa giải. Không còn

ngghi ngờ gì nữa, bản thân nó không đủ để đạt được sự hòa giải của anh ta, nhưng «nó vẫn giúp anh ta có được ân sủng của Thiên Chúa, trong bí tích sám hối»¹⁷. Tôi hiểu văn bản này như sau : sự hao mòn là một động lực của sự hoán cải vẫn chưa hoàn tất, và thông qua sự triển khai của bí tích, sẽ trưởng thành thành sự ăn năn được ngự trị bởi lòng bác ái và cho phép người ăn năn nhận được sự hòa giải. Ân sủng tha thứ không thay thế được ân sủng hoán cải : nó khơi dậy ân sủng đó. Sự hiểu biết này hoàn toàn trung thành với giáo lý của Công đồng VI về sự biện minh cho tội nhân. Nhưng tôi cũng phải thừa nhận rằng văn bản này thường được hiểu theo một nghĩa khác : sự ăn năn không trọn vẹn «là đủ» khi nó được liên kết với bí tích.

15.2. Những cuộc tranh luận giữa «những người ăn năn» và «những người tiêu hao»

Sự mơ hồ này đôi khi gây ra những cuộc tranh luận thần học gay gắt vào thế kỷ 17 và 18, giữa những người được gọi là «người ăn năn» và «người tiêu hao». Những cuộc tranh luận này đặt ra cho chúng ta một nghịch lý ở cấp độ thần học ; chúng ta không thể không đồng ý với

17 Công đồng Trent, khóa XIV, ngày 25 tháng 11 năm 1551, tại DUMEIGE, La Foi catholique, Orante, 1969, số 824.

những người ăn năn (ngoại trừ phe cực hữu Jansen); ở cấp độ mục vụ, người ta không thể không nghĩ rằng những người theo chủ nghĩa tiêu hao đã nhìn nhận vấn đề chính xác hơn liên quan đến phương pháp sự phạm của bí tích và việc thực hành lòng thương xót đối với tội nhân.

Thật vậy, những người theo chủ nghĩa ăn năn coi sự hao mòn là một sự ăn năn đang hình thành : nó phải phát triển theo hướng yêu thương vô điều kiện đối với Thiên Chúa bị xúc phạm. Với điều kiện này, sự hao mòn sẽ cho phép một người được lãnh nhận bí tích.

Những người theo thuyết tiêu hao tin rằng Phiên họp XIV của Công đồng Trent, với văn bản về tiêu hao, đã chứng minh họ đúng : tiêu hao là đủ trong bí tích ; sự hao mòn cộng với bí tích bằng sự ăn năn. Họ nhấn mạnh đến khía cạnh dễ dàng và thuận tiện của bí tích cho phép người ta tránh khỏi sự sám hối cá nhân nặng nề, vì ân sủng của bí tích theo một cách nào đó «cung cấp» cho sự hoán cải. Hai lần, các giáo hoàng đã can thiệp để cấm hai bên lên án lẫn nhau¹⁸. Pascal, trong tác phẩm Provinciales của mình, đã lên án sự «lông lẻo» của các tu sĩ Dòng Tên.

18 2. Alexander VII năm 1667 và Benedict XIV năm 1748.

Ở cấp độ mục vụ, hai lập trường này thể hiện sự nghiêm ngặt và khoan dung trong việc cử hành bí tích. Những người theo chủ nghĩa khắc khổ dễ dàng từ chối sự xá tội, đặc biệt là trong trường hợp những người liên tục phạm phải những tội nghiêm trọng giống nhau. Nhưng khuynh hướng khoan dung hơn, được hỗ trợ bởi luận đề của chủ nghĩa tiêu hao và được thúc đẩy bởi những yêu cầu của người xưng tội, dần dần trở nên phổ biến. Alphonse de Liguori, nhà đạo đức vĩ đại của thế kỷ 18, đã chuyển từ chủ nghĩa ăn năn sang chủ nghĩa tiêu hao. Thái độ mục vụ của ông đã lan sang Ý và Pháp, nơi mà Cha xứ Ars vào thế kỷ 19 đã trải qua sự hoán cải tương tự.

Cuộc tranh luận này đã mắc phải sai lầm khi quy mọi hành vi sám hối thành một hành động duy nhất của người sám hối và phán đoán theo cực điểm của nội tâm thuần túy. Các đối tác đã quá tinh tế trong lĩnh vực động cơ tâm lý để ăn năn. Họ quên mất sự đoàn kết bên trong (ăn năn) và bên ngoài (quá trình xưng tội) vốn tiến triển cùng nhau theo thời gian. Theo nghĩa này, thực hành theo chủ nghĩa tiêu hao có thể phù hợp với thần học sám hối chân chính. Không cần phải đặt câu hỏi về tính hiệu quả mục vụ của các luận đề theo chủ nghĩa tiêu hao, tuy nhiên, người ta có thể hỏi liệu sự mơ hồ về thần học của chúng có góp phần lan truyền hình ảnh «dễ

dàng» trong việc cử hành bí tích hay không. «Nếu bạn đã phạm tội, bạn chỉ cần thú nhận thôi», đôi khi chúng ta nghe nói vậy. Nhưng cuộc tranh cãi về sự ăn năn đã là chuyện của quá khứ. Sự khoan dung mục vụ đã dẫn đến việc tập trung mọi sự chú ý vào hành động xưng tội duy nhất.

Chúng ta hãy nhớ từ câu chuyện này rằng không có sự hòa giải đích thực với Thiên Chúa hay với người khác nếu không có sự ăn năn nghiêm túc, được thể hiện trong cuộc sống cũng như trong quá trình xưng tội, và trở thành hành động yêu thương.

16. Đi xưng tội

Chúng ta hiện đã đến giai đoạn cuối cùng quan trọng của hành trình lịch sử, giai đoạn đưa chúng ta đến tình hình hiện tại. Vào thế kỷ 19 và 20, việc xưng tội ngày càng được coi trọng. Việc đến với bí tích hòa giải có nghĩa là «đi xưng tội». Thuật ngữ này sau đó được dùng để chỉ toàn bộ bí tích.

16.1. Lời kêu gọi xưng tội thường xuyên

Trong thời hiện đại và cho đến tận thời đại của chúng ta, lời kêu gọi sám hối của Giáo hội thực sự đã được diễn tả qua lời mời xưng tội. Vì thế, việc xưng tội thường xuyên đã trở thành dấu hiệu của một đời sống Kitô hữu sốt sắng. Thời gian sám hối cũ theo một cách nào đó đã nhường chỗ cho sự lặp lại việc xưng tội theo thời gian. Những cuộc tranh luận về sự ăn năn dần dần lắng xuống, và toàn bộ hành vi sám hối lại tập trung vào một trong những hành động của mình, được cho là bao hàm cả hai hành động kia. Hiện nay, sự xá tội chỉ bị từ chối trong những trường hợp cực kỳ hiếm hoi khi sự vắng mặt của bất kỳ sự hoán cải nào được thể hiện rõ ràng.

Việc xưng tội thường xuyên chắc chắn mang lại lợi ích về mặt tâm linh và mục vụ. Chúng ta có thể phân

biệt, cùng với Cha Roguet ¹⁹, ba tình huống cơ bản : lời tuyên xưng hoán cải hoặc trở về với Giáo hội ; lời thú nhận phục hồi sau lỗi lầm nghiêm trọng ; và lời tuyên xưng lòng sùng kính hoặc tiến bộ về mặt tâm linh. Cuộc đối thoại xưng tội là nơi đặc quyền của phương pháp sư phạm đấu tranh chống lại tội lỗi và sự thánh hóa. Đây là một điều tốt của Giáo hội và đã cho thấy sự sinh hoa kết trái của nó.

Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý đến một số hạn chế nhất định trong hình thức bí tích này, điều này giải thích sự suy thoái của tình hình hiện nay. Sẽ không tốt nếu toàn bộ hành vi sám hối chỉ dựa vào một hành động duy nhất của người đó. Tôi đã đưa ra nhận xét tương tự vào thời điểm mà mọi người chỉ tập trung quá nhiều vào sự ăn năn. Trong trường hợp xưng tội thường xuyên, các khía cạnh khác của việc sám hối không được thực hiện đầy đủ, đặc biệt là chiều kích cộng đồng của bí tích và lời cầu nguyện của Giáo hội để được tha thứ ; hơn nữa, lời thú tội có thể đã từng mang tính lặp đi lặp lại và kết cục là mất đi bản chất của nó do tần suất xuất hiện quá nhiều. Trong trường hợp xưng tội nghiêm trọng, người ta cũng lan truyền ý tưởng rằng chỉ cần xưng tội là «đủ» và rằng sự xá tội «có thể làm được mọi thứ» và tha thứ

19 A-M ROGUET, «Xưng những tội nhẹ», La Maison-Dieu, 90, 1967, tr. 216.

gần như tự động. Từ thời điểm mà việc xưng tội không còn là biểu hiện của một quá trình hoán cải đích thực, nó trở thành một quan niệm gần như kỳ diệu ; nhưng nó cũng làm trống rỗng mọi nội dung của con người, nó trở thành một nghi lễ hình thức và việc nó bị từ bỏ sẽ không còn xa nữa.

16.2. Tại sao lại có sự bất mãn với bí tích này?

Tôi không cho rằng mình có thể đưa ra ở đây một sự phân định đầy đủ về thái độ bất mãn hiện nay đối với bí tích hòa giải. Trước hết, rõ ràng là cuộc khủng hoảng đức tin, mất đi ý thức về Thiên Chúa và tương ứng là ý thức về tội lỗi - vì ý thức tội lỗi của người Kitô hữu luôn bao hàm mối quan hệ với Thiên Chúa - và thậm chí mất đi ý thức tuyệt đối về sự tồn tại và các giá trị trong xã hội của chúng ta, chỉ có thể có những hậu quả đáng kể đối với việc thực hành một bí tích vốn đã khó khăn.

Nghĩ cụ thể hơn về sự bất mãn của những người tự nhận mình là Kitô hữu và muốn trở thành Kitô hữu, tôi muốn nói điều này, áp dụng cho hình ảnh toàn cầu của bí tích, theo cách các tín hữu cảm nhận, và không có ý chỉ trích tất cả những nơi bí tích đã và vẫn đang được

thực hiện trong sự thật. Một cách không thể nhận thấy nhưng liên tục, thậm chí trước Công đồng Vatican II, việc thực hành bí tích đã chứng kiến các hành vi sám hối của con người, như họ được kêu gọi thực hiện trong toàn bộ quá trình, trở nên vô nghĩa và do đó mất đi nội dung. Sự ăn năn thường trở thành đối tượng của sự kiêu ngạo, sự thỏa mãn của một hình thức đáng chế giễu, lời thú tội trở thành một cuộc đối thoại khuôn mẫu, nơi mà, theo thông lệ của một lời thú tội hời hợt và lặp đi lặp lại, đáp lại bằng một lời cảnh báo sáo rỗng và một sự tha thứ ngay lập tức và dễ dàng. Mọi thứ thường bị trói buộc quá nhiều trong những điều kiện vội vã không cho phép lắng nghe thực sự những gì tạo nên gánh nặng đau đớn của một cuộc sống, cũng không cho phép một lời sáng tạo của sự sống, vốn là sự biểu lộ mang tính giáo hội và nhân bản về tình yêu tha thứ của Thiên Chúa. Nói tóm lại, đó thường là một nghi lễ mà không có gì xảy ra, theo cách nói của con người, một nghi lễ thông thường không còn liên quan gì đến quá trình hòa giải giữa con người. Từ sự dễ dàng, chúng ta đã chuyển sang sự tầm thường.

Thêm vào đó là những khiếm khuyết trong việc giảng dạy về tội lỗi, vốn lỗi thời và cường điệu trong quá khứ, lợi dụng sự sợ hãi như một sự tiện lợi, và hiện nay đã gần như biến mất hoàn toàn. Ngày nay, nhiều

tín hữu không còn thấy mối liên hệ giữa những đòi hỏi của lương tâm họ với danh sách tội lỗi được coi là hợp pháp. Tội lỗi được hiểu là thái độ, khuynh hướng và hành vi cơ bản, sự đồng lõa với tội lỗi tập thể và xã hội, hơn là những hành vi luôn có thể nhận dạng được.

Trách nhiệm của các tín hữu rất quan trọng trong sự bất mãn này, nhưng tôi tin rằng chúng ta cũng phải thừa nhận trách nhiệm của các linh mục, những người có lẽ chưa quan tâm đầy đủ đến sự tiến hóa của lương tâm trong thời đại chúng ta và những đòi hỏi mà điều này mang lại, đặc biệt là trong đối thoại bí tích. Điều đáng chú ý là vào thời điểm bí tích hòa giải phần lớn bị bỏ quên, chúng ta thấy nhu cầu không thể cưỡng lại được mà mỗi người đều mang trong mình là muốn giao tiếp và được lắng nghe chân lý hướng đến những đích đến khác. Người đàn ông của «đám đông cô đơn» xâm chiếm tiền sảnh của nhiều trường phái tâm lý học khác nhau. Đây là lý do tại sao tôi vẫn tin rằng việc đánh giá lại cuộc đối thoại xung tội chính là cơ hội tuyệt vời của bí tích hòa giải.

Trong bối cảnh này, các sáng kiến mục vụ mới có ý nghĩa, khôi phục lại sự tôn vinh cho cả chiều kích cộng đồng của sự hòa giải và đối thoại xung tội, theo lời kêu gọi của Giáo hội kể từ Công đồng Vatican II.

17. Sự «cập nhật» của bí tích hòa giải

Chúng ta đứng trước những vấn đề nảy sinh do sự bất mãn của nhiều Kitô hữu đối với bí tích hòa giải. Trước tình hình này, Giáo hội cần phải làm một điều gì đó : đổi mới cách sống và cử hành bí tích, «cập nhật» để nói như Đức Gioan XXIII.

Công đồng Vatican II đã yêu cầu «nghĩ thức và công thức sám hối phải được sửa đổi để diễn tả rõ hơn bản chất và hiệu quả của bí tích ²⁰». Việc này được thực hiện vào năm 1973 dưới sự ủy quyền của Đức Phaolô VI ²¹. Văn kiện đổi mới nghi thức này, không chính thức thay đổi tên gọi của bí tích, yêu cầu từ nay về sau thuật ngữ «bí tích hòa giải» được ưu tiên sử dụng. Sự khẳng định này không chỉ được thúc đẩy bởi mong muốn sử dụng một từ ngữ có thể tác động đến chúng ta nhiều hơn, nhưng cũng gắn liền với vốn từ vựng lâu đời nhất của Giáo hội. Mặc dù khiến nhiều người không hài lòng, nhiều cải tiến rõ ràng của Công đồng Vatican II thực chất là sự quay trở lại với truyền thống cũ. Đức

20 Vatican II, Sắc lệnh Sacrosanctum Concilium về phụng vụ, số 1. 72.

21 Phaolô VI, Ordo paenitentiae, ngày 2 tháng 12 năm 1973. Phân tích và bình luận của P. Jounel có thể được tìm thấy trong «Phụng vụ hòa giải», trong La Maison-Dieu, 117, 1974, tr. 7-37.

Phaolô VI đề xuất ba hình thức phụng vụ để hòa giải người hối tội :

17.1. Hình thức thứ nhất : đối chiếu cá nhân

Đầu tiên là sự hòa giải cá nhân. Nhưng ở đây một phụng vụ đích thực được chỉ ra : trước tiên là một sự tiếp xúc thực sự mang tính nhân bản giữa linh mục và hối nhân, sau đó là một bài đọc Lời Chúa mời gọi lời buộc tội của hối nhân thực sự mang tính thần học, nghĩa là, hiểu tội lỗi là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa và Đức Kitô của Ngài, là sự từ chối tình yêu. Lời cáo tội này phải dẫn đến một cuộc đối thoại tâm linh, trong đó, liên quan đến mâu nhiệm Đức Kitô ngự trong cuộc gặp gỡ này, hoàn toàn độc đáo so với tất cả những cuộc gặp gỡ khác, vị linh mục đưa ra lời khuyên thích hợp, riêng tư, sự an ủi và cảnh báo sâu sắc theo nhu cầu, để hối nhân ra về trong bình an và được an ủi trong quá trình hoán cải của mình. Qua cuộc gặp gỡ này, người ăn năn phải có khả năng cảm nghiệm được tình yêu và sự dịu dàng của chính Thiên Chúa. Linh mục cũng đưa ra lời sám hối được hy vọng sẽ đáp ứng nhu cầu của người sám hối và có tác động xã hội. Sau đó, người ăn năn đọc lời cầu nguyện ăn năn và linh mục ban phép xá giải theo một công thức tuyệt đẹp, lấy cảm hứng từ Kinh thánh

và cấu trúc Ba Ngôi mà tôi không thể không trích dẫn ở đây dưới dạng tóm tắt trong trường hợp bạn hiểu sai :

Xin Thiên Chúa Cha chúng ta tỏ lòng thương xót với anh chị em

Nhờ cái chết và sự phục sinh của Con Ngài, Ngài đã hòa giải thế gian với chính Ngài

Và Ngài đã sai Đức Thánh Linh đến để tha tội : Xin Ngài ban cho anh em sự tha thứ và bình an qua chức thánh.

Và tôi, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, tha thứ mọi tội lỗi cho anh chị em.

Bạn thấy rằng trong công thức này, lời cầu nguyện với Chúa Ba Ngôi gắn liền với lời tuyên bố cuối cùng về sự tha thứ. Vì ở đây linh mục chỉ là một thừa tác viên. Không phải linh mục là người tha thứ từ chính mình. Giáo hội trao cho người nhiệm vụ bí tích là phải khẩn cầu mầu nhiệm cứu độ do Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần thực hiện trên hối nhân và nói với họ, nhân danh mầu nhiệm này, như thể chính Đức Kitô đang nói qua miệng người, lời chưa từng nghe thấy : Tội lỗi của con đã được tha.

Vì vậy, chúng ta hy vọng vào một cuộc gặp gỡ bí tích vừa có ý nghĩa phụng vụ hơn, vừa mang tính nhân văn hơn. Điều này đòi hỏi một nơi được trang bị tốt hơn phòng giải tội thông thường : một văn phòng nhỏ, nơi người sám hối có thể ngồi, đứng hoặc quỳ tùy ý, và dành thời gian cần thiết để được lắng nghe sự thật. Tuy nhiên, tòa giải tội vẫn chưa bị bãi bỏ và có thể tạo điều kiện cho những người muốn ẩn danh hơn được xưng tội.

Tại Pháp, tại nhiều thành phố, một số nhà thờ, địa điểm hành hương hoặc trung tâm tâm linh cung cấp các dịch vụ thường trực, nơi các linh mục được chuẩn bị đặc biệt cho cuộc đối thoại tâm linh luôn sẵn sàng phục vụ các sám hối để cử hành bí tích, trong đó mọi thời gian cần thiết đều được dành ra, ngoài sự hối hả của đêm lễ, để phục vụ cho mục đích đạt được nhiều thành quả hơn. Tôi không thể nào giới thiệu nó cao hơn được nữa. Đây cũng là nơi mà phụng vụ của Đức Phaolô VI có thể được thực hiện. Chúng tôi chỉ tiếc rằng, giống như nhiều quốc gia khác, nó không được sử dụng nhiều hơn.

17.2. Hình thức thứ hai : cử hành cộng đồng với lời xưng tội và sự xá giải cá nhân

Hình thức hòa giải thứ hai được Đức Phaolô VI đưa ra là cử hành sám hối bao gồm việc xưng tội và xá tội cá nhân. Văn kiện này mã hóa các nghi lễ sám hối vốn đã phổ biến ở Pháp và nhiều nơi khác trong nhiều năm qua và là yếu tố rất quan trọng trong việc đổi mới hình thức bí tích, vì nó tôn vinh chiều kích cộng đồng và lời cầu nguyện của toàn thể Giáo hội. Kiểu cử hành này tái hiện trong một thế giới chắc chắn rất khác biệt so với những gì đã diễn ra trong Giáo hội cổ xưa. Nghi thức này bao gồm phụng vụ lời Chúa với bài giảng, thời gian tĩnh lặng để xét mình, có thể được hỗ trợ bằng một số chỉ dẫn tập trung vào chủ đề Tin Mừng, đọc kinh Lạy Cha, xưng tội và xá giải cá nhân, và lời cầu nguyện tạ ơn.

Cho phép tôi nhấn mạnh ở đây tính bổ sung của hai hình thức cử hành này : cá nhân và cộng đồng, vì hình thức này có thể khắc phục những thiếu sót của hình thức kia. Lợi ích của việc cử hành chung là có thể sống trong Giáo hội một phương pháp sư phạm Tin Mừng về hòa giải ; hạn chế của nó là thời gian dành cho việc đối thoại bí tích nhất thiết phải bị giảm đi, ngay cả khi có nhiều linh mục giải tội hiện diện. Do đó, thật khó để

có thể diễn tả hết sức sống động của cuộc đối thoại này.

17.3. Dạng thứ ba, phi thường : cử hành cộng đồng và xá tội tập thể

Hình thức hòa giải thứ ba do Phaolô VI đưa ra được coi là phi thường : đó là một lễ sám hối tương tự như lễ trước, nhưng bao gồm một lời thú nhận cộng đồng về tội lỗi và sự xá tội tập thể. Cử hành này được đưa ra trong những trường hợp cần thiết mà giám mục quy định, khi số lượng hối nhân quá đông đến mức không thể tiếp nhận họ trong thời gian hợp lý và do đó có nguy cơ khiến các tín hữu không được rước lễ trong một thời gian dài. Các tín hữu trong cộng đoàn muốn nhận được sự xá giải này sau đó được yêu cầu làm dấu hiệu thể hiện ý định của mình (ví dụ như quỳ gối). Sự hòa giải này rõ ràng chỉ có giá trị nếu người ăn năn có tâm trạng đúng đắn, nghĩa là nếu họ thực sự có bước đi hướng tới sự hòa giải. Cuối cùng, linh mục phải nhắc nhở những người cảm thấy rõ ràng mình có tội vì đã phạm tội nghiêm trọng hãy đi xưng tội sau, ngay khi có thể.

Ở nhiều vùng của nước Pháp, những cử hành này đã lan rộng do thiếu linh mục. Chúng tạo nên phương pháp

sự phạm sám hối tốt và có thể khiến các tín hữu đã xa lánh việc này cảm thấy nhu cầu và mong muốn xưng tội cá nhân. Mặc dù có tính chất đặc biệt nhưng chúng vẫn có lợi ích riêng. Nhưng có lẽ trong một số trường hợp, chúng cũng trở thành giải pháp dễ dàng khi lý do cần thiết không thực sự được áp dụng. Đây là lý do tại sao Bộ Giáo luật mới và Thượng Hội đồng Giám mục năm 1983, không đặt câu hỏi về nguyên tắc của họ, mà kêu gọi sự nghiêm ngặt hơn trong cách hiểu các trường hợp cần thiết. Tôi sẽ có cơ hội quay lại vấn đề này.

Từ tất cả những điều này, chúng ta có thể thấy sự bổ sung giữa bản chất cá nhân và cộng đồng của quá trình hòa giải.

18. Thượng Hội Đồng Giám mục năm 1983

Chúng ta hãy cùng suy ngẫm về Thượng Hội đồng Giám mục tháng 10 năm 1983, dành riêng cho sự hòa giải và sám hối. Thượng hội đồng mong muốn nghiên cứu chủ đề này trong phạm vi đầy đủ của nó, nhằm đưa bí tích hòa giải vào bối cảnh rộng hơn.

18.1. Sứ mệnh hòa giải của Giáo hội đối với các tín hữu và thế giới

Giáo hội có sứ mệnh hòa giải với các tín hữu và thế giới. Nhưng nó có tính hòa giải vì trước tiên nó được hòa giải triệt để nhờ mầu nhiệm Đức Kitô, nhưng vẫn luôn trong tiến trình hòa giải, vì nó được tạo nên từ những con người tội lỗi. Đối với Giáo hội, sự hòa giải vừa là một hồng ân vừa là một lời kêu gọi, do đó là một lời kêu gọi hoán cải. Nó phải tự mình cung cấp, ở cấp độ cộng đồng địa phương, các mối quan hệ giữa các Giáo hội địa phương và các Giáo hội hoàn vũ là hình ảnh của sự hòa giải. Điều này vẫn còn xa mới xảy ra ở mọi nơi, và các Nghị phụ Thượng hội đồng đã lưu ý đến mâu thuẫn này : vì vẫn còn sự chia rẽ giữa những Kitô hữu ly khai, và trong chính Giáo hội Công giáo vẫn còn nhiều sự chia rẽ ; một số sự việc đáng tiếc gần đây ở

Pháp đã nhắc nhở chúng ta về điều này. Do đó, Giáo hội phải tăng cường sứ vụ hòa giải và trải nghiệm sự hoán cải mới theo nghĩa này.

Liên quan đến thế giới, Giáo hội phải đặt mình vào việc phục vụ hòa bình giữa các quốc gia và sự hòa giải giữa các dân tộc : một số can thiệp của các giám mục thuộc các quốc gia bị chia cắt bởi chiến tranh bên ngoài hoặc nội chiến đã tác động đến vấn đề này. Trong cùng tinh thần đó, Giáo hội phải lên án những bất công về kinh tế và chính trị, những yếu tố gây xung đột : các Nghị phụ Thượng hội đồng đặc biệt nghĩ đến sự bất công tồn tại giữa các nước giàu ở Bắc bán cầu và các nước nghèo ở Nam bán cầu, về nhu cầu một trật tự kinh tế và tiền tệ thế giới mới, và về sự chuyển đổi của một số cấu trúc chính trị và xã hội là nguồn gốc của bất công. Nhiệm vụ này rất lớn, và chúng ta không thể tách rời những trách nhiệm này khỏi tiến trình hoán cải và hòa giải mà mỗi Kitô hữu phải trải qua. Giáo hội không bị giới hạn bởi thẩm quyền hay hệ thống cấp bậc của mình: đó là «dân Chúa», và mỗi thành viên của dân này, bất kể họ ở đâu và theo trách nhiệm của mình, đều tham gia vào yêu cầu hoạt động vì hình thức hòa giải này.

18.2. Tội lỗi tập thể

Trong tông huấn của mình sau Thượng hội đồng, có tựa đề *Hòa giải và Sám hối* ²², Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đã tiếp tục nhiều chủ đề được tranh luận trong Thượng hội đồng, đồng thời đặt sự hòa giải trong toàn bộ màu nhiệm của Đức Kitô và nói về Giáo hội như là «bí tích hòa giải vĩ đại». Đặc biệt, chúng ta thấy trong văn bản này có một diễn biến mới về tội tập thể hoặc tội xã hội, vốn đã được thảo luận nhiều tại Thượng hội đồng.

Ngài khẳng định rằng, nói về tội lỗi xã hội trước hết có nghĩa là thừa nhận rằng, nhờ vào tình đoàn kết của con người vừa bí ẩn vừa khó nhận thấy nhưng lại thực tế và cụ thể, tội lỗi của mỗi người đều được phản ánh theo một cách nhất định lên người khác ²³.

Mỗi tội lỗi đều có tác động, ít nhiều mạnh mẽ, đến toàn thể cộng đồng giáo hội và toàn thể gia đình nhân loại. Trực tiếp hơn là tội gây hấn trực tiếp với người lân cận, đặc biệt là bất kỳ tội nào chống lại công lý trong mối quan hệ giữa người với người, hoặc giữa người

22 GIOAN PHAOLÔ II, Tông huấn sau Thượng Hội đồng. Hòa giải và sám hối, Doc. cath., 1887, 1985, tr. 1-31; hoặc C.A.R.S., không. 300-301 (1-15 tháng 1 năm 1985).

23 Ibid., số. 16; C.A.R.S., trang. 37.

với cộng đồng. Cuối cùng, tội lỗi xã hội là mọi thứ ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các cộng đồng loài người khác nhau : sự đối kháng giữa các quốc gia, giai cấp, tập đoàn hoặc nhóm, tất cả đều cấu thành nên tệ nạn xã hội. Do đó, có những tình huống tội lỗi xảy ra do hành vi tập thể của các nhóm xã hội. «Những trường hợp tội lỗi xã hội này là kết quả, sự tích tụ và tập trung của nhiều tội lỗi cá nhân. ²⁴»

Tội lỗi xã hội không nên đối lập với tội lỗi cá nhân, như thể nó là lời biện hộ - «Tôi không thể làm gì khác, thế giới là như thế, tôi bị luật kinh tế, luật của nhóm tôi ép buộc phải hành động như thế này» - hoặc như thể con người tốt từng người một và thế giới thì xấu xa một cách bí ẩn. Thực ra, mọi tội lỗi đều có nguồn gốc cá nhân ; nhưng vì con người là một loài động vật xã hội tuyệt đỉnh, nên mọi tội lỗi đều góp phần tạo nên một trạng thái tội lỗi, những cấu trúc tội lỗi. Những cấu trúc này giống như sự kết tinh lịch sử của quá trình tích tụ các hành vi tội lỗi. Do đó, sự chuyển đổi của cá nhân là cần thiết, nhưng tự nó vẫn chưa đủ. Điều thích hợp là mọi người đều can thiệp ở cấp độ trách nhiệm xã hội, kinh tế hoặc chính trị của mình, ở mọi cấp độ của đời sống xã hội, vào chính các cấu trúc đó.

24 Ibid., số. 16; C.A.R.S., trang. 39.

18.3. Sự đổi mới của bí tích

Một điểm đáng chú ý khác của Thượng Hội đồng rõ ràng là việc đổi mới bí tích sám hối. Các Nghị phụ Thượng hội đồng lưu ý rằng cuộc khủng hoảng đang diễn ra trên toàn thế giới ngoại trừ một số ít quốc gia. Họ tin rằng nó xuất hiện trước Công đồng Vatican II. Họ đã đưa ra đánh giá ban đầu về việc sử dụng phép xá tội chung, theo sự cho phép của Đức Phaolô VI. Tình hình nhu cầu rõ ràng rất khác nhau ở Châu Phi hoặc ở Pháp. Lợi ích và hiệu quả của phong tục này đã được nhấn mạnh, nhưng cũng có những hạn chế của nó liên quan đến việc xưng tội ; và trong một số trường hợp, chúng tôi nhận thấy sự cám dỗ muốn đưa ra giải pháp dễ dàng. Nhưng Thượng hội đồng đã yêu cầu rõ ràng rằng các điều khoản của Đức Phaolô VI và bộ luật mới không nên bị đặt dấu hỏi. Đức Gioan Phaolô II thực sự đã duy trì chúng : tuy nhiên, ngài nhấn mạnh rằng hình thức bí tích này với sự xá giải tập thể không thể trở thành một hình thức thông thường và rằng nó phải được sử dụng trong những trường hợp «cần thiết nghiêm trọng» được quy định, trong khi nghĩa vụ xưng tội nghiêm trọng riêng lẻ trước khi nhờ đến sự xá giải chung khác vẫn còn. Giám mục hoặc hội đồng giám mục có trách nhiệm phân định những trường hợp này. Đây là lý do tại sao, kể từ Thượng hội đồng, việc thực hành cử hành sám hối

với sự xá giải tập thể đã được sửa đổi ²⁵.

18.4. Những con đường khác để hòa giải

Đức Gioan Phaolô II cũng đề cập rộng rãi đến những cách sám hối và hòa giải khác không trực tiếp qua bí tích : đối thoại, giáo lý ; ăn chay, bố thí và cầu nguyện, một bộ ba rất truyền thống ; chủ nghĩa khổ hạnh mà còn là mọi hành động thương xót, chia sẻ và từ thiện. Trên thực tế, Thượng hội đồng hy vọng rằng sự hài lòng sẽ đạt được mức độ nhất quán nhất định. Tôi thoải mái bình luận về những hướng dẫn được đưa ra : việc nhịn ăn không hề lỗi thời, hoặc ít nhất là bằng lòng với thức ăn cơ bản : cha ông chúng ta đã làm như vậy, khi họ ít ăn uống hơn chúng ta và không cần đến thuốc, để giảm cân. Nhưng hiện nay, những bữa ăn huynh đệ với một bát cơm đang lan rộng, giúp mọi người có thể trao tặng của cải cho những quốc gia đang đói kém. Chúng ta cũng có thể nhịn xem tivi, phim ảnh hoặc ăn tối bên ngoài. Cái nghèo thách thức chúng ta dưới mọi hình thức, và không thiếu các tổ chức từ thiện cần tiền hoặc sự giúp đỡ của tình nguyện viên. Việc thăm viếng người bệnh không có gia đình trong bệnh viện, hoặc tù nhân, cũng là một công việc truyền thống rất phù

25 Ibid., số. 33; C.A.R.S., trang. 93-94.

hợp ngày nay, chưa kể đến việc lắng nghe những người đang đau đớn, hoặc đang trải qua một cuộc xung đột nội tâm không thể lắng xuống.

Thượng Hội đồng chắc chắn chưa giải quyết được mọi vấn đề : nhiệm vụ vẫn còn lớn lao là làm cho bí tích hòa giải thực sự được mong muốn trong Giáo hội, trong sự bổ sung của các hình thức và cách tiếp cận của nó. Nhưng đó là chuyện của mỗi người. Lịch sử Giáo hội cho chúng ta thấy sự tương ứng giữa nhu cầu hoặc mong muốn tâm linh của các tín hữu và sự chỉ dẫn của công tác mục vụ của các thừa tác viên trong Giáo hội.

19. Vai trò của linh mục

Việc nghiên cứu bí tích hòa giải đã hướng chúng ta nhiều hơn đến cách cư xử của người sám hối. Và có lẽ bạn thấy tôi nói rất ít về cách cư xử, vai trò và thái độ của linh mục. Vì vậy, hôm nay chúng ta hãy cùng nhau bàn về thừa tác viên hòa giải, người được trao giữ «chìa khóa của Giáo hội» với nhiệm quan trọng.

Có hai hình ảnh được giữ lại theo truyền thống để thể hiện vai trò của nó : mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân và mối quan hệ giữa thẩm phán và bị cáo.

19.1. Bác sĩ và bệnh nhân

Hình ảnh bác sĩ và người bệnh xuất hiện trong Kinh thánh và được Giáo hội cổ đại tiếp tục sử dụng. Cái ác là tội lỗi được so sánh với cái ác của thân xác là bệnh tật, cái ác này phải bị loại bỏ vì lợi ích của người bệnh cũng như của xã hội, bởi vì có những bệnh tật dễ lây lan. Đây là lý do tại sao bệnh nhân, với mong muốn được chữa khỏi bệnh, đến gặp bác sĩ để tiết lộ tình trạng bệnh của mình và chấp nhận phương pháp điều trị mà bác sĩ kê đơn trong một khoảng thời gian nhất định, và thậm chí, nếu cần thiết, đặc biệt là khi có nguy cơ lây nhiễm, họ sẽ chấp nhận một hình thức cách ly hoặc nhập viện nhất

định. Vì vậy, anh ta bị cách ly khỏi xã hội để sau khi khỏi bệnh, anh ta có thể tái hòa nhập. Bác sĩ thực hiện quyền hạn đối với bệnh nhân, nhân danh năng lực của mình. Ông ta kê đơn hoặc «kê toa» thuốc. Bác sĩ có thể áp dụng các phương pháp điều trị đau đớn và giới thiệu bệnh nhân đến bác sĩ phẫu thuật để phẫu thuật. Mọi hoạt động của ông đều hướng đến mục đích mang lại điều tốt lành và chữa lành cho người bệnh. Nhưng bác sĩ có thể gặp phải xung đột giữa mong muốn không gây đau đớn và mong muốn chữa lành bệnh một cách quyết liệt hơn. Do đó, phương pháp điều trị phải được đề xuất một cách hết sức tế nhị và thấu hiểu đối với nỗi đau mà bệnh nhân đang phải trải qua ; bạn phải tôn trọng và lắng nghe anh ấy. Thông thường, sự khác biệt giữa một bác sĩ giỏi hay xấu không đến từ năng lực thực sự của họ, mà là từ khả năng giúp đỡ bệnh nhân theo cách thực sự nhân văn, biến họ thành đồng minh trong cuộc chiến chống lại bệnh tật, thay vì đối xử với họ như một bệnh nhân thông thường.

Trong Tin Mừng, Chúa Giêsu tự giới thiệu mình như một bác sĩ : «Người khỏe mạnh không cần đến bác sĩ, người đau ốm mới cần» (Lc 5.31). Người thậm chí còn gán cho những người đối đầu với mình lời thách thức mà lời khuyên phổ biến dành cho bác sĩ : «Bác sĩ, hãy tự chữa bệnh cho mình !» » (Lc 4.23). Điều đáng chú

ý nữa là những phép chữa lành mà Người thực hiện tượng trưng cho sự cứu rỗi hoàn toàn và do đó là sự hòa giải của tội nhân với Thiên Chúa. Khi làm như vậy, «Người đã mang lấy các bệnh tật của chúng ta», Thánh Mát-thêu nói, áp dụng cho Chúa Giêsu lời ngôn sứ về Người Tôi Tớ đau khổ (Mt 8.16-17). Điều này sẽ được thể hiện trọn vẹn trên thập tự giá.

Sau này, Basil xứ Caesarea đã nói rằng : «Việc xưng tội được mô phỏng theo biểu hiện của bệnh tật về thể xác.»

Vì vậy, linh mục là «bác sĩ tâm hồn» như chúng ta thường nói. Điều này đòi hỏi kỹ năng và kinh nghiệm lớn, trước hết là về phương diện đời sống tâm linh và những đòi hỏi của đạo đức Kitô giáo, nhưng cũng trong lĩnh vực khoa học nhân văn, đặc biệt là tâm lý học. Ông không phải là nhà trị liệu tâm lý, nhưng ông phải có khả năng nhận ra điều gì có thể là bệnh hoạn trong thái độ của người ăn năn, để cảnh báo họ về điểm này, để không nhầm lẫn các lĩnh vực, và trên hết là không đưa ra lời khuyên tâm linh có thể làm trầm trọng thêm lỗi lầm về mặt tâm lý. Người đó phải thực hiện quyền hạn của mình một cách hết sức thận trọng và khiêm tốn, khéo léo và tử tế, nhưng cũng không loại trừ sự cứng rắn khi cần thiết. Nó cũng đòi hỏi một phẩm chất tuyệt

vời, cả về mặt con người và tinh thần, là lắng nghe, bình thần và kiên nhẫn, điều này tạo nên sự tự tin và cho phép người sám hối nói ra *mọi điều*. Sẽ rất nghiêm trọng nếu người sám hối rời khỏi cuộc đối thoại với cảm giác rằng người khác không hiểu mình.

19.2. Thẩm phán và bị cáo

Sự so sánh khác là giữa thẩm phán và bị cáo. Ngôn ngữ này được Công đồng Trent tiếp thu và đưa vào sách giáo lý. Cho đến gần đây, chúng ta vẫn nói về «tòa án thánh sám hối». Bí tích hòa giải được ban dưới hình thức phán quyết : lời khẳng định này dựa trên ý nghĩa của các từ buộc và tháo mà tôi đã nói đến. Trên thực tế, linh mục sẽ phán quyết việc đền tội phải được áp dụng và việc hòa giải phải được thực hiện. Chúng ta hãy thừa nhận rằng tài liệu tham khảo pháp lý này không mấy dễ chịu đối với nhiều người trong chúng ta, vì nó gợi lên việc thực thi công lý của con người mà vai trò thường là lên án và đôi khi là sai trái, mặc dù sứ mệnh của nó là tái lập luật pháp.

Nhưng có một sự khác biệt cơ bản giữa công lý của con người lên án kẻ phạm tội và công lý của Chúa cứu rỗi tội nhân. Toàn bộ Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng

sự phán xét của Thiên Chúa không phải dành cho tội nhân, mà là cho tội lỗi. Đối với tội nhân, công lý của Thiên Chúa là công chính, nghĩa là tuyên bố họ là công chính và thực sự làm cho họ trở nên công chính bằng cách tha thứ cho họ, hòa giải họ và cứu rỗi họ. Đây là chủ đề lớn về sự nên công chính bởi ân điển qua đức tin, chủ đề này chi phối Thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma. Thánh Gioan còn cho chúng ta biết rằng Chúa Giêsu hướng về Chúa Cha, trở thành người bênh vực chúng ta (1 Ga 2.1).

Trên thực tế, linh mục không cần phải lên án hồi nhân: người là thừa tác viên của ân sủng và sự tha thứ của Thiên Chúa, một sự tha thứ không thuộc về người. Vai trò của linh mục không phải cân đo bằng máy bắn đá từng lỗi lầm thừa nhận để xác định mức độ nghiêm trọng chính xác của lỗi đó. Nhưng để đánh giá mức độ nghiêm túc trong sự hoán cải của tội nhân, mức độ nghiêm túc trong mong muốn làm điều tốt hơn của họ, ngay cả khi họ thấy trước rằng sự yếu đuối của con người sẽ khiến họ sa ngã lần nữa. Cũng là đưa ra lời khuyên, thậm chí là cảnh báo, cần thiết và hữu ích cho người đó, để giải thoát họ khỏi tội lỗi và tiến tới gần Thiên Chúa hơn. Chính là để cân xứng với sự sám hối mà linh mục sẽ áp đặt cho toàn bộ bối cảnh này. Tương tự như vậy, linh mục chỉ từ chối hòa giải trong những trường hợp

cực đoan, khi người ăn năn chính thức từ chối bất kỳ sự hoán cải nào. Nhưng ngay cả trong trường hợp này, linh mục vẫn phải duy trì mọi thiện chí đối với người đó, và cho người đó thấy rằng vì tôn trọng người đó cũng như tôn trọng bí tích nên người không thể ban phép xá giải, vì điều đó thực sự không trang nghiêm.

19.3. Linh mục làm chứng cho ân sủng Thiên Chúa

Mỗi linh mục đã trải nghiệm thừa tác vụ hòa giải đều ý thức được trách nhiệm nặng nề của mình trước Thiên Chúa và anh em. Linh mục không bao giờ quên rằng người cũng là một tội nhân và người cần sống nhờ bí tích này. Người biết rằng chức thánh này đối với người là một đòi hỏi về sự công chính và hiệp nhất với Thiên Chúa, cũng như về lòng bác ái, vì người là thừa tác viên của lòng nhân từ của Thiên Chúa, và rằng điều đó tùy thuộc một phần vào người để tội nhân có thể trải nghiệm được. Người hiểu rằng mối quan hệ đối thoại được thiết lập giữa người và người đến xưng tội là hoàn toàn độc đáo, vì nó diễn ra ở trung tâm của mầu nhiệm Giáo hội : nó mang tính bí tích. Nó cho phép chúng ta đi khá nhanh đến những vùng sâu nhất của sự tồn tại, trong một cuộc đối thoại mà bản chất của nó sẽ không

thể tưởng tượng được trong một bối cảnh khác. Sau cùng, trong bí tích này, linh mục là người chứng kiến ân sủng của Thiên Chúa. Người nhận được nhiều điều ở đó : phẩm chất và lòng can đảm của một số cuộc hoán cải, sự tinh tế mà những người đàn ông và phụ nữ cảm nhận được mọi sự xúc phạm từ Chúa, thậm chí là nhỏ nhất, khiến người tràn ngập lòng ngưỡng mộ và biết ơn. Họ thúc đẩy người thờ phượng Chúa. Thông thường, khi rời khỏi tòa giải tội, người nhận ra mà không hề cay đắng rằng chính người còn xa Chúa hơn nhiều người ăn năn mà người đã nghe và rằng họ đã chỉ cho người con đường hoán cải. Người cảm thấy mình thật nhỏ bé, nhưng đồng thời cũng trở nên mạnh mẽ và hạnh phúc trên con đường riêng của mình hướng đến Chúa.

20. Về tội lỗi

Cho đến nay tôi đã nói nhiều về sự hoán cải, hòa giải và cứu rỗi. Tôi đã nói rất ít về bản chất tội lỗi, tuy nhiên đó lại là nguyên nhân chính đằng sau quá trình hòa giải. Khi làm như vậy, tôi đã tôn trọng chính phong trào mặc khải của Kitô giáo, luôn nói trước về sự cứu rỗi rồi mới đến tội lỗi, bởi vì bản chất nghiêm trọng của tội lỗi được mặc khải ngay tại trung tâm sáng kiến tha thứ của Thiên Chúa. Theo lời của Pascal, việc biết tội lỗi của mình nằm ngoài tình yêu thương mạnh mẽ hơn và vẫn duy trì mặc dù có tội lỗi sẽ khiến chúng ta «mất hết can đảm»²⁶. Nếu bạn cho phép tôi đưa ra một so sánh cơ bản, khi ai đó sắp chết đuối, điều đầu tiên cần làm là lặn xuống để kéo họ ra khỏi nước ; sau đó chúng ta có thể trách mắng anh ta vì sự thiếu thận trọng hoặc giải thích cho anh ta về những nguy hiểm khi bơi.

Tội lỗi và cảm giác tội lỗi đã trở thành những thuật ngữ đặc biệt phức tạp trong thế giới văn hóa của chúng ta và không rõ ràng. Đây là lý do tại sao tôi muốn phân biệt ba cấp độ nhưng không tách rời chúng :

26 PASCAL, Suy nghĩ, biên tập. Lafuma, số 919.

20.1. Cảnh báo chính của ý thức

Đầu tiên là mức độ cảnh giác ban đầu của lương tâm hoặc cảm giác tội lỗi về mặt tâm lý. Tôi đang nói đến những gì xảy ra trong chúng ta, thậm chí trước khi chúng ta quyết định bảo vệ tự do của mình, như sự đau khổ, thống khổ, chia rẽ nội tâm, sỉ nhục, mất bình an, trước viễn cảnh làm hoặc đã làm điều này điều kia. Người ta vẫn nói, sư tử giết rồi ngủ, còn kẻ giết người thì không bao giờ ngủ nữa. Lời cảnh báo chính này có ý nghĩa tích cực : đó là câu hỏi đặt ra cho sự tự do của chúng ta. Nhưng nó vẫn còn mơ hồ và hỗn tạp : con người đấu tranh với những điều cấm đoán, với những «điều cấm kỵ» không được thừa nhận ; một cảm giác sai lầm về sự thiêng liêng có thể lẫn vào đó : khi đó chúng ta sẽ gọi Thiên Chúa là hiện thân của lương tâm báo thù không muốn tha thứ cho chúng ta vì con người chúng ta. Ngoài ra, nếu bỏ mặc, mức độ chính này có thể dẫn đến thái độ tội lỗi phức tạp và bệnh hoạn, một vòng luẩn quẩn của sự nghi ngờ, ám ảnh, hung hăng hoặc ám ảnh đủ loại. Sự suy thoái văn hóa của một số chủ đề Kitô giáo có thể đã thúc đẩy loại phức tạp này. Nhưng nền văn hóa của chúng ta, được gọi là cho phép, cũng truyền tải một cách nghịch lý việc săn lùng «kẻ tội lỗi» tất cả sự ác của chúng ta.

Chúng ta có thể nói rằng đặc điểm của cấp độ đầu tiên này là mối quan hệ thuần túy giữa bản thân với bản thân : tính chủ quan của ý thức cũng có nguy cơ bị nhốt trong chính nó mà không có sự trung gian của mối quan hệ với người khác và với Thiên Chúa.

20.2. Cảm giác tội lỗi về mặt đạo đức

Mức độ thứ hai là mức độ cảm giác tội lỗi về mặt đạo đức : tự do có một vị trí liên quan đến cảm giác về con người và những người, nó cam kết với một tập hợp các giá trị hoặc một «lề luật đạo đức». Lỗi lầm mà tôi đã phạm phải khi đó sẽ có ý nghĩa là gây ra tổn hại cụ thể cho cả bản thân tôi và người khác. Đây không còn là lệnh cấm mơ hồ nữa : hành vi hoặc hành động này được coi là có hại và phải bị cấm vì nó có hại. Nếu mọi người đều làm như vậy, đời sống xã hội sẽ không còn tồn tại nữa. Tôi đã phá vỡ nguyên tắc vàng : đừng làm với người khác những gì bạn không muốn người khác làm với mình. Như chúng ta có thể thấy, mức độ nhận thức cá nhân và đạo đức này, về việc thực hiện quyền tự do, liên quan đến mối quan hệ của bản thân với người khác. Nó làm cho sự tha thứ trở nên khả thi. Con người không thể là người có đạo đức một mình. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, mức độ tự do này sẽ đi vào kỷ luật,

thống trị mức cảnh báo cơ bản thấp hơn, đồng thời tôn trọng những gì đúng đắn trong đó. Nếu không, sự hòa nhập của một người sẽ khó khăn, dẫn đến khó khăn lớn trong cuộc sống và đòi hỏi sự giúp đỡ thích hợp. Cùng với lịch sử, lĩnh vực chung của lương tâm đạo đức được tinh chỉnh bằng cách khám phá ra những yêu cầu mới, sự từ chối chế độ nô lệ, chủ nghĩa thực dân, tôn trọng nhân quyền hơn, v.v. Nó cũng có thể trải qua một số sự thoái triển.

Cấp độ này đã bao hàm toàn bộ sự bí ẩn của con người và đặt ra câu hỏi về tính tuyệt đối. Bất cứ ai nhận ra nhu cầu về luật luân lý cũng sẽ trải nghiệm con người tự chia rẽ, được Thánh Phaolô mô tả : họ không làm điều thiện mà họ muốn, nhưng lại làm điều ác mà họ lên án (Rm 7.19).

20.3. Ý nghĩa tội lỗi trong Kitô giáo

Mức độ thứ ba là cảm nhận của người Kitô hữu về tội lỗi. Ý nghĩa của tội lỗi như một sự xúc phạm đến một Thiên Chúa nhân từ và đầy lòng yêu thương đã xuất hiện trên thế giới trong sự mặc khải của Do Thái giáo - Kitô giáo. Vấn đề hiện nay là mối quan hệ giữa bản thân với Thiên Chúa, với người khác và với bản thân

trong mối quan hệ với Chúa Giêsu, Đấng Kitô. Đây là thừa nhận bản chất đồng nhất giữa tội ác của con người và sự xúc phạm đến Thiên Chúa. Không có gì tùy ý ở đây : điều gì xúc phạm đến Thiên Chúa thì là điều xấu đối với con người và ngược lại. Tôi khám phá ra rằng khi làm điều ác, tôi không chỉ làm hại chính mình và người khác, mà tôi còn từ chối lời đề nghị yêu thương mà Thiên Chúa dành cho tôi, lời đề nghị mà Ngài gửi đến tôi để Ngài thông ban chính Ngài cho tôi để biến tôi thành con của Chúa Cha, anh em của Chúa Con và là đền thờ của Chúa Thánh Thần ; tôi từ chối rước lễ. Theo những hình ảnh có ý nghĩa trong Kinh thánh, đây là sự phản bội trong hôn nhân hoặc trong tình con cái, là sự phá vỡ Giao ước. Điều đáng chú ý là danh sách tội lỗi trong Tân Ước được tập hợp dưới tiêu đề là từ chối biết và yêu Thiên Chúa. Đây là lý do tại sao cảm nhận về tội lỗi của Kitô giáo thực sự mang tính «thần học».

20.4. Tội trọng và tội nhẹ

Nói như vậy, tất nhiên có nhiều mức độ nghiêm trọng khác nhau của tội lỗi : sự phân biệt xuất hiện trong lịch sử của bí tích là tội nhẹ và tội trọng. Tội trọng, tội dẫn đến cái chết về mặt tinh thần, cấu thành sự phá vỡ chính thức Giao ước với Thiên Chúa và kéo chúng ta ra khỏi

sự hiệp thông với Ngài, có ba yếu tố : tội được phạm phải trên một vấn đề nghiêm trọng khách quan, nghĩa là trong một phạm vi về cơ bản trái ngược với lợi ích của con người và kế hoạch của Thiên Chúa dành cho con người, với sự hiểu biết đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của vấn đề và sự đồng ý hoàn toàn tự do. Chúng ta đừng quên rằng chỉ có sự kết hợp của ba khía cạnh này mới cấu thành tội trọng. Ngược lại, tội nhẹ không cấu thành hành vi vi phạm Giao ước. Đây là những tội lỗi hằng ngày của chúng ta, bắt nguồn từ nhiều sự yếu đuối. Chúng là những đám mây trong mối quan hệ yêu thương của chúng ta với Thiên Chúa, cũng như với những người khác, một khoảng cách nhất định, không có sự ngưng ngừng, như trong những cặp đôi mà chúng ta luôn sống tốt với nhau, nhưng không nói với nhau nhiều, không cảm thấy muốn nói rằng chúng ta yêu nhau. Sự phân biệt giữa tội trọng và tội nhẹ, theo truyền thống và cổ điển, là điểm tham chiếu giáo lý quan trọng. Đức Gioan Phaolô II rất muốn nhắc lại điều này sau Thượng hội đồng Giám mục năm 1983 ²⁷.

Nhưng nó không nói lên tất cả mọi thứ về động lực tâm linh trong cuộc sống của chúng ta. Sẽ là sai lầm nếu

27 GIOAN-PAUL II, Tông huấn sau Thượng Hội đồng. Hoà giải và Sám hối, số 17; C.A.R.S., Số 300-301, ngày 1-15 tháng 1 năm 1985, tr. 40-45.

cho rằng tội nhẹ không quan trọng. Lặp đi lặp lại, chấp nhận mà không đấu tranh, là một phần của mô hình tâm thường chung, điều này có thể dẫn đến sự dày đặc của ý thức, sự mù quáng trước những gì chúng ta đang trải nghiệm. Nó thậm chí có thể khiến chúng ta phạm phải sai lầm trong những vấn đề nghiêm trọng, ví dụ như không giúp đỡ khẩn cấp và cần thiết cho hàng xóm. Bản thân động lực của nó cũng có thể dẫn chúng ta đến cái gọi là «lựa chọn cơ bản» của chủ nghĩa vị kỷ chống lại Thiên Chúa và tha nhân, nghĩa là, đến một hình thức tội trọng đặc biệt nguy hiểm, bởi vì nó không liên quan đến sự cảnh giác của lương tâm.

Mặt khác, không phải mọi tội lỗi chết người đều như nhau. Họ chắc chắn đã vượt qua ranh giới với Thiên Chúa. Nhưng sự đổ vỡ này có thể là kết quả của một tai nạn đặc biệt mà người ta có thể nhanh chóng phục hồi thông qua sự hoán cải ; ngược lại, nó có thể là kết quả của sự chai cứng của trái tim, của một ý chí cố ý và không lay chuyển ; nó có thể trở nên cố hữu theo thời gian và khiến việc ăn năn trở nên vô cùng khó khăn. Vấn đề nghiêm trọng của tội trọng cũng có thể nghiêm trọng hơn hoặc ít nghiêm trọng hơn (hơn nữa, các nhà thần học đạo đức đã tự tiến hóa theo cách đánh giá các vấn đề nghiêm trọng) - lấy một ví dụ đơn giản, giết người rõ ràng nghiêm trọng hơn trộm cắp - và tác động

của lỗi lầm gây ra đối với lương tâm cũng khác nhau.

Do đó, giữa hai loại tội lỗi này có một ranh giới khó nắm bắt mà tôi gọi là tội «nghiêm trọng», không chính thức là nghiêm trọng theo nghĩa của định nghĩa đã cho, nhưng cũng không tầm thường, bởi vì chúng tạo nên mỗi nguy hiểm có thể khiến cuộc sống của chúng ta đi chệch hướng. Những người này đặc biệt cần sự giúp đỡ về mặt tinh thần của người giải tội. Ngày nay, chúng ta dễ dàng xếp những tội lỗi về «hành vi» vào loại này : không phải hành động cụ thể này hay hành động cụ thể kia, mà là toàn bộ phong cách sống của tôi, phong cách mà về lâu dài sẽ thể hiện và phản bội sự lựa chọn cơ bản của tôi. Vì tội lỗi cuối cùng sẽ bị phán xét dựa trên động lực của cuộc sống.

Phần Ba

Sự cứu rỗi của thế giới
và sự hòa giải của chúng ta
trong Chúa Giêsu Kitô

21. Sự cứu rỗi của Kitô giáo, bí ẩn của Giao ước và hòa giải

Cho đến nay, tôi đã phân tích trước anh chị em về việc thực hiện bí tích hòa giải đã trở thành một bí tích trong Giáo hội, và tôi đã xem xét lịch sử của bí tích này để hiểu rõ hơn mọi khía cạnh của nó và thu thập nhiều giáo lý của nó. Điều này có thể giúp chúng ta thực hiện một hình thức hoặc phương cách của bí tích này, kết hợp lòng trung thành với truyền thống với khả năng sáng tạo cần thiết trong Giáo hội.

Nhưng trong cuộc gặp gỡ giữa hời nhân và linh mục, điều quan trọng không chỉ là mầu nhiệm của Giáo hội, mà còn là mầu nhiệm về Đức Kitô, Đấng vừa là Đấng Cứu Độ, vừa là sự cứu rỗi và là Đấng hòa giải chúng ta với Thiên Chúa. Ngoài ra, theo hướng đi lên mà tôi đã thông báo khi bắt đầu những cuộc trò chuyện này, tôi muốn nói với anh chị em về kế hoạch cứu độ của Chúa Cha, được thực hiện qua biến cố của Đức Kitô và ân sủng của Chúa Thánh Thần, một kế hoạch Giao ước và hòa giải.

21.1. Sự cứu rỗi, mầu nhiệm của Giao ước

Thuật ngữ Giao ước là một thuật ngữ quan trọng trong cả Cựu Ước và Tân Ước : Thiên Chúa muốn lập Giao ước với dân Ngài. Nó đề cập đến một trải nghiệm cơ bản của con người. Trong đời sống xã hội, bản chất của con người là cam kết với nhau thông qua các hiệp ước, hợp đồng hoặc liên minh. Đây là các giao ước giữa các quốc gia, chẳng hạn như Liên minh Đại Tây Dương, các hiệp định thương mại, thỏa thuận tập thể và nhiều hình thức liên kết khác nhau. Trên hết, đó cũng là cam kết hôn nhân mà hai vợ chồng đeo trên ngón tay, tức là «giao ước». Tất cả những điều này có vai trò đảm bảo không chỉ sự giao lưu hàng hóa và dịch vụ giữa mọi người một cách vui vẻ, mà còn sâu sắc hơn là sự hiệp thông hài hòa giữa họ. Sự liên minh hay cam kết cũng là thứ cho phép mỗi chúng ta vượt qua sự phân tán của thời gian trong cuộc sống của chúng ta, để lấy lại nó thành một thể thống nhất và mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại của chúng ta. Trong hôn nhân, sự cam kết nằm ở chính con người, người trao trọn bản thân mình cho người kia. Đây là lý do tại sao hôn nhân, hướng đến sự hiệp thông trong tình yêu, chính là điểm tham chiếu của Giao ước giữa Thiên Chúa với dân Người.

Lịch sử thiêng liêng của Cựu Ước và Tân Ước là lịch sử lâu dài của Giao ước, nghĩa là của tình yêu, trong đó tội lỗi, so với sự không chung thủy hay ngoại tình, gây ra cả sự tức giận và sự dịu dàng. Toàn bộ sự mặc khải được đánh dấu bằng một loạt các Giao ước : đầu tiên là Giao ước của Chúa với Nô-ê sau trận hồng thủy ; kế đó là Giao ước với Abraham ; rõ ràng, Moïse chính là đại diện cho Giao ước Sinai, được lập giữa Gia-vê và dân được giải phóng khỏi Ai Cập. Giao ước này là hoa trái của một cuộc tuyển chọn và bao gồm những điều khoản chính xác quy định sự thuộc về lẫn nhau giữa Thiên Chúa và dân Ngài : «Ta sẽ là Thiên Chúa của các ngươi và các ngươi sẽ là dân Ta» (Lv 26.12). Giao ước này tạo ra sự đổi mới định kỳ, thường là sau những thời điểm khó khăn, khi nó mang giá trị hòa giải và khởi đầu mới. Suy tư tiên tri làm sâu sắc thêm ý nghĩa của nó và cho thấy lời hứa về một Giao ước mới, được lập nên bằng tình yêu, công lý và lòng trung thành, bằng sự hiểu biết về Thiên Chúa nơi hôn thê (Hô-sê), một Giao ước sẽ biến đổi trái tim bằng đá thành trái tim bằng thịt, bởi vì Lễ Luật của Thiên Chúa sẽ không còn được viết trên những tấm bia bên ngoài mà được viết trong trái tim (Giê-rê-mi-a), một Giao ước vĩnh cửu và một Giao ước Hòa bình. Về phần mình, sự suy tư của linh mục hiểu rằng việc tạo dựng thế giới và con người là hành

động đầu tiên của Giao ước của Thiên Chúa với toàn thể nhân loại. Thiên Chúa đã tạo dựng con người theo hình ảnh và giống Ngài, nghĩa là như một người bạn đồng hành, không phải ngang hàng, nhưng «giống nhau» một cách kỳ diệu, có khả năng bước vào mối quan hệ hiệp thông với Ngài. Sau này, Irénée nói : «Thiên Chúa tạo ra Adam không phải vì Ngài cần con người, nhưng để có một người để Ngài ban phước lành cho họ. ²⁸» Giao ước mới và dứt khoát sẽ được Chúa Giêsu hoàn thành. Những lời thiết lập Bí tích Thánh Thể nói rõ điều này: «Chén này là giao ước mới lập bằng máu Thầy» (1 Cr 11.25). Trong Giao ước mới này, tội lỗi được xóa bỏ (Rm 11.27) ; bây giờ, Thiên Chúa ngự giữa loài người và đặt Thánh Linh của Ngài vào trong họ. Thư gửi tín hữu Do Thái nhấn mạnh cách mạnh mẽ đây là giao ước «tốt hơn» (Dt 8.6), xét đến phẩm chất của người trung gian.

21.2. Sự cứu rỗi, mầu nhiệm hòa giải

Do đó, lịch sử lâu dài của Giao ước chính là dự án hiệp thông giữa con người và Thiên Chúa, trên thực tế được hiện thực hóa thông qua một loạt các cuộc hòa

28 Irénée, Chống lại các tà thuyết, bản dịch tiếng Pháp của A. ROUSSEAU, IV, 14, 1, Cerf, 1984, tr. 446.

giải, cho đến khi có sự hòa giải dứt khoát được thực hiện bởi Đức Kitô. Sự cứu rỗi của chúng ta là sự kết hợp của hiệp thông và hòa giải. Đây chính là những gì mà từ cứu rỗi gọi lên từ hai tình huống đau khổ của con người : bệnh tật và cảnh nô lệ.

Bệnh tật, vốn là sứ giả của sự chết, đặt ra câu hỏi về sự tồn tại của chúng ta. Sự cứu rỗi là sức khỏe : hai từ này được kết hợp trong một số ngôn ngữ. Một người bị bệnh nặng sẽ sẵn sàng gọi bác sĩ là «vị cứu tinh» của mình. Bạn bè của anh ta sẽ nói khi họ thấy anh ta được chữa lành : bây giờ anh ta đã được cứu ; Đây thực sự là hồi sinh ! Các Thánh Vịnh đầy những tiếng kêu than đau khổ kêu cầu Thiên Chúa giúp phục hồi sức khỏe. Và chúng ta biết vị trí của việc chữa lành do Chúa Giêsu thực hiện trong Tin Mừng : cùng một từ «cứu» chỉ sự phục hồi sức khỏe và sự cứu rỗi hoàn toàn của một người trước mắt Thiên Chúa. Sự cứu rỗi của chúng ta là vấn đề sống còn, đó là sự hòa giải của chúng ta với sự sống, theo mọi nghĩa của từ này, từ tự nhiên nhất đến thiêng liêng nhất.

Tình trạng cơ bản khác của sự đau khổ là tình trạng nô lệ : con người bị bắt làm nô lệ, bị bóc lột, bị loại trừ, bị bắt làm con tin, hoặc quân đội bại trận bị bắt làm tù binh, người dân bị áp bức, như trường hợp của Do Thái

ở đất Ai Cập. Tình trạng này ám chỉ những tình huống xưa cũ mà Kinh thánh thường đề cập đến và những tình huống không may vẫn còn hiện hữu trong quá khứ gần đây và hiện tại của chúng ta. Đó là nỗi thống khổ của những người kêu cầu lên trời để được «giải thoát» khỏi cái ác và có được cuộc sống hạnh phúc, bình yên. Chất lượng cuộc sống đang bị đe dọa ở đây. Những tình huống bất công này là dấu hiệu của sự bạo lực mà con người gây ra cho nhau. Họ thể hiện khát vọng về một thế giới nhân loại hòa giải, nơi mà tất cả những điều này sẽ không còn khả thi nữa. Chúng ta cần phải hòa giải với cuộc sống và với thiên nhiên, nhưng cũng phải hòa giải giữa chúng ta.

Hai tình huống đau khổ này là biểu hiện đau đớn của một nhu cầu hòa giải thậm chí còn cấp tiến hơn nằm sâu bên trong chúng ta : hòa giải với Thiên Chúa.

Đây là lý do tại sao sự trở lại của sức khỏe hay sự giải phóng con người, kinh tế, chính trị hoặc xã hội có thể mang giá trị là biểu tượng của sự hòa giải cơ bản trong cuộc sống của chúng ta.

Lời đề nghị của Giao ước mà Thiên Chúa lập với chúng ta nhằm đáp ứng nỗi thống khổ và nhu cầu được cứu rỗi hoàn toàn, nhu cầu về sự sống trong mọi chiều kích, về một cuộc sống trọn vẹn hạnh phúc và vĩnh cửu.

Nhưng chỉ có Đức Kitô mới có thể mang lại cho chúng ta sự hòa giải như vậy.

22. Người trung gian duy nhất

Thông thường, để hòa giải, người ta cần một người trung gian, hay một «người làm việc tốt», như người ta thường nói. Ví dụ, tại Pháp, một văn phòng hòa giải đã được thành lập để giải quyết các xung đột công khai giữa chính quyền hoặc Nhà nước với cá nhân. Người hòa giải là người phát ngôn cho quyền lợi của công dân trước chính quyền ; nhưng ông được chính quyền chính trị bổ nhiệm, và do đó ông có thẩm quyền. Ông có một chân ở mỗi bên : đây là điều cho phép anh ta «trung gian».

Theo nghĩa sâu xa hơn vô cùng, sự hòa giải của chúng ta với Thiên Chúa dựa trên sự trung gian được thực hiện bởi Chúa Giêsu, Đấng Kitô.

22.1. Chúa Giêsu Kitô là Đấng trung gian duy nhất

Câu đầu tiên cho chúng ta biết : «Chỉ có một Thiên Chúa, và chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người, tức là Chúa Giêsu Kitô, là Đấng đã phó chính mình làm giá chuộc cho mọi người», thư gửi Timôthê cho chúng ta biết (Tm 2.5-6). Giống như Môsê đã từng là người trung gian của Giao ước đầu tiên,

nhưng theo nghĩa yếu hơn, thì Đức Kitô cũng là «Đấng trung gian của Giao ước mới» (Dt 9.15).

Chúa Giêsu là người trung gian với tư cách nào ? Bởi vì Người cho rằng mình có sự đoàn kết kép với Thiên Chúa và với con người. Một mặt, Người là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa, nếu không có Người, Người không thể truyền đạt cho chúng ta món quà của Thiên Chúa, món quà chính là Thiên Chúa ; mặt khác, Người đã trở thành một con người, một trong số chúng ta, về mọi mặt giống như những người anh em của mình. Nếu Người chỉ là Thiên Chúa, Người không thể là Đấng trung gian : vì giờ đây Người là con người nên Người có thể trở thành Đấng trung gian.

Do đó, Chúa Giêsu không chỉ là một trung gian, một tác nhân truyền giáo đi lại giữa hai bên. Người là Đấng trung gian, nghĩa là Người thuộc về cả hai bên cần được hiệp nhất : trong con người nhân bản của Người, Thiên Chúa đã thực sự gặp gỡ con người, một sự hòa giải đầu tiên đã được hoàn thành. Đây là lý do tại sao Chúa Giêsu có thể vừa là Thiên Chúa đối với con người vừa là con người đối với Thiên Chúa. Trong Người, có sự «trao đổi kỳ diệu» giữa Thiên Chúa và con người, một sự trao đổi làm cho truyền thông sự sống giữa Ba Ngôi và toàn thể nhân loại trở nên khả thi.

Thư gửi tín hữu Do Thái sử dụng một từ vựng khác để diễn tả sự trung gian của Đức Kitô : thư này chỉ định Người là vị tư tế thượng phẩm duy nhất, là tư tế đòi đòi (Dt 7.24). Linh mục là người được thiết lập giữa Thiên Chúa và loài người, để dâng lên Thiên Chúa những hy lễ của loài người, và thông ban cho loài người những ân huệ của Thiên Chúa (Dt 5.1). Nhưng các tư tế và lễ vật của Lễ Luật Cũ không có khả năng thực hiện được sự hoàn thành của nó (Dt 9.9) một sự hòa giải dứt khoát với Thiên Chúa. Ngược lại, Đức Kitô là «vị thượng tế duy nhất của những điều tốt đẹp sẽ đến» (Dt 9.11) và bằng chính huyết mình, Người đã «mang đến cho chúng ta ơn cứu chuộc vĩnh viễn» (Dt 9.12). Bây giờ không còn có linh mục theo nghĩa Đức Kitô đã và đang hiện hữu nữa. Những người được gọi là linh mục trong Giáo hội không phải là người trung gian mà là thừa tác viên của Đấng trung gian, thừa tác viên của sự trung gian duy nhất của Đức Kitô. Chúng ta đã thấy điều này liên quan đến bí tích hòa giải.

Việc khẳng định đấng trung gian duy nhất đòi hỏi phải hiểu rõ về danh hiệu đôi khi được trao cho Đức Maria là «người trung gian». Trong thông điệp gần đây về Đức Trinh Nữ Maria ²⁹, Đức Gioan Phaolô II đã phát triển

²⁹ Gioan Phaolô II, Thông điệp : Mẹ Đấng Cứu Thế, trình bày của Cha Yves Congar, o.p., Cerf, 1987.

chủ đề về «sự trung gian của người mẹ». Nhưng ngài chỉ rõ rằng sự trung gian này xuất phát như một món quà từ nguồn duy nhất là sự trung gian của Con Mẹ ; nó xuất phát từ thực tế rằng Đức Trinh Nữ gắn liền với sự cứu chuộc vì Mẹ là người mẹ thiêng liêng ; sự trung gian của Mẹ là sự tham gia phụ thuộc vào sự trung gian của Đức Kitô ; nó được thực hiện theo cách của người mẹ, nghĩa là, như ở Cana, bằng sự chuyển cầu.

22.2. Hai chuyển động của sự trung gian Đức Kitô

Hòa giải luôn diễn ra theo hai hướng. Đối với Đức Kitô, sự trung gian của Người diễn ra theo chuyển động đi từ Thiên Chúa đến chúng ta và theo chuyển động đi từ chúng ta đến Thiên Chúa.

Chúng ta hãy gọi chuyển động đầu tiên là *đi xuống*, được truyền cảm hứng từ ngôn ngữ Kinh thánh nói với chúng ta rằng Đức Kitô «đã hạ mình xuống và vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, thậm chí chết trên cây thập tự» (Pl 2.8). Theo chuyển động này, «Thiên Chúa yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, để ai tin vào Con của Ngài thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời» (Ga 3.16). Vì Người là Con của

Thiên Chúa, nên Chúa Giêsu đã thực hiện hồng ân của Thiên Chúa ban cho loài người mà không cần đáp lại. Người là Thiên Chúa ở cùng chúng ta, là Emmanuel, là Đấng Thiên Chúa ban tặng, là Đấng phải chiến thắng tội lỗi của con người, nghĩa là sự từ chối của con người, và hoàn thành sứ mệnh giải thoát cho đến chết. Trong Chúa Giêsu, Thiên Chúa yêu thương con người đến mức chết. Để ban cho chúng ta *sự sống*, Người đã hiến dâng *chính mạng sống* của mình.

Chúng ta hãy gọi phần thứ hai là phần *hướng lên*, vì nó thể hiện sự trở về của con người với Thiên Chúa. Vì Chúa Giêsu thực sự là con người, nên Người đã thực hiện lời dâng hiến và đáp lại của con người đối với Thiên Chúa. Sự chấp nhận hồng ân Thiên Chúa của con người chỉ có thể bao gồm việc con người dâng hiến cho Thiên Chúa. Vì thế, Thiên Chúa đã tạo ra Adam để hiến dâng chính mình cho ông. Nhưng vì lòng kiêu hãnh và ích kỷ, Adam đã từ chối hiến dâng chính mình và dâng hiến bản thân mình cho Thiên Chúa. Điều mà Adam, tức là nhân loại ngay từ thuở ban đầu, đã từ chối thực hiện, thì Đức Kitô, Adam mới, đã hoàn thành trong cuộc sống yêu thương và vâng phục của Người, được ghi dấu trong máu nhiệm vượt qua. Theo chuyển động này, con người yêu thương Thiên Chúa đến mức chết đi. Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng: «Hãy sống trong tình

yêu thương, như Đức Kitô đã yêu thương chúng ta và đã phó mình cho Thiên Chúa vì chúng ta, làm của lễ và làm hy lễ thơm tho» (Ep 5.2). Bởi vì chuyển động này, qua đó Đức Kitô đau đớn kéo chúng ta ra khỏi tội lỗi, khởi đầu và làm cho chuyển động toàn thể nhân loại dâng hiến cho Thiên Chúa và tìm kiếm sự hiệp thông với Ngài trở nên khả thi, khi thân thể hướng về đầu của mình. Và trong Đức Kitô, Thiên Chúa đã nâng con người lên với chính Ngài : đó là một con người, là Đấng đã phục sinh, hiện đang ngự bên phải Thiên Chúa.

22.3. Chúa Giêsu thực hiện cả hai mặt của sự hòa giải

Chúa Giêsu là Đấng trung gian thực sự hoàn thành cả hai mặt của sự hòa giải giữa Thiên Chúa và loài người. Vì thế, Người phải thực hiện nhiều hơn bước đầu tiên. Một mặt, Người thực hiện sự «hoán cải» của Thiên Chúa đối với con người mà Ngài đã tạo nên bằng tình yêu, nhưng tội lỗi đã khiến con người xa cách Ngài. Người đến tìm kiếm con người. Nhưng về phần mình, con người không có khả năng trải nghiệm sự «trở về» đích thực với Thiên Chúa, một sự hoán cải mở ra cho sự tha thứ và hòa giải. Vì vậy, chính Chúa Giêsu đã đến để hoàn thành cuộc hành trình của con người hướng về

Thiên Chúa. Người hoàn thành sứ mệnh của mình bằng cách sống trong sự vâng phục, công bằng và tình yêu.

23. Đức Kitô Đấng cứu chuộc

Do đó, sự trung gian của Đức Kitô được thực hiện theo hai chuyển động. Bây giờ chúng ta phải tập hợp vốn từ vựng phong phú mà Kinh thánh sử dụng để diễn tả sự cứu rỗi và sự hòa giải của chúng ta với Thiên Chúa, sắp xếp chúng theo từng chuyển động này. Chúng ta hãy bắt đầu với sự trung gian hướng xuống nằm ở nguồn gốc của mọi thứ : ở đây chúng ta gặp thuật ngữ cứu chuộc nổi tiếng, chắc chắn là thuật ngữ phổ biến nhất và có nghĩa là giải thoát nhưng cũng là cứu chuộc hoặc mua chuộc.

23.1. Sự cứu chuộc trong Kinh Thánh

Trong Cựu Ước, Thiên Chúa thường được gọi là Đấng cứu chuộc dân Người, vì Người đã đưa họ ra khỏi tình trạng nô lệ mà họ phải chịu dưới sự cai trị của người Ai Cập. Giải phóng dân tộc mình, mang lại cho họ tự do và sự cứu rỗi, theo một cách nào đó chính là «mua» họ, chiếm hữu họ, biến họ thành của riêng mình, là nhận họ làm con nuôi và giao ước với họ. Thiên Chúa giải thoát dân Ngài «bằng bàn tay mạnh mẽ và cánh tay giơ ra» (Gr 32.21) : Ngài không ngần ngại trả giá.

Cũng bằng từ vựng này mà Tân Ước đọc được mầu nhiệm về cái chết và sự phục sinh của Đức Kitô đã được hoàn thành «vì chúng ta» (Rm 5.8 ; Ep 5.2), «vì tội lỗi chúng ta» (1 Cr 15.3). Chúng ta hãy đọc một số văn bản : - Thánh Phaolô nói rằng Đức Kitô Giêsu đã trở thành «sự công chính, sự thánh hóa và sự cứu chuộc» cho chúng ta (1 Cr 1.30). - «Trong Người, nhờ máu Người, chúng ta được cứu chuộc» (Ep 1.7). «Chúc tụng Chúa, Thiên Chúa của Do Thái, Zacharie hát, vì Ngài đã viếng thăm dân Ngài và hoàn thành công cuộc cứu chuộc họ» (Lc 1.68). Thư gửi tín hữu Do Thái dạy chúng ta rằng Đức Kitô đã giành được cho chúng ta «một sự cứu chuộc vĩnh viễn» (Dt 9.12).

Các thuật ngữ tiếng Hy Lạp có nghĩa là mua cũng được sử dụng : - «Anh em đã được mua bằng một giá» lời Phao-lô viết cho người Cô-rin-tô (1 Cr 6.20). - «Anh em là dân riêng của Thiên Chúa» thánh Phêrô tuyên bố (1 Pr 2.9), trích dẫn một đoạn văn trong Cựu Ước. - «Hãy chấn dất Hội thánh của Thiên Chúa, Phao-lô nói với các trưởng lão ở Ê-phê-sô, «mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình» (Cv 20.28). Sau cùng, ẩn dụ về sự cứu chuộc còn đi xa hơn khi sử dụng thuật ngữ «tiền chuộc», một thuật ngữ gợi lên sự ghê tởm ngày nay ; công thức của Tin Mừng rất nổi tiếng : «Con Người đến không phải để được phục vụ, nhưng là để phục vụ và

hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người» (Mc 10.45 ; Mt 20.28).

Như vậy, Chúa Giêsu giải thoát chúng ta, Người hoàn tất công cuộc cứu chuộc chúng ta, nghĩa là cứu chuộc cuộc sống chúng ta vốn đã trở thành nô lệ. Vì điều này, Người phải trả giá bằng chính mạng sống của mình bằng cách hiến dâng nó làm vật chuộc. Toàn bộ danh sách hình ảnh và ẩn dụ này cần phải được hiểu rõ.

23.2. Sự cứu chuộc : Một chiến thắng

Chúng ta đã quên quá nhiều rằng chủ đề cứu chuộc đầy kịch tính này trước hết và quan trọng nhất là thể hiện một chiến thắng. Khi vào thế gian này, Đức Kitô đã đến để chiến đấu một trận chiến quyết định chống lại tội lỗi và hậu quả của nó, là cái chết, và chống lại kẻ là nguồn gốc và biểu tượng của tội lỗi, là ma quỷ, là Kẻ thù. Cuộc chiến này được tiến hành chống lại người mạnh đã chiếm đoạt ngôi nhà một cách bất công, nhưng lại gặp phải một người mạnh hơn mình (Lc 11.22). Điều này được minh họa bằng sự căm dỗ của Chúa Giêsu trong sa mạc, nơi Người đã đánh bại Ma quỷ ba lần. Nhưng cuộc chiến quyết định chỉ bị hoãn lại : nó sẽ được thực hiện trong cuộc chiến đau khổ và thương khó

của Chúa Giêsu và sẽ dẫn đến chiến thắng vinh quang của sự phục sinh. Bây giờ Kẻ thù, tội lỗi và sự chết là dấu hiệu của nó, đã bị đánh bại trong sự biểu hiện chiến thắng của sự sống. Đây là lý do tại sao Sách Khải Huyền ca ngợi trong các công thức phụng vụ «sự tử của chi tộc Giu-đa đã chiến thắng», người đã nhận được vương miện và «đã chiến thắng» (Kh 5.5 và 6.2). Phao-lô so sánh công trình của Đấng Kitô với sự chiến thắng của vị tướng chiến thắng, kéo kẻ thù của mình trong xiềng xích trong cuộc diễu hành của mình: «Người đã tước bỏ các quyền bính và các thế lực, Người đã công khai bêu xấu chúng, Người đã kéo chúng trong cuộc diễu hành chiến thắng trên thập tự giá» (Cl 2.15). Về phần chúng ta, chúng ta luôn luôn được cất lên «trong sự chiến thắng của Người» (2 Cr 2.14). Vâng, Chúa Giêsu thực sự đã «chiến thắng thế gian» (Ga 16.33). Về điểm này, chúng ta sẽ sai lầm nếu không chiến thắng.

23.3. Một khoản tiền chuộc không được trả cho bất kỳ ai

Chiến thắng này phải trả giá bằng một cuộc chiến đẫm máu. Chúa Giêsu đã trả giá bằng chính mạng sống của mình. Do đó, sự cứu chuộc có tính chất nặng nề, vì cần phải vượt qua toàn bộ chiều sâu tội lỗi của con người,

cần phải hòa giải với kẻ thù của Thiên Chúa. Điều này có nghĩa là giá mạng sống hoặc huyết của Đức Kitô đã được trả cho ai đó, trong một giao dịch thương mại nào đó không ? Chúa Giêsu không nói về tiền chuộc sao ? Với câu hỏi này phải kiên quyết trả lời : không. Chúng ta đừng quên rằng đây là phép ẩn dụ và mọi phép ẩn dụ đều có sai sót ở một khía cạnh nào đó. Do đó, chúng ta không nên mở rộng phép ẩn dụ đến mức mà Tân Ước không còn sử dụng nữa. Không có chỗ nào nói rằng tiền chuộc đã được trả cho bất kỳ ai. Tuy nhiên, sự thật vẫn là sự cứu chuộc chúng ta «phải trả giá đắt», rằng Chúa Giêsu «đã trả giá», rằng Người thậm chí «đã trả bằng chính con người của mình». Chúng ta đều sử dụng ngôn ngữ như vậy mà không nghĩ đến giao dịch kinh doanh. Những cụm từ này diễn tả rằng có điều gì đó đặc biệt gần gũi với trái tim chúng ta, rằng ai đó rất thân thương với chúng ta và rằng vì họ, chúng ta sẵn sàng đi đến cùng. Những câu nói về tiền chuộc hoặc giá máu nhắc nhở chúng ta rằng Chúa Giêsu đã yêu thương chúng ta đến cùng và không có bằng chứng nào lớn hơn về tình yêu thương là hiến dâng mạng sống mình vì những người mình yêu (Ga 15.13).

Đúng là trong lịch sử thần học, câu hỏi này đã được đặt ra. Vì vậy, chúng ta dễ dàng gán cho một số Giáo phụ ý tưởng rằng tiền chuộc đã được trả cho quỷ dữ.

Có lẽ họ đã tiến bước một cách liêu lĩnh trên con đường có phần huyền thoại này. Nhưng họ coi đây chỉ là cái cớ, vì con quỷ bất công rõ ràng không có quyền gì đối với Đức Kitô, nó không nhận được mạng sống của Đức Kitô như chiến lợi phẩm, mà đúng hơn, nó đã thất vọng và bị đánh bại ngay tại thời điểm chiến thắng giả tạo của nó. Ý tưởng thực sự ẩn sau hình ảnh này một mặt là chiến thắng của Đức Kitô, Đấng đã đuổi quỷ khỏi đế chế của hắn trên loài người, và mặt khác là công lý được ban cho con người, vì kẻ đã bị đánh bại lúc ban đầu, giờ đây đã trở thành người chiến thắng kẻ thù của mình. Nhờ Chúa Giêsu, con người đã đạt được sự báo thù : Người là Đấng giết chết tội lỗi và đưa con người ra khỏi cái chết, như Thánh Irénée ³⁰ đã nhấn mạnh.

Cũng không nên nói rằng tiền chuộc đã được trả cho Chúa Cha, với ý tưởng rằng cái chết của Chúa Giêsu Đấng công chính sẽ phải trả giá cho tội lỗi của kẻ bất chính. Liệu chúng ta có nhận ra được hình ảnh Thiên Chúa mà chúng ta đang đề xuất khi đi theo con đường như vậy không ? Của một kẻ bắt cóc con tin hay một bạo chúa muốn máu chảy và trả thù nạn nhân vô tội ? Không, Chúa Cha không nhận bất cứ tiền chuộc nào ; trên thập giá, chính chúng ta là những người mà Ngài đã đón nhận, qua hành động cứu chuộc của Con Ngài.

30 Irénée, tác phẩm đã dẫn, III, 18-7, tr. 367.

Ngài không tùy tiện muốn mình chết, Ngài cho phép điều đó xảy ra bằng cách sai Người duy nhất và yêu dấu của Ngài đến với loài người, để cứu họ và hòa giải họ, bất kể điều đó có thể phải trả giá như thế nào. Làm sao Chúa Cha có thể không chịu đau khổ trước tiên vì chính Con mình ?

24. Chúa Giêsu Đấng giải phóng

Kinh thánh cũng nói với chúng ta về sự cứu rỗi dưới góc độ giải thoát. Từ vựng này rất gần với từ trước, gần đến nỗi một số bản dịch Tân Ước, theo tôi là sai, đã dịch tất cả các từ có nghĩa là cứu chuộc, mua, cứu chuộc, thành tự do, giải thoát, với nguy cơ mất đi những ý nghĩa hài hòa quý giá. Đúng là sự cứu chuộc nhấn mạnh nhiều hơn vào bản chất khó khăn của sự cứu rỗi, và sự giải thoát nhấn mạnh nhiều hơn vào kết quả hạnh phúc của nó. Nhưng chúng ta quên rằng đối với những người đương thời với Tân Ước, giải phóng trước hết gọi lên sự giải phóng nô lệ.

Ngày nay, từ giải phóng có ý nghĩa rất lớn với chúng ta. Có rất nhiều cuộc thảo luận về sự giải phóng số nhiều trong xã hội của chúng ta. Do đó, sử dụng từ vựng này là điều tốt : «Sự cứu chuộc», nhà thần học người Đức Walter Kasper viết, «có thể được hiểu là sự giải phóng». ³¹

31 W. KASPER, Chúa Giêsu Kitô, Cerf, 1976, tr. 308.

24.1. Nô lệ và Giải phóng trong Tân Ước

Trước tiên chúng ta hãy thu thập những công thức quan trọng của Tân Ước về sự giải phóng. Thánh Phaolô không ngần ngại, bắt đầu từ hình ảnh giải phóng người nô lệ, để nói về ơn cứu độ của chúng ta như một sự thay đổi chế độ nô lệ : «Được giải thoát khỏi tội lỗi, anh em đã trở thành nô lệ của công lý. Tôi dùng lời lẽ của con người, thích hợp với sự yếu đuối của anh em» (Rm 6.18). Hoặc một lần nữa : «Bây giờ, anh em đã được giải thoát khỏi tội lỗi, trở thành nô lệ của Thiên Chúa» (Rm 8.22). Nhưng tình trạng nô lệ mới này thực ra là một trạng thái tự do : «Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta» (Gl 5.1). «Anh em thân mến, anh em đã được gọi đến với sự tự do» (Gl 5.13).

Tương tự như vậy, khi nói đến những người có địa vị nô lệ trong xã hội, ông nói : «Người nô lệ được Thiên Chúa mời gọi là người được Thiên Chúa giải phóng. Tương tự như vậy, người được mời gọi tự do là nô lệ của Đức Kitô» (1 Cr 7.22). Do đó, đức tin có tác động giải phóng đối với chính địa vị nô lệ.

Chủ đề tự do cũng rất quan trọng trong Tin Mừng theo Thánh Gioan : «Nếu các ông ở lại trong lời của tôi,

thì các ông thật là môn đệ tôi ; các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông» (Ga 8.32). «Vây, nếu người Con có giải phóng các ông, thì các ông mới thực sự là những người tự do» (Ga 8.36).

24.2. Sự giải phóng tự do của chúng ta

Sự tự do của người Kitô hữu không chỉ đơn thuần là quyền lựa chọn, mà chúng ta có thể gọi là ý chí tự do ; tự do của người Kitô hữu là thái độ yêu thương và bác ái không bị cản trở bởi bất cứ điều gì. Ví dụ điển hình nhất của sự tự do này chính là Đức Kitô : không ai có thể tự do hơn Người, khi Người giữ trọn vẹn cuộc đời mình theo trực sứ mệnh phục vụ và yêu thương, chân lý và công lý. Theo gương của Người, các vị thánh vĩ đại trở thành những người tự do, nghĩa là những người không bao giờ để mình bị chi phối bởi những đam mê không kiểm soát, bởi những tình huống bất ngờ hoặc áp lực bên ngoài. Sự tự do trong tình yêu và công lý này là định hướng đúng đắn của tất cả chúng ta hướng tới Thiên Chúa thông qua việc phục vụ người khác. Nhưng hóa ra sự tự do này, sự tự do theo Tin Mừng, chúng ta đã đánh mất vì tội lỗi. Bản thể của chúng ta bị mất phương hướng, là nạn nhân của những cám dỗ dễ dàng, đôi khi đặt của cải vào các thần tượng. Chúng ta hy sinh

người khác vì lợi ích, thú vui và sự ích kỷ của bản thân. Như Thánh Phaolô đã nói khi nói về tình trạng của con người tội lỗi : «Tôi không hiểu điều tôi làm : (...) điều lành tôi muốn, tôi không làm, điều dữ tôi không muốn, tôi lại làm (...). Tôi vui thích vì lề luật của Thiên Chúa nơi con người bên trong, nhưng trong các chi thể của tôi, tôi khám phá ra một lề luật khác chống lại lề luật mà trí óc tôi chấp nhận ; nó làm cho tôi trở nên tù nhân của luật tội lỗi đang ở trong các chi thể của tôi» (Rm 7.15 ; 19 ; 23).

Bây giờ, sự tự do của Đức Kitô, khi đi đến cùng chống lại mọi cám dỗ và mọi áp bức, đã giải phóng triệt để sự tự do của chúng ta, nghĩa là, nó trao cho chúng ta sức mạnh để biến đổi sự rối loạn nội tâm này và định hướng lại toàn bộ con người chúng ta hướng về Thiên Chúa và tha nhân. Đây chính là điều chúng ta gọi là ân sủng. Đó là hồng ân giải thoát. Đối với Irénée thành Lyon, khi Chúa Giêsu tự do chống lại những cám dỗ của ma quỷ, Người đã đảo ngược tình huống ban đầu khi con người đã đầu hàng trước cám dỗ. Người giải thoát sự tự do bị giam cầm của những người sau, bằng cả tấm gương của mình và sức mạnh vốn có của Người ³².

32 IRENAEUS, tác phẩm. trích dẫn, V, 21, 3, tr. 633.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ. Khi Cha Maximilian Kolbe đề nghị thế mạng một người cha gia đình trong hầm giam đói khổ, ông hành động như một người đàn ông vô cùng tự do. Nó minh họa một cách tuyệt vời những gì tôi đã nói : tự do là lòng bác ái. Sẽ là bình thường nếu viên sĩ quan SS, người đã quyết định về vụ thảm sát này, trong một lý lẽ xấu xa, từ chối sự thay thế. Sự đòi truy trong hành động mà anh ta đang thực hiện chỉ có thể khiến anh ta thờ ơ với sự việc này, đó là một hình thức phản kháng. Tốt hơn nữa, đề xuất này có nguy cơ khơi dậy bản tính tàn ác đặc biệt có thể nảy sinh từ ý tưởng giết chết một người cha có sáu đứa con một cách tùy tiện. Nhưng SS đã chấp nhận : đây là chiến thắng đầu tiên của Cha Kolbe. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, người lính SS đã nhạy cảm với vẻ đẹp của cử chỉ yêu thương và anh ta tôn trọng điều đó. Một sự vi phạm đã xảy ra trong kế hoạch tử vong của anh ta. Sự tự do của ông đã trải qua một khoảnh khắc ân sủng và hoán cải. Có phải điều này cũng tương tự như lời làm chứng của viên đại đội trưởng dưới chân thập giá khi ông nói: «Người này thật là công chính» (Lc 23.47) không ? Cảnh tượng của Thập giá là một sức mạnh hoán cải.

24.3. «Giải phóng con người và Cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô ³³»

Ngày nay, chúng ta dễ dàng đặt ra câu hỏi : tại sao sự giải phóng do Đức Kitô mang lại dường như có tác động rất nhỏ đến đời sống kinh tế, xã hội và chính trị của các xã hội mà Kitô giáo đã và đang có ảnh hưởng lớn đến lịch sử ? Kitô giáo đã sản sinh ra nhiều vị thánh, nhưng dường như không thể tạo ra được những xã hội công bằng và tự do theo cách tương tự. Câu hỏi này có nguy cơ bị coi là không công bằng và quên đi mọi ảnh hưởng lịch sử của Kitô giáo đối với ý thức về giá trị, đạo đức, sự tôn trọng con người, xem xét quyền con người và các sáng kiến từ thiện đã chuẩn bị và hiện thực hóa những gì chúng ta gọi ngày nay là trật tự công lý. Giáo hội cũng có nguy cơ quên rằng Giáo hội được tạo thành từ những tội nhân đang trong quá trình được giải thoát và rằng Giáo hội đang đấu tranh với quyền lực của sự dữ cho đến tận thế. Nói như vậy, câu hỏi vẫn hợp lý, nếu chúng ta tham khảo đến một số tình huống chống đối tin mừng trong quá khứ và hiện tại. Sự cứu rỗi của Kitô giáo liên quan đến toàn thể con người trong mọi khía cạnh của cuộc sống, không chỉ riêng tư mà còn cả xã hội và công cộng : nó phải là men giải thoát

³³ Đây là tiêu đề của văn kiện của Hội đồng Thường trực Giám mục Pháp, Centurion, 1975.

khỏi mọi tình huống bất công. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng dấu chỉ mà Chúa Giêsu chỉ cho các sứ giả của Gioan Tẩy Giả để hợp thức hóa sứ mệnh của Người là «Tin Mừng được loan báo cho người nghèo» (Lc 7.22). Người Kitô hữu không thể yêu mến Thiên Chúa mà mình không nhìn thấy, nếu họ không yêu thương anh chị em mình mà họ thấy đang cần sự giúp đỡ (1 Ga 4.20). Đây chính là ý nghĩa của sự lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, của cuộc đấu tranh cho công lý, của sự chuyển đổi sâu sắc một số cấu trúc kinh tế, xã hội hoặc chính trị. Bởi vì Giáo hội được Đức Kitô giải phóng, có sứ mạng giải phóng thế giới. Tất cả những điểm này đều được nhắc lại rất rõ trong chỉ thị thứ hai của Bộ Giáo lý Đức tin về «Tự do và giải phóng Kitô giáo»³⁴, một văn bản nghiêm ngặt nhưng đáng để đọc kỹ.

Một điểm cuối cùng : trong lĩnh vực này chúng ta phải biết cách phân biệt mà không tách rời. Sự giải phóng về kinh tế, xã hội hay chính trị đều có tính nhất quán trong trật tự quan hệ của con người. Đó không phải là sự cứu rỗi của Kitô giáo, vốn luôn siêu việt. Tuy nhiên, chính trong lịch sử cụ thể của chúng ta, sự cứu rỗi, cứu chuộc và giải phóng của Kitô giáo đang diễn ra. Đây chính là nơi mà các Kitô hữu phải làm cho sự cứu rỗi trộn vện mà họ đã nhận được sinh hoa trái, trong đời

34 Tài liệu Kitô giáo, 1916, 1986, tr. 393-411.

sống công cộng cũng như đời sống riêng tư, trên thế giới cũng như trong Giáo hội. Đây là lý do tại sao mọi sự giải phóng của con người có thể được hiểu trong đức tin như một thành quả, chắc chắn là tạm thời, và như một dấu chỉ thực sự của sự giải phóng dứt khoát cho tất cả mọi người trong Chúa Giêsu Kitô.

25. Sự thần thánh hóa của chúng ta

Khi còn là một linh mục trẻ, tôi được cử đi làm tuyên úy tại nhà tù Fresnes trong một mùa hè. Một buổi sáng, tôi gặp một tù nhân trong bệnh xá và anh ta nói với tôi: - Tôi vừa đọc xong chương XVII của Phúc âm theo thánh Gioan. Và anh ta trích dẫn lời Chúa Giêsu với tôi: «Đề tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, để họ cũng ở trong chúng ta, để thế gian tin rằng Cha đã sai Con» (Ga 17.21). - Nếu tôi hiểu đúng, tù nhân nói tiếp, chúng ta sắp được tôn làm thần thánh sao ? Và tôi trả lời : - Anh hiểu rất rõ, đúng vậy, chúng ta sẽ được tôn sùng. Và anh ta tiếp tục : - Nhưng nó thật tuyệt vời. Tại sao cha không nói cho chúng tôi biết điều đó ? Tôi luôn coi lời chỉ trích đầy cảm thông này là lời kêu gọi công bố bí ẩn sâu xa nhất trong thân phận con người, đó là sự thần thánh hóa của chúng ta.

25.1. Khao khát của chúng ta đối với Thiên Chúa : một nhu cầu cấp thiết về sự cứu rỗi

Con người là một sinh vật, một thực thể hữu hạn. Về phương diện này có một khoảng cách không thể vượt qua giữa con người và Thiên Chúa, ít nhất là về phía mình. Nhưng Kinh Thánh cũng cho chúng ta biết

rằng con người được tạo dựng «theo hình ảnh và giống Thiên Chúa» (St 1.26) và như vậy, con người có một ơn gọi : đó là biết Thiên Chúa, nhìn thấy Ngài, và giao tiếp với chính cuộc sống của mình. Thánh Gioan nói với chúng ta rằng : «Chúng ta sẽ nên giống như Ngài, vì Ngài thế nào, chúng ta sẽ thấy Ngài như vậy» (1 Ga 3.2). Lặp lại sự mặc khải này về mẫu nhiệm con người trong kế hoạch của Thiên Chúa, Iténée đã đưa ra những lời nổi tiếng, thường được trích dẫn một nửa : «Vinh quang của Thiên Chúa là con người sống ; nhưng cuộc sống của con người là được nhìn thấy Thiên Chúa³⁵.» Và Augustin diễn đạt cùng một ý tưởng dưới hình thức một kinh nghiệm cá nhân : «Thiên Chúa đã dựng nên chúng con cho chính Chúa, và lòng chúng con luôn khắc khoải cho đến khi được nghỉ yên trong Chúa³⁶». Gần đây hơn, Công đồng Vatican II nói với chúng ta rằng : «Khía cạnh cao cả nhất của phẩm giá con người được tìm thấy trong ơn gọi của con người là hiệp thông với Thiên Chúa³⁷.

35 Irénée, tác phẩm trích dẫn, IV, 20, 7, tr. 474.

36 AUGUSTIN, Tự thú, I, 1; Kinh Thánh Ngày 13 tháng 8, DDB, 1962, tr. 273.

37 Gaudium et Spes, 29, 1.

Bạn có thể nghĩ rằng điều này rất tốt nhưng cũng rất xa vời. Không như vậy. Nếu chúng ta chú ý, chúng ta sẽ thấy rằng cùng một mong muốn chạy qua tất cả chúng ta : mong muốn tuyệt đối, mong muốn một cuộc sống không bao giờ kết thúc, mong muốn hạnh phúc mãi mãi, mong muốn tình yêu vĩnh cửu, giống như tình yêu giữa vợ chồng. Nhưng hạnh phúc của chúng ta rất mong manh và phù du, không thể khiến chúng ta thỏa mãn hoàn toàn. Có lúc chúng ta tin rằng khi đạt được điều mình mong muốn, chúng ta sẽ hoàn toàn hạnh phúc, nhưng khi mong muốn đó được thỏa mãn, chúng ta lại muốn thứ khác. Luôn nhiều hơn, một cuốn sách gần đây đã nói ³⁸. Sự vượt trội liên tục này của con người trong ham muốn của mình, các triết gia sẵn sàng gọi nó là «sự siêu việt». Sự siêu việt này là dấu hiệu trong trái tim chúng ta về sự khao khát một điều tuyệt đối, mà chúng ta, những người Kitô hữu, nói trong đức tin là một Thiên Chúa hữu hình, có khả năng giao tiếp với chúng ta để làm cho chúng ta hạnh phúc lâu dài. Thông thường, và đây chính là bi kịch của chúng ta, cơn khát này bị nhầm lẫn về đối tượng của nó và chúng ta đặt sự tuyệt đối của mình vào những thứ dễ hư nát mà chúng ta biến thành thần tượng. Điều này chỉ có thể dẫn đến sự thất vọng, nếu không muốn nói là tự hủy hoại : đó

38 François DE CLOSETS, Luôn nhiều hơn, Grasset, 1982.

chẳng phải cũng là lối thoát đến hạnh phúc mà những người nghiện rượu hoặc ma túy đang tìm kiếm hay sao? Nhưng hạnh phúc này lại là sự nô lệ.

Nghịch lý của hoàn cảnh này xuất phát từ thực tế là chúng ta không thể tự mình đạt được điều tốt đẹp duy nhất có thể khiến chúng ta hạnh phúc. Một người bị bỏ lại một mình, trong sự cô đơn, chỉ có thể trở nên bất hạnh. Chúng ta cần Thiên Chúa như chúng ta cần hơi thở : thiếu Thiên Chúa cũng giống như thiếu chính mình vậy. Nhưng chúng ta không thể có được Thiên Chúa. Tình yêu dành cho người khác không thể bị ra lệnh : nó được đón nhận một cách tự do. Vì vậy, ngoài tội lỗi, chúng ta vẫn cần sự cứu rỗi, cần được cứu bởi tình yêu của Thiên Chúa, Đấng ban sự sống cho chúng ta. Đây chính là điều mà tù nhân Fresne đã khám phá ra.

25.2. Chúng ta được nhận làm con nuôi

Vì vậy, thông điệp tuyệt vời xuyên suốt toàn bộ Kinh thánh là : chúng ta tồn tại bởi Thiên Chúa, Thiên Chúa quan tâm đến chúng ta, Ngài muốn giao tiếp với chúng ta. Thư thứ hai của thánh Phêrô nói với chúng ta rằng chúng ta phải «thông phần vào bản tính thiêng liêng» (2 Pr 1.4). Thông điệp này sử dụng ngôn ngữ của tình

cảm sâu sắc nhất của con người : một người chồng ghen tuông, một người cha muốn nhận nuôi nhiều đứa con. Thánh Phaolô nói rằng, «anh em đã không lãnh nhận một tinh thần khiến anh em trở thành nô lệ, (...) nhưng là một Thánh Thần làm cho anh em trở nên con cái nhờ nghĩa tử và nhờ đó chúng ta được kêu lên : Abba, Cha» (Rm 8.15 ; Rm 8,23 ; Gl 4,5). «Abba», nghĩa là «cha». Và Thánh Gioan lặp lại lời ngài khi nói : «Hãy xem Chúa Cha đã yêu thương chúng ta biết bao, đến nỗi chúng ta được gọi là con Thiên Chúa ; và chúng ta thực sự là con Thiên Chúa !» (1 Ga 3.1).

Việc nhận con nuôi là sự cấy ghép gia đình : một bên là cha mẹ muốn truyền lại toàn bộ sức sống của cuộc đời mình ; mặt khác, một đứa trẻ bị ném vào cuộc sống mà không có gia đình, không chỉ cần sự chăm sóc và giáo dục, mà còn cần sự dịu dàng, để có thể gọi cha và mẹ và trở thành một người con, tức là người thừa kế của nhân loại, theo nghĩa sâu sắc nhất của từ này. Nhưng liệu phương pháp nhận con nuôi trong gia đình có thành công không ? Trong thời kỳ thanh thiếu niên, nhiều điều khó khăn sẽ xảy ra. Liệu người trẻ có chấp thuận, phê chuẩn, nói đồng ý với những gì mình đã nhận được hay sẽ cảm thấy bị từ chối ? So với đứa con cùng huyết thống, cậu bé có lợi thế hơn vì chính cậu, như cậu vốn có, được cha mẹ nuôi lựa chọn. Nhưng anh ta cũng có

một khuyết điểm, vì anh ta không trải nghiệm được sự vô điều kiện ban đầu kết nối đưa con huyết thống với cha mẹ mình, vượt qua mọi xung đột có thể xảy ra. Đến lượt mình, anh ta phải tự do lựa chọn cha mẹ cho mình. Sự tự do của anh ta đang bị đe dọa : một cuộc «ly hôn» có thể xảy ra, giống như cuộc ly hôn giữa vợ chồng.

Đây cũng là tình huống của chúng ta với Thiên Chúa. Ngài không thể làm chúng ta hạnh phúc nếu không có chúng ta hoặc bắt chấp chúng ta. Chúng ta có muốn tự do chấp nhận sự lựa chọn mà Thiên Chúa đã thực hiện nơi chúng ta, «sự tuyển chọn» của chúng ta, như Thánh Phaolô nói, để trở thành «con nuôi nhờ Đức Giêsu Kitô, (...) để ngợi khen vinh quang của Ngài.» (Ep 1, 5-6) không ?

25.3. Thần thánh hóa và nhân bản hóa

Chủ đề thần thánh hóa con người đôi khi bị chỉ trích ngày nay : một số người cáo buộc nó có ý định tách con người ra khỏi chính mình, xa lánh con người khỏi tình trạng của chính mình và đề xuất một sự phóng chiếu ảo tưởng, như thể con người muốn trốn thoát khỏi thực tế khắc nghiệt của số phận mình. Chủ đề thần thánh hóa trái ngược với chủ đề nhân tính hóa. Nhưng theo

quan điểm của người Kitô hữu, đây là một giải pháp sai lầm. «Hiểu một cách đúng đắn, “thần hóa” làm cho con người trở thành con người hoàn hảo : thần hóa là “nhân tính hóa” thực sự và tối cao của con người ³⁹». Nhân tính hóa và thần hóa cùng phát triển. Chúa Giêsu là ví dụ nổi bật nhất. Không ai có thể được tôn sùng như Đấng là Con vĩnh cửu của Chúa Cha. Nhưng không ai con người hơn, «nhân văn hơn», tự do hơn Người. Sự thần thánh hóa của chúng ta chính là sự giải thoát đích thực cho nhân loại.

39 Ủy ban Thần học Quốc tế, «Thần học, Kitô học, Nhân học», Tài liệu Kitô giáo, 1844, 1983, tr. 123.

26. Đức Kitô, sự công chính của Thiên Chúa

Sự cứu rỗi và sự hòa giải của chúng ta với Thiên Chúa là sự cứu chuộc, sự giải thoát, sự thần thánh hóa, tất cả đều đạt được thông qua sự trung gian độc nhất của Đức Kitô. Thuật ngữ Kinh Thánh cuối cùng cần xem xét là sự công chính của Thiên Chúa. Ý tôi ở đây không phải là công chính dành cho Thiên Chúa, mà là công lý do Thiên Chúa thực hiện, tức là công chính *làm nên công chính* của Ngài. Đây là lý do tại sao tôi nói về điều này theo sự chuyển động đi xuống của sự trung gian của Chúa Giêsu, Đức Kitô, Đấng đã trở nên sự công chính cho chúng ta «đến từ Thiên Chúa» (1 Cr 1.30).

26.1. Công lý của Thiên Chúa là gì?

Với chúng ta, khái niệm công lý gợi lên sự cân bằng giữa hai mặt của cán cân, sự tương đương giữa những gì chúng ta cho đi và những gì chúng ta nhận được, sự bình đẳng về quyền lợi. Tất cả điều này đều đúng, ngay cả khi chúng ta lưu ý đến những khó khăn của xã hội và nhà nước trong việc tổ chức và thực thi công lý.

Theo Kinh thánh, công lý còn đi xa hơn vô tận. Tôi lấy cảm hứng ở đây từ những suy tư của Cha Jacques Guillet : «Đối với Kinh thánh, ông nói, công lý không

phải là trả cho ai đó những gì bạn nợ họ, mà là trả cho họ những gì họ thực sự cần để tồn tại và là chính mình. Công lý được định nghĩa là một mối quan hệ cá nhân: công bằng là trao cho ‘người khác’, ‘cho người thân cận’ sự tồn tại cá nhân. (...) Từ đó nảy sinh ra đối với Kinh thánh, trường hợp điển hình của quyền là trường hợp của người nghèo, nghĩa là của người không thể mang lại gì ngoài bản thân và sự khốn khổ của mình. Để thực thi công lý cho người nghèo, cho người không có gì, đây là nơi công lý được xác minh ⁴⁰.» Theo quan điểm này, công lý của Thiên Chúa, không phải là cơn thịnh nộ của Ngài, thất vọng vì sự quan tâm yêu thương của Ngài đối với tạo vật của Ngài, theo lời của Cha St. Lyonnet, «không phải là công lý phân phối tương thưởng cho các việc làm, mà là công lý cứu độ (...) hoàn thành những lời hứa nhờ ân sủng ⁴¹» (ghi chú TOB về Rm 1.17). Hoặc theo lời Cha Guillet :

Công lý của Thiên Chúa là sự hào phóng, tự do và thuần khiết (...). Đó không phải là sự thỏa mãn dành cho công đức (...). Công lý của Thiên Chúa là sự chú ý đến quyền sâu xa nhất, đến nỗi khao khát được tồn tại

40 Jacques GUILLET, «Tìm kiếm công lý», trong Văn hóa và Đức tin, phụ lục 1976 (Mélanges Ganne), tr. 14.

41 Bản dịch đại kết của Kinh thánh (TOB), Tân Ước, tr. 452, ghi chú w Rm 1.17.

và được công nhận, điều tạo nên trái tim con người ⁴².

Chỉ có Thiên Chúa mới có thể nói với chúng ta qua Chúa Giêsu Kitô : «Người là người công chính» và «con người chỉ có thể nghe lời này bằng đức tin ⁴³».

Thánh Phaolô trong Thư gửi tín hữu Rôma đã chủ đề hóa khía cạnh này của mẫu nhiệm cứu độ nhiều nhất. Bản thân ông đã trải nghiệm sự chuyển đổi từ công lý ảo tưởng và được cho là công lý, «điều nằm trong lề luật» (Pl 3.6), sang công lý đích thực của Thiên Chúa, điều mà người ta nhận được từ ân sủng của Ngài, trong đức tin. Vì công lý không phải là mục tiêu chinh phục cá nhân mà là mối quan hệ giữa hai người ; chỉ có người khác mới có thể nói với chúng ta : bạn là người công chính. Chỉ có lời hiệu quả của Chúa Giêsu mới có thể thực sự cho chúng ta biết : bạn là người công chính. Chỉ có Đấng Khác là Chúa Giêsu Kitô mới có thể khiến chúng ta nghe được lời mà chúng ta đang chờ đợi ⁴⁴.

Công lý cũng giống như sự hòa giải và tình yêu : cần có cả hai. Đây là lý do tại sao Phao-lô có thể tuyên bố :

công chính của Thiên Chúa bởi đức tin nơi Chúa

42 J. GUILLET, trích dẫn, trang. 16.

43 Ibid., tr. 17.

44 Ibid., tr. 16-17.

Giêsu Kitô cho mọi người tin, vì không có sự phân biệt nào ; mọi người đều đã phạm tội và thiếu mất sự vinh hiển của Thiên Chúa, nhưng được nên công chính nhưng không bởi ân điển của Ngài, qua sự cứu chuộc đã được thực hiện trong Chúa Giêsu Kitô (Rm 3.22-24).

Vì «Chúa Giêsu, Chúa chúng ta, đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta và đã sống lại để chúng ta được nên công chính. Vậy nên, được nên công chính bởi đức tin, chúng ta được hòa thuận với Thiên Chúa qua Chúa Giêsu Kitô chúng ta» (Rm 4.25 - 5.1).

26.2. Nên công chính bởi ân điển qua đức tin : một giáo lý Kitô giáo

Học thuyết gây sốc và nghịch lý này đã là chủ đề của nhiều cuộc tranh luận trong truyền thống Kitô giáo. Vào đầu thế kỷ thứ 5, Pelagius, một tu sĩ làm linh hướng ở Rô-ma, tuyên bố rằng con người được tạo ra trong sự tự do, có khả năng tự mình đạt được sự cứu rỗi. Đối với ông, con người phải tránh xa mọi tội lỗi. Một quan điểm như vậy phớt lờ tình trạng tội lỗi mà nhân loại đang mắc phải và làm tổn thương và mất phương hướng cho tự do của nhân loại, đến mức khiến chúng ta trải nghiệm sự mâu thuẫn mà Thánh Phaolô đã diễn tả (Rm 7). Do đó,

học thuyết của Pelagius đã giảm vai trò của Đức Kitô xuống thành một tấm gương đơn giản để noi theo. Đối với Augustin, Pelagius hủy bỏ mọi lợi ích của sự cứu chuộc. Nó loại bỏ mọi hành động của người hòa giải. Augustin, người đã có một kinh nghiệm đau đớn về tội lỗi, biết rằng ông không chỉ có thể được chữa lành và nên công chính bởi ân điển của Chúa. Sự hoán cải của ông chính xác là trải nghiệm đảo ngược sự yếu đuối của ông như một con người tội lỗi, bị xiềng xích bởi những thói quen, thành sức mạnh đến từ Thiên Chúa, mang lại cho ông sự tự do và cho phép ông tìm thấy hạnh phúc và niềm vui trong việc làm điều thiện. Đây chính là lý do tại sao Augustin được gọi một cách chính đáng là «tiên sĩ ân sủng», thậm chí đến mức, trong những tác phẩm cuối cùng của mình, ông còn đánh giá thấp vai trò thích hợp của sự đáp trả từ tự do của chúng ta.

Vào thế kỷ 16, cuộc tranh luận lại tiếp tục. Luther sống lại theo cách riêng của mình một phần trải nghiệm của Augustin. Ông nhận ra rằng chỉ có ân điển của Thiên Chúa mới có thể giải thoát ông khỏi tội lỗi và tuyên bố ông là người công chính. Ông phát hiện ra rằng Augustin đã giải thích những phát biểu của Phao-lô trong Thư gửi tín hữu Rô-ma giống như ông. Và ông tấn công Giáo hội Công giáo thời đó, theo ông, đã dạy cho ông một cảm giác sai lầm về chủ nghĩa khổ hạnh,

như thể nỗ lực của con người có thể giải thoát họ khỏi tội lỗi. Ông đối chiếu Tin Mừng về sự nên công chính bởi đức tin với việc thực hành các việc lành trong Giáo hội Công giáo, đặc biệt nghĩ đến các ân xá, nhưng cũng nghĩ đến cách xem xét các bí tích. Đối với ông, sự nên công chính bởi đức tin là điều quan trọng nhất trong tín điều, gần như là điều duy nhất, điều «làm cho Giáo hội tồn tại hoặc sụp đổ». Ngược lại, đối với ông, Công giáo dường như quay trở lại với chủ nghĩa Pelagian.

Nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng sự nên công chính bởi đức tin là một học thuyết của Luther : nó chỉ đơn giản là một học thuyết của Phao-lô và do đó là một học thuyết của Kitô giáo. Công đồng Trent đã đưa ra một lời giải thích đáng ngưỡng mộ về sự nên công chính ⁴⁵ với điệp khúc như sau : sáng kiến cứu rỗi của chúng ta chỉ đến từ Thiên Chúa ; điều này truyền đạt cho tất cả mọi người sự biện minh bằng cách tái sinh trong Đức Kitô khi chịu phép rửa tội, bí tích đức tin. Sự ưu tiên của ân sủng hơn vai trò của tự do được thực hiện theo cùng một cách trên bình diện lịch sử đối với tất cả mọi người và trên bình diện cá nhân đối với mỗi người. Từ A đến Z ân sủng bắt đầu, thực hiện miễn phí và kết thúc. Nhưng bản chất của ân sủng, thông qua sự

45 Công đồng Trent, Phiên họp VI, ngày 13 tháng 1 năm 1547, trong DUMEIGE, op. cit., số 554-582.

phát triển của con người theo thời gian, là giải phóng dần dần sự tự do của con người để nó có thể đáp ứng và hợp tác với nó. Phản ứng tự do là điều Thiên Chúa mong muốn, đơn giản vì điều đó có thể thực hiện được. Nguyên nhân hay mô hình công chính của chúng ta là công chính của chính Thiên Chúa - và ở đây Công đồng trích dẫn một lời của Augustin - «không phải công chính mà qua đó Người nên công chính, nhưng là công chính mà qua đó Người làm cho chúng ta nên công chính ⁴⁶».

Ngày nay, đối thoại đại kết đã có thể làm nổi bật sự hội tụ cơ bản trong học thuyết về sự công chính hóa bởi đức tin giữa Công giáo, Tin lành và Anh giáo. Chắc chắn hệ thống thần học là khác nhau ; không còn nghi ngờ gì nữa, học thuyết này cũng không chiếm cùng một vị trí giữa một số người và những người khác ; sau cùng, chắc chắn vẫn còn nhiều tranh cãi về kết quả của sự nên công chính của chúng ta và khả năng hợp tác với ân sủng của sự tự do được nên công chính của chúng ta. Nhưng điều này không được che giấu sự đồng lòng của chúng ta trong đức tin vào một Thiên Chúa là Đấng duy nhất cứu rỗi chúng ta, hòa giải chúng ta và biện minh cho chúng ta.

46 Ibid., n° 563.

27. Hy sinh của Đức Kitô

Tôi đã xem xét các thuật ngữ Kinh thánh chính diễn tả sự chuyển động hướng xuống trong vai trò trung gian của Chúa Giêsu. Bây giờ chúng ta phải tiếp cận bờ bên kia, bờ bên kia của sự trở về và tặng phẩm của con người cho Thiên Chúa, tức là sự chuyển động hướng lên trên. Chúng ta ngay lập tức bắt gặp từ hy sinh, một thuật ngữ đang gây ra sự bất an lan rộng trong lương tâm của người Kitô hữu ngày nay và là chủ đề của nhiều cuộc tranh luận trong những năm gần đây.

Theo lẽ thường, hy sinh là một hành động tổn kém, ví dụ như sự thiếu thốn. Ở cấp độ tôn giáo, sự hy sinh dường như đồng nghĩa với bạo lực : thần thánh đòi hỏi những nạn nhân thiêng liêng, sự hiến tế. Do đó, con người thực hiện những lễ tế nhằm kiểm soát bạo lực trong xã hội và được cho là để đạt được sự hòa giải với Thiên Chúa. Chính khái niệm về «giao ước hiến tế» truyền tải hình ảnh đen tối của Chúa Moloch. Chúng ta biết rằng René Girard đã lên tiếng phản đối điều này và đề xuất cách đọc Tin Mừng không mang tính hy sinh ⁴⁷.

47 René GIRARD, Bạo lực và sự thiêng liêng, Grasset, 1972; Những điều ẩn giấu kể từ khi hình thành thế giới, Grasset, 1978.

Nhưng tất cả những ý tưởng này đều không phù hợp với sự hy sinh của người Kitô hữu : nếu Kinh thánh lấy từ này từ truyền thống tôn giáo của nhân loại, thì đó là để chuyển đổi ý nghĩa của nó và nói lên điều gì đó hoàn toàn khác.

27.1. Sự hy sinh trong Kinh Thánh

Sách Lê-vi trong Cựu Ước đưa ra một loạt các quy định về việc dâng lễ vật. Đó có thể lễ vật là sản vật của đất đai hoặc là lễ hiến tế động vật, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng là nguồn gốc của mọi ân sủng và sự sống. Những lễ vật này thể hiện lòng tôn kính của con người đối với Thiên Chúa, đấng tối cao của muôn vật. Chúng là sự đền bù cho tội lỗi ; họ được lệnh phải thiết lập sự hiệp thông giữa con người và Thiên Chúa. Về bản chất, đó là lời cầu nguyện trong hành động ; và hành động này là biểu tượng bên ngoài của cảm xúc bên trong. Nhưng luôn có nguy cơ tách biệt bên ngoài và bên trong, vì món quà mà con người dành cho Thiên Chúa là sự thay thế mang tính biểu tượng cho khuynh hướng tôn giáo của chính mình. Do đó, sự hy sinh có thể trở thành cái cớ cho sự vâng phục của trái tim, một loại an ninh tôn giáo (giống như chúng ta có «An sinh xã hội» !), thậm chí là sự đạo đức giả, khi nó trái ngược

với một cuộc sống bất công. Chính vì sự hạ thấp này của việc thực hành tế lễ mà các tiên tri đã lên tiếng trong những cuộc tranh luận nổi tiếng : «Những lễ vật hy sinh của các người có nghĩa lý gì đối với Ta ? Chúa phán qua tiếng nói của tiên tri Isaia. Ta thỏa mãn với lễ toàn thiêu của chiên đực, với mỡ của bê béo ; Ta không vui thích với máu của bò đực, cừu non và dê (...). Hãy ngừng làm điều ác và học làm điều thiện» (Is 1.11, 16-17). Cuộc tranh luận chống lại sự làm sai lệch các lễ vật này lên đến đỉnh điểm trong công thức của Hôsê mà Chúa Giêsu sẽ tiếp tục : «Điều Ta muốn là tình yêu, chứ không phải lễ vật, điều Ta muốn là sự hiểu biết về Thiên Chúa hơn là của lễ toàn thiêu» (Hs 6,6, trích dẫn bởi Mt 9.13 ; Kn 15.22). Điều cốt yếu không phải là sự hy sinh, mà là cuộc sống vâng phục và yêu thương, thánh thiện và công bằng. Sự hy sinh đích thực là sự hy sinh của trái tim, được thể hiện qua cuộc sống, và Người Tôi Tớ đau khổ bí ẩn của Isaiah chính là biểu hiện của sự hy sinh đó. Tân Ước sẽ ghi lại lời ngôn sứ về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu ít nói về các lễ vật hy sinh, ngoại trừ việc nói rằng việc tuân giữ hai điều răn đầu tiên «tốt hơn mọi lễ toàn thiêu và mọi hy lễ» (Mc 12.23). Nhưng toàn bộ cuộc đời của Người được chi phối bởi sự phục vụ, vâng phục sứ mệnh và tình yêu. Sự hiến dâng chính mình

cho Chúa Cha được hình thành trong chính sự hiện hữu của Người, được mô tả là một «sự hiện hữu vì» hoặc «sự hiện hữu trước»⁴⁸ : sự hiện hữu cho Thiên Chúa và sự hiện hữu cho anh em mình. Ông đã sống và chết trong tâm trạng như thế.

Tuy nhiên, các thư tín trong Tân Ước đã sử dụng thuật ngữ hy sinh để chỉ những gì Đức Kitô đã hoàn thành trong cuộc đời và cái chết của Người. Nhưng tác giả của chúng nhận thức rằng đây là một phép ẩn dụ, vì Chúa Giêsu, đồng thời, đã hoàn thành và vượt qua tất cả các lễ hiến tế cổ xưa, trong một hình thức hiến tế hoàn toàn mới, không còn là một lễ hiến tế mang tính nghi lễ nữa, mà là một lễ hiến tế có mục đích là sự tồn tại của chính Người. Phao-lô nói : «Hãy sống trong tình yêu thương, như Đức Kitô đã yêu thương chúng ta và phó chính mình Người cho Thiên Chúa làm của lễ, làm hy lễ thơm tho» (Ep 5.2). Nhưng trên hết, Thư gửi tín hữu Do Thái đã phát triển chủ đề về sự hy sinh liên quan đến Đức Kitô, bằng cách nhấn mạnh toàn bộ khoảng cách giữa các thầy tế lễ thượng phẩm của Lễ Luật Cũ và Lễ Luật Mới. Lần này không còn là máu của các con vật được đổ lên bàn thờ theo nghi lễ nữa, mà là máu của chính Đức Kitô, tức là chính mạng sống của Người đã

48 H. SCHÜRMANN, Chúa Giêsu đã trải qua cái chết của mình như thế nào ?, Cerf, 1977.

hiến dâng đến cùng. Không còn sự thay thế nào nữa : linh mục và nạn nhân là một. Chúa Giêsu «hiến dâng chính mình» cho Thiên Chúa vì sự vâng lời và tình yêu. Người ấy đi vào trong Thiên Chúa. Chúng ta hãy lắng nghe đoạn văn tuyệt vời này được Chúa Giêsu nói ra :

Khi vào thế gian, Đức Kitô đã nói : «Thiên Chúa không muốn hy lễ và lễ vật. Nhưng Thiên Chúa đã tạo nên một thân thể cho tôi. Các lễ vật thiêu và lễ vật chuộc tội không đẹp lòng Thiên Chúa. Bây giờ tôi nói : ‘Này con đây, vì có chép về con trong sách : Lạy Chúa, con đến để thực hiện ý muốn của Thiên Chúa’» (Dt 10.5-9; trích dẫn Tv 40.7-9).

Hình thức hy sinh mới mà Đức Kitô thực hiện vẫn có giá trị đối với chúng ta : nội dung của hy sinh của chúng ta chính là sự hiện hữu của chúng ta, một hy sinh «thiên liêng» đích thực : «Tôi khuyên nhủ anh em», Thánh Phaolô nói, «hãy hiến dâng chính mình (= thân xác anh em) làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Đó sẽ là cách thờ phượng thiên liêng của anh em» (Rm 12.1).

27.2. Lời dạy của Augustin về sự hy sinh

Người đã chủ đề hóa giáo lý về sự hy sinh của Kitô giáo một cách tốt nhất, hoàn toàn trung thành với Kinh thánh, chính là Thánh Augustin. Trong một văn bản tuyệt vời từ Thành phố của Thiên Chúa ⁴⁹, ông nói với chúng ta rằng sự hy sinh là mọi thứ góp phần kết nối chúng ta với Thiên Chúa trong sự hiệp thông thánh thiện, mọi thứ dẫn chúng ta đến điều tốt đẹp duy nhất có thể khiến chúng ta hạnh phúc. Chúng ta hãy nhớ điều này : sự hy sinh được thực hiện vì hạnh phúc của chúng ta. Vì Thiên Chúa không cần sự hy sinh của chúng ta ; nếu Ngài yêu cầu chúng ta những điều đó, thì trước hết là *cho chúng ta*. Do đó, chiều kích đau khổ không phải là yếu tố chính trong sự hy sinh. Nó chỉ can thiệp như là hậu quả của tội lỗi chúng ta : việc dâng hiến bản thân cho Thiên Chúa đòi hỏi phải từ bỏ tính ích kỷ và mọi sự hỗn loạn trong tình cảm của chúng ta. Vậy thì mục đích hy sinh của chúng ta là gì ? Mọi điều làm cho chúng ta sống với Thiên Chúa và vì Thiên Chúa, đặc biệt là lời cầu nguyện ngợi khen, tạ ơn, tôn thờ, lời cầu xin tha thứ, của sự chuyển cầu ; và tất cả những gì chúng ta làm cho người khác, tất cả những việc làm yêu thương, chia sẻ và thương xót, mà chúng ta thực hiện vì Chúa. Vì vậy,

49 AUGUSTIN, Thành phố của Thiên Chúa, X, 6; Kinh Thánh Ngày 34 tháng 8, DDB, 1959, tr. 445.

sự hy sinh ảnh hưởng đến cả trái tim và thể xác chúng ta : chính toàn bộ sự cụ thể của những ngày sống của chúng ta thể hiện và hoàn thành sự hy sinh của chúng ta. Cuối cùng, Augustin nói, «Sự hy sinh trọn vẹn chính là bản thân chúng ta». Mọi hành động bên ngoài của chúng ta đều trở thành bí tích, nghĩa là dấu chỉ hữu hiệu của sự hy sinh bên trong và thiêng liêng của chúng ta.

Đây là hy tế của Đức Kitô, hy tế hòa giải chúng ta với Thiên Chúa, đưa chúng ta đến với Thiên Chúa và trao cho chúng ta khả năng biến toàn bộ cuộc sống của mình thành hy tế tạ ơn, hòa giải và hiệp thông.

28. Từ hy tế Thập giá đến Bí tích Thánh Thể

Vẫn còn nhiều điều để nói về sự hy sinh, mặc dù ý nghĩa của nó hiện nay vẫn chưa được hiểu rõ. Bây giờ tôi muốn đề cập đến một khía cạnh đặc biệt tế nhị, đó là hy lễ đền tội, và đề cập đến mối quan hệ giữa hy lễ Thập giá, Bí tích Thánh Thể và cuộc sống của chúng ta.

28.1. Sự Chuộc tội : xoa dịu và cầu bầu

Trong văn hóa của chúng ta, từ chuộc tội gợi lên ý tưởng về một hình phạt phải chịu để đền bù cho tội ác. Công lý đòi hỏi tội ác phải được «báo thù» hoặc «trừng phạt». Ý tưởng này chắc chắn có giá trị nhất định trong việc thực hiện công lý của con người. Nó đã tự nhiên được chuyển thành trật tự tôn giáo trong mối quan hệ của chúng ta với Chúa. Chúng ta hãy lấy một ví dụ từ Victor Hugo, trong tập truyện có tựa đề *Các hình phạt* (viết về Napoleon) và trong một vở kịch có tên chính xác là *Sự chuộc tội* :

Napoleon hiểu rằng ông đang chuộc lỗi...

- Ông nói, đây có phải là hình phạt của Thiên Chúa vạn quân không? (câu 62-66).

Và hơn thế nữa :

Ngôi mộ sau đó tràn ngập một thứ ánh sáng kỳ lạ, giống như ánh sáng của Thiên Chúa khi Ngài báo thù (câu 381-382).

Giống như nhiều từ khác trong ngôn ngữ tôn giáo, từ này được sử dụng theo sự mặc khải, nhưng dần dần được chuyển đổi. Nó chuyển từ phạm vi trả thù sang phạm vi tình yêu, khi hình ảnh mà con người có về Thiên Chúa được chuyển đổi. Có một sự thật trong chủ đề về «con thịnh nộ» của Thiên Chúa: tội lỗi thực sự ảnh hưởng đến tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người và khơi dậy trong Thiên Chúa một loại đam mê thất vọng. Con thịnh nộ của Thiên Chúa là sự ghen tuông của một tình yêu bị khinh thường, chắc chắn là một sự nhân cách hóa, nhưng nó cho chúng ta biết điều gì đó đúng về Thiên Chúa. Con giận dữ này không phải là biểu hiện của mong muốn trả thù dữ dội : nó có giá trị chữa bệnh, nó nhằm mục đích hoán cải dân Do Thái. Đây là lý do tại sao Thiên Chúa được tôn vinh là «Thiên Chúa nhân từ và thương xót, không mau giận, giàu tình thương và thành tín, giữ lòng thương xót đến ngàn đời» (Xh 34.6-7). Theo tinh thần này, Thiên Chúa ban cho dân Do Thái dấu hiệu của cái gọi là nghi lễ đền tội (Lv 16-17: *kippur* nổi tiếng), trong đó Ngài tổ chức một

cuộc họp thường niên giữa Ngài và dân Ngài để tha thứ cho họ. Các nghi lễ được thực hiện, hy lễ chuộc tội và phụng vụ, có giá trị như một lời cầu nguyện được sống và hành động, như một lời chuyển cầu sốt sắng. Cha St Lyonnet đã chỉ rõ rằng, trong Kinh thánh, sự đền tội trước hết là một sự chuyển cầu. Điều này đạt đến đỉnh cao trong hình ảnh Người Tội Tớ Đau Khổ của Isaia, người đã hiến dâng mạng sống mình để đền tội (Is 53.10) và cầu bầu cho những tội nhân (Is 53.12).

Tất cả những điều này cho phép chúng ta hiểu được công thức mà Phao-lô và Gio-an áp dụng cho Đức Kitô. «Thiên Chúa đã lập Người làm công cụ xoa dịu (cầu xin tha thứ) bởi chính huyết Người, bởi đức tin» (Rm 3.25). «Cầu xin tha thứ» là một tấm vàng đặt trên đỉnh Hòm Giao ước ở Nơi Chí Thánh, nơi diễn ra nghi lễ rảy máu của nạn nhân. Chúng ta có thể nghĩ rằng Phao-lô so sánh thân thể đầm máu của Đức Kitô trên thập tự giá với sự cầu bầu và tha thứ này, nghĩa là với nơi cầu bầu và tha thứ trong phụng vụ Yom Kippur.

Bằng cuộc sống hiến dâng của mình, Chúa Giêsu đã sống và bày tỏ sự chuyển cầu quyết định thay cho loài người : nơi Người, Thiên Chúa tỏ ra mình là Đấng nhân từ, nghĩa là Ngài đã tha thứ cho loài người. Thánh Gioan cũng nói với chúng ta theo một ý nghĩa tương tự : «Tình

yêu của Thiên Chúa thể hiện ở điều này : không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con của Ngài đến làm của lễ đền tội cho chúng ta» (1 Ga 4.10). Chúa Giêsu thực sự là Chiên Con «xóa tội thế gian» (Ga 1.29). Theo ngôn ngữ riêng của mình, Thư gửi tín hữu Do Thái, gợi lên cảnh tượng đau khổ, diễn tả như sau : «Trong những ngày sống kiếp phàm nhân, Người đã lớn tiếng kêu van và khóc lóc, dâng lời cầu nguyện và nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Và Người đã được nhậm lời vì lòng đạo đức của Người» (Dt 5.7). Trong Chúa Giêsu, sự đền tội, sự xoa dịu và sự chuyển cầu được chuyển đổi trong nhau : sự đền tội là lời cầu nguyện thiêng liêng được đáp ứng trọn vẹn, trong khi sự chuyển cầu trở thành sự hy sinh mạng sống, được dâng lên trong thái độ vâng phục và yêu thương để sửa chữa tội lỗi.

28.2. Từ Thập Giá đến Bí Tích Thánh Thể

Sự hy sinh của Đức Kitô, sự hy sinh của sự hòa giải và hiệp thông, đã được dâng hiến một lần và mãi mãi trên Thập giá. Tại thập giá, sự trung gian của Đức Kitô đã hoàn tất. Đức Kitô không chỉ hiến dâng chính mình cho Chúa Cha, mà khi hiến dâng chính mình vì chúng

ta, Người đã hiến dâng chúng ta cho Chúa Cha như thân thể mà Người là đầu. Mở rộng cái nhìn của Thánh Augustin, Cha de Montcheuil nhìn thấy trong sự hy sinh của Đức Kitô là «bí tích» của sự hy sinh của toàn thể nhân loại ⁵⁰, nghĩa là sự hy sinh khai mở và làm cho có thể sự hy sinh của mỗi chúng ta qua nhiều thời đại. Những gì tội lỗi đã làm cho không thể thực hiện được thì Đức Kitô đã mở ra cho chúng ta : đây là lý do tại sao Thập giá là «bí tích», nghĩa là biểu tượng hoặc dấu chỉ hữu hiệu của sự hy sinh mà tất cả mọi người phải thực hiện.

Nhưng chúng ta là con người : thời gian trôi qua và có nguy cơ khiến chúng ta quên đi nhiều thứ. Nếu khía cạnh lịch sử trong sự trung gian của Đức Kitô được hoàn tất tốt đẹp, thì chúng ta vẫn phải sống sự trung gian này trong thời gian. Và đây chính là nơi mà việc cử hành Bí tích Thánh Thể xuất hiện : đó không phải là một hy tế mới, cũng không phải là sự lặp lại hay đổi mới hy tế Thập giá, vì điều này không cũ đi, nhưng là bí tích của hy tế này, nghĩa là việc cử hành *lễ tưởng niệm*, theo nghĩa Kinh thánh và mạnh mẽ của từ này : lễ tưởng niệm là điều mà qua đó hy tế Thập giá được hiện diện một cách hữu hình, dưới các dấu chỉ của bữa tiệc Thánh

50 Y. DE MONTCHEUIL, Thần học linh tinh, Aubier, 1951, tr. 51-53.

Thể, và được «hiện thực hóa». Qua Bí tích Thánh Thể, theo một cách nào đó, chúng ta trở thành những người đồng thời với Thập Giá, chúng ta được hưởng lợi ích từ ân sủng trọn vẹn của Thập Giá. Chúa Giêsu đã phán: «Hãy làm điều này để nhớ đến Ta» (Lc 22.19). Khi nói như vậy, Người đã cam kết sẽ làm cho sự hy sinh và con người của Người hiện diện, dưới hình thức bí tích, mỗi khi chúng ta thực hiện những điều Người bảo chúng ta làm để chúng ta có thể dâng hiến chính mình cho Thiên Chúa. Bí tích Thánh Thể là sự chuyển tiếp liên tục giữa hy tế duy nhất của Đức Kitô và sự hiện thực hóa dần dần hy sinh của nhân loại để trở thành Giáo hội. Ở đây một lần nữa chúng ta phải trích dẫn Thánh Augustin :

«Đây là sự hy sinh của các Kitô hữu : nên nhiều nhưng chỉ là một thân thể trong Đức Kitô. Và Giáo Hội không bao giờ ngừng cử hành hy tế này trong bí tích bàn thờ, được các tín hữu biết rõ, nơi mà Giáo Hội được tỏ cho thấy rằng trong những gì mình dâng hiến, chính mình cũng được dâng hiến ⁵¹.»

Do đó, Bí tích Thánh Thể không phải là hy lễ thay thế như trong Lễ Luật Cũ : bí tích hy sinh của Đức Kitô, mục đích của bí tích này là trở thành bí tích hy sinh của chính chúng ta. Hy tế này được thể hiện trong toàn bộ

51 AUGUSTIN, tác phẩm. trích dẫn, trang. 449.

cuộc sống của chúng ta, nhưng nhận được từ Bí tích Thánh Thể sự thật rằng nó thực sự đẹp lòng Chúa Cha. Vì vậy, chúng ta được mời gọi sống cuộc sống Thánh Thể : một cuộc sống tạ ơn và ngợi khen Chúa Cha, hiệp nhất với Bí tích Thánh Thể của Đức Kitô mà chúng ta cử hành để tưởng nhớ, qua ân sủng của Chúa Thánh Thần được ban cho chúng ta và đến để biến bánh và rượu thành Mình và Máu Đức Kitô và biến chúng ta thành Thân thể Hội thánh của Đức Kitô. Sự hiện hữu Thánh Thể : đây là sự hy sinh mà người Kitô hữu phải thực hiện.

29. Chúa Giêsu là Đấng Ăn Năn hay Sự Thỏa Mãn

Tôi đã nói về sự đền tội và sám hối liên quan đến bí tích hòa giải. Thật vậy, sự thỏa mãn là một trong những hành vi ứng xử toàn diện dẫn đến sự tha thứ. Và tôi nhấn mạnh rằng từ thỏa mãn không có nghĩa là «bù đắp chính xác», mà là «làm đủ» để thể hiện sự nghiêm túc và chân thực trong sự hoán cải của một người. Tôi phải quay lại vấn đề này liên quan đến sự trung gian của Đức Kitô, theo chuyển động hướng lên cho phép con người trở về với Chúa Cha, bởi vì đây là thuật ngữ đã trở thành trung tâm trong thần học phương Tây về sự cứu chuộc, mặc dù nó không có trong Kinh thánh. Hơn nữa, nó thường bị hiểu lầm và chúng ta phải xóa bỏ nhiều quan niệm sai lầm về nó.

29.1. Học thuyết của Anselme xứ Canterbury

Có thể nói, Thánh Anselme, viện phụ của Bec-Hellouin ở Normandy vào thế kỷ 11, sau đó là tổng giám mục của Canterbury, người đã đưa vào quỹ đạo thuật ngữ «sự thỏa mãn» về thần học cứu chuộc. Vấn đề của ông là : tại sao Thiên Chúa lại chọn một phương tiện đắt giá như thập tự giá của Đức Kitô để hoàn thành

sự hòa giải và cứu rỗi cho chúng ta, trong khi Ngài là Đấng toàn năng và chỉ cần một sự tha thứ đơn giản là đủ ? Cuộc chiến thắng của Chúa Giêsu chống lại các thế lực tà ác dường như không trả lời đủ câu hỏi này. Và Anselme tự hỏi theo cách rất hiện đại : «Thật kỳ lạ khi máu của một người vô tội lại tượng trưng cho niềm vui lớn lao hoặc nhu cầu mãnh liệt đối với Thiên Chúa đến nỗi, nếu không có cái chết của người vô tội này, Thiên Chúa sẽ không muốn hoặc không thể tha thứ cho kẻ có tội ⁵²». Liệu Thiên Chúa có đòi hỏi cái chết của Con Ngài không ?

Đối với Anselme, câu trả lời không phải nằm ở cái mà ngày nay gọi là «giao ước hy sinh», tức là ở sự tương đương giữa tội lỗi và sự đau khổ phải chịu để trả nợ, mà nằm ở sự cần thiết của con người phải làm điều gì đó để đáp lại và tương xứng với sự tha thứ của Chúa. Con người phải hoán cải, thay đổi trong chân lý và giải thoát mình khỏi gánh nặng tội lỗi. Chúng ta đã thấy tất cả những điều này về bí tích : ân sủng tha thứ không thể thay thế sự hoán cải. Một sự tha thứ hoàn toàn miễn phí không giải quyết được mọi chuyện để tôn vinh con người, mà phải mang theo ân sủng hoán cải và đền bù tội lỗi. Con người đã đi trên con đường khiến mình xa

52 ANSELME xứ CANTERBURY, Tại sao Thiên Chúa làm người, I, 10; «Nguồn gốc Kitô giá », 91, Cerf, 1963, tr. 261.

cách Thiên Chúa, giống như người con hoang đàng đã rời xa cha mình. Vì thế, anh ta phải hoàn thành cuộc hành trình trở về giống như người con hoang đàng.

Nhưng ở đây câu hỏi đặt ra ở cấp độ toàn thể nhân loại. Lập luận của Anselme có thể được tóm tắt như sau: con người không có khả năng, vì gánh nặng tội lỗi, tự mình thực hiện phong trào trở về và đền bù. Tuy nhiên, Thiên Chúa không thể chấp nhận sự thất bại của kế hoạch sáng tạo và thần thánh của Ngài. Điều này trái ngược với vinh quang của Ngài, tức là trái ngược với tình yêu thương vô bờ bến của Ngài, và trái ngược với lợi ích của con người. Đây là lý do tại sao Ngài sai Con Ngài, là Thiên Chúa thật và là người thật : vì «sự thỏa mãn chỉ có thể được thực hiện bởi Thiên Chúa và chỉ phải được thực hiện bởi con người, nên cần phải có một Thiên Chúa-con người thực hiện điều đó ⁵³». Tất cả những lập luận này đều nằm trong một ý nghĩa sâu sắc và đòi hỏi cao về sự siêu việt của Thiên Chúa, điều luôn vượt xa những gì con người có thể nhận thức được. Cũng giống như trong một phương trình toán học, khi một người đưa ra vô cực, người đó ý thức được giới hạn của phép tính của mình, Anselme cũng ý thức được giới hạn của lý luận của mình. Ông cũng có cảm giác nhạy bén về danh dự con người.

53 Ibid., II, 6, tr. 365.

Thật không may, Anselme đã sử dụng quá nhiều phạm trù pháp lý của thời đại mình ; đối với ông, tội lỗi là trộm cắp ; con người không có khả năng thực sự công bằng với Thiên Chúa ; đôi khi ông sử dụng các thuật ngữ bồi thường hoặc bình đẳng. Khía cạnh này sau đó đã được nhấn mạnh quá mức, làm mất đi logic của tình yêu *vĩ đại nhất*, lòng thương xót *lớn nhất* của Thiên Chúa và tầm quan trọng của việc con người có thể «làm hài lòng» Thiên Chúa theo nghĩa tình cảm của thuật ngữ này.

29.2. Một logic «bị đảo ngược» hoặc «bị bóp méo»

Nhưng logic của «giao ước hy sinh» đã trở thành một phần quá lớn trong tiềm thức của con người : và trong vài thế kỷ qua, học thuyết về sự thỏa mãn đã thu hẹp lại và trở nên cứng nhắc thành một quan niệm về công lý «giao hoán» và thậm chí là «báo thù», cản trở sự hiểu biết về sự cứu rỗi của chúng ta. Theo quan điểm này, Thiên Chúa trực tiếp muốn cái chết đẫm máu của Con Ngài như sự thỏa mãn ban đầu cho công lý của Ngài, để sau đó Ngài có thể thực hiện lòng thương xót của mình. Bây giờ, đối với Anselme, mọi thứ đều bắt đầu từ lòng thương xót và kết thúc bằng lòng thương xót. Đằng sau

mâu nhiệm Thập Giá, chúng ta không còn thấy một Thiên Chúa yêu thương nữa, mà là một Thiên Chúa tàn ác đòi máu, và máu vô tội nhất. Để chứng minh rằng tôi không hề bịa đặt bất cứ điều gì, tôi sẽ trích dẫn hai văn bản trong số nhiều văn bản khác. Câu đầu tiên có từ thế kỷ 17 và câu thứ hai có từ thế kỷ 19 :

Bourdaloue nói rằng sự tàn ác của người Do Thái không đủ để trừng phạt một người như thế này, một người mang trong mình tội ác của toàn thể nhân loại; điều cần thiết (...) là Thiên Chúa phải can thiệp, và đây là điều đức tin cho chúng ta thấy một cách rõ ràng (...). Chính Ngài, lạy Chúa, đã biến thành một Thiên Chúa tàn ác, để cho Con Một của Ngài cảm thấy (...) sức nặng của cánh tay Ngài (...) Đấng Cứu Thế bị trói buộc vào thập giá là đối tượng mà chính công lý nghiêm ngặt của Ngài đã chuẩn bị. Hãy đánh đi, lạy Chúa, hãy đánh đi, mà không cần nghĩ đến Người là Con Chúa, đừng nhìn Người mà chỉ nhớ rằng (...) rằng bằng cách hiến tế Người, Thiên Chúa sẽ thỏa mãn lòng căm thù thiêng liêng mà Thiên Chúa căm ghét tội lỗi ⁵⁴.

54 BOURDALOUE, 1; *Bài giảng về niềm đam mê*, trích dẫn bởi L. Mahieu, Mél. của Nghiên cứu Tôn giáo, II 1945, tr. 234-235.

Cha Montsabré thốt lên rằng công lý thiêng liêng đã quên đi bầy người thô tục và chỉ để mắt đến hiện tượng kỳ lạ và quái dị này mà công lý sẽ tìm thấy sự thỏa mãn. Xin Chúa hãy tha cho Người ; đó là Con của Ngài - Không, không, đó là tội lỗi ; Người phải bị trừng phạt

55.

Những văn bản tàn bạo này dựa trên hai sự nhầm lẫn bi thảm, thứ nhất, điều gây nhầm lẫn giữa tội lỗi và tội nhân : Chúa Giêsu «đã trở nên tội lỗi vì chúng ta» theo lời của Thánh Phaolô (2 Cr 5.21), theo nghĩa là Người mang trong thân thể đau đớn của mình mọi hậu quả của tội lỗi chúng ta ; nhưng ở đây Người bị coi là kẻ có tội và là kẻ tội đồ. Mặt khác, những tác giả này quên rằng những người chịu trách nhiệm về cái chết của Chúa Giêsu là những con người tội lỗi chứ không phải là Chúa Cha, Đấng có công việc cụ thể trong Tân Ước là làm Chúa Giêsu sống lại. Không còn nghi ngờ gì nữa, Ngài cho phép cái chết này xảy ra vì mục đích cứu rỗi chúng ta, «dù Ngài không thích, Anselme đã nói, những đau khổ đi kèm với cái chết này ⁵⁶». Cuối cùng, theo quan điểm này, nơi mà sự thỏa mãn công lý

55 MONTSABRÉ, Mùa Chay 1881, Hội thảo lần thứ 49, tr. 25, được trích dẫn bởi J. Rivière, *The Dogma of Redemption*, Galbada, 1931, tr. 233.

56 ANSELM, tác phẩm trích dẫn, trang. 259.

trở thành điều kiện tiên quyết cho lòng thương xót, cái chết theo một cách nào đó được thần thánh hóa, như thể nó tự nó có giá trị, trong khi cái chết của Đức Kitô chỉ có giá trị thông qua thái độ yêu thương mà nó được sống. Vậy thì làm sao chúng ta có thể ngạc nhiên về tựa đề của cuốn sách mới xuất bản gần đây này, dựa trên sự hiểu lầm nghiêm trọng : *Án mạng của Chúa Giêsu, một phương tiện cứu rỗi* ⁵⁷ ? Làm sao chúng ta có thể ngạc nhiên trước sự khó chịu của nhiều Kitô hữu có đức tin tốt trước những gì họ tin là học thuyết cứu chuộc ?

Các Giáo Phụ xưa đã nói rõ ràng : Thiên Chúa không cần đến những hy sinh của chúng ta ; ngày nay chúng ta phải nói một cách thẳng thắn như vậy : Thiên Chúa không cần sự thỏa mãn của chúng ta. Nếu Ngài đòi hỏi chúng ta phải đền bù cho tội lỗi của mình thì Ngài đòi hỏi như vậy vì chúng ta.

29.3. «Chúa Giêsu ăn năn»

Câu nói này của Cha Guillet ⁵⁸ đưa chúng ta đi đúng hướng để hiểu về sự thỏa mãn. Trên Thập Giá, Chúa Giêsu đã sống và hoàn thành việc sám hối của chúng

57 Tựa đề cuốn sách của Nathan Leites, Cerf, 1982.

58 J. GUILLET, Chúa Giêsu Kitô trong thế giới của chúng ta, «Chúa Giêsu ăn năn», DDB, 1974, tr. 65-77.

ta, nghĩa là từ bỏ tội lỗi và đền bù tội lỗi bằng tình yêu đáp lại Chúa Cha. Sự giải thoát của chúng ta cũng là sự thanh lọc. Nghịch lý này xuất phát từ thực tế rằng bản chất nặng nề của sự trở lại này không phải là kết quả của sự gắn bó cá nhân của Chúa Giêsu với tội lỗi - vì Người chưa bao giờ là tội nhân và sẽ là bất công hoàn toàn nếu bắt Người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của chúng ta - mà là sự tập trung vào Người về tội lỗi của con người mà Người đã đồng ý gánh chịu, để «cắt họ đi». Nhờ Người và trong Người, giờ đây chúng ta có thể «làm vui lòng» Thiên Chúa và nhận được sự tha thứ và hòa giải từ Ngài.

30. Hòa giải qua Thập giá

Chúng ta đã kết thúc cuộc thảo luận. Thời điểm Khổ nạn thúc giục tôi đến và tìm kiếm lời kết của những lời này về sự hòa giải dưới chân thập giá của Thiên Chúa. Thập giá là sứ giả vĩ đại của hòa bình và sự hòa giải giữa con người và giữa con người với Thiên Chúa. Đây cũng là nơi mặc khải tình yêu Ba Ngôi.

30.1. Đức Kitô là Đấng Hoà Giải

Chúng ta hãy đọc một đoạn văn rất mạnh mẽ trong Thư gửi tín hữu Ê-phê-sô : Đức Kitô

là bình an của chúng ta : Người đã liên kết đôi bên, dân Do-thái và dân ngoại, thành một ; Người đã hy sinh thân mình để phá đổ bức tường ngăn cách là sự thù ghét; Người đã hủy bỏ Luật cũ gồm các điều răn và giới luật. Như vậy, khi thiết lập hòa bình, Người đã tác tạo đôi bên thành một người mới duy nhất nơi chính bản thân Người. Nhờ thập giá, Người đã làm cho đôi bên được hòa giải với Thiên Chúa trong một thân thể duy nhất; trên thập giá, Người đã tiêu diệt sự thù ghét. Người đã đến loan Tin Mừng bình an : bình an cho anh em là những kẻ ở xa, và bình an cho những kẻ ở gần. (Ep 2.14-17).

Dấu hiệu điển hình nhất của tình trạng tội lỗi của nhân loại là sự chia rẽ, hận thù và chiến tranh, bạo lực và đơn giản là sự phân mảnh và phân tán của con người. Ở đây, Phao-lô lấy ví dụ về sự thù hận tôn giáo đặc trưng nhất trong thời đại của ông : giữa người Do Thái và người ngoại đạo có bức tường ngăn cách của lòng thù hận. Lòng căm thù này hướng về Đức Kitô đến mức khiến Người phải chịu cái chết nhục nhã. Nhưng trong thân xác bị thương tích của mình, Người tái tạo sự hiệp nhất của những gì đã bị chia rẽ, mời gọi mọi người trở thành một thân thể trong Người, một thân thể được hòa giải. Đôi tay dang rộng của Đức Kitô trên thập giá, kết quả của lòng hận thù, trở thành món quà của cái ôm huynh đệ. Chúa Giêsu «tuyên bố hòa bình» theo nghĩa thực tế như chiến tranh thường được tuyên bố.

Nhưng sự hòa giải huynh đệ này, hoa trái của chiến thắng của tình yêu đối với hận thù và cái chết, không thể tách rời khỏi sự hòa giải của tất cả mọi người với Thiên Chúa. Các Giáo phụ thích chiêm nghiệm ý nghĩa biểu tượng của hai hướng của cây thánh giá : chúng ta hãy nói trong tâm trí các ngài rằng đó là mối liên kết ngang giữa những người được mời gọi nắm lấy cánh tay của Đức Kitô ; nó cũng là mối liên hệ theo chiều dọc giữa trời và đất, giữa Thiên Chúa và con người. Đây là nơi giao thoa của hai chuyển động đi xuống và

đi lên của sự trung gian độc nhất của Đức Kitô. Trên Thập Giá, Thiên Chúa ban cho chúng ta tất cả những gì Ngài có và tất cả những gì Ngài là, bằng cách ban cho chúng ta chính Con của Ngài ; trên Thập Giá, con người Chúa Giêsu đã hiến dâng trọn vẹn bản thân cho Chúa Cha và anh em mình, với tư cách là đầu của nhân loại, dẫn dắt nhân loại đến với Thiên Chúa, Đấng mà Người muốn biến thành thân thể mình.

Nếu Thập Giá gọi lại cho chúng ta hình ảnh khủng khiếp về tội lỗi của nhân loại, vì nó cho chúng ta thấy tội lỗi đã làm gì với Đức Kitô, nếu Thập Giá là và vẫn là «sự lên án tội lỗi trong xác thịt» (Rm 8.3), thì nó cũng cho chúng ta thấy sự toàn năng, tôi muốn nói là «siêu năng lực» của tình yêu hòa giải của Thiên Chúa. Đức Kitô vừa bị biến dạng vì tội lỗi, nhưng cũng được biến hình, bởi vì chúng ta khám phá nơi Người vẻ đẹp và vinh quang của một tình yêu có khả năng đi đến mức tự hủy diệt, vâng phục đến mức chịu chết, thậm chí là chết trên Thập giá. Nếu không như vậy, chúng ta sẽ không thể nhìn vào những cây thánh giá trong nhà thờ, trong nhà mình, ở ngã tư đường mà không có cảm giác tìm thấy niềm vui trong đau khổ hay tàn bạo. Nếu cây thánh giá có thể trở thành đối tượng của nhiều tác phẩm nghệ thuật, đó là vì nó mang trong mình vẻ đẹp tâm linh của tình yêu.

30.2. Sự mặc khải về tình yêu Ba Ngôi

Tất cả những điều này mở ra cho chúng ta sự mặc khải về chính mầu nhiệm của Thiên Chúa. Điều đang bị đe dọa trên Thập giá và trong sự phục sinh chính là sự biểu hiện cho chúng ta tình yêu Ba Ngôi vĩnh cửu. Vì Thiên Chúa ở trong chính Người khi Người biểu lộ chính Người cho chúng ta. Sự sống của Thiên Chúa được tạo nên từ sự trao đổi vĩnh cửu này, qua đó Chúa Cha sinh ra Chúa Con như hình ảnh hoàn hảo của Ngài và là Ngôi Lời của chính Ngài. Đến lượt mình, Chúa Con hướng về Chúa Cha : Người hoàn toàn hướng về Chúa Cha và hiến mình cho Chúa Cha để đáp lại tình yêu. Cuối cùng, từ sự trao đổi vĩnh cửu này, nảy sinh ngôi vị của Thánh Linh, chung cho Chúa Cha và Chúa Con, là Đấng nối kết các Ngài, là chính sự hiện thân hồng ân của các Ngài.

Nhưng làm sao chúng ta biết được tất cả những điều này, làm sao chúng ta có thể nói những điều như vậy ?

Bởi vì trên Thập giá, chúng ta thấy Chúa Con, toàn bộ cuộc đời Người là sự sai đi của Chúa Cha, là sự vâng phục sứ mệnh đã nhận lãnh, là sự liên tục thờ với Chúa Cha trong lời cầu nguyện, hiện thực hóa trong việc hiến dâng cuộc đời Người cho Chúa Cha công thức tuyệt

đẹp của thánh Gioan : «Mọi sự của Con đều là của Cha» (Ga 17.10). Bằng cách nào đó, Chúa Giêsu đã bối rối với mối quan hệ con thảo khiến Người nói «Abba», Cha ơi, ngay trong giây phút hấp hối (Mc 14.36).

Dưới chân Thập Giá, Chúa Cha dường như câm lặng và vắng mặt. Nhưng công việc của riêng Ngài trong tất cả sự mầu nhiệm này là làm cho Con Ngài sống lại: «Chính Đức Giê-su đó, Thiên Chúa đã làm cho sống lại; về điều này, tất cả chúng tôi xin làm chứng». Phê-rô nói vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Cv 2.32). Và điều đáng chú ý là liên quan đến sự phục sinh, Tân Ước áp dụng hai lần cho Chúa Cha và Đức Kitô những lời của Thánh Vịnh 2 : «Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con». (Cv 13:33, trích dẫn Tv 2.7; Dt 1.5). Nói cách khác, sự phục sinh của Chúa Giê-su bởi Chúa Cha là sự biểu lộ cho chúng ta về hành động vĩnh cửu mà Chúa Cha sinh ra Chúa Con.

Sau cùng, trên Thập giá, Chúa Con trao ban «Thánh Thần» (Ga 19.30). Có vẻ như thánh sử Gio-an đang phác họa một cách chơi chữ ở đây : hơi thở cuối cùng của Chúa Giêsu là hành động Người trao lại Thánh Linh cho Thiên Chúa, đồng thời Người truyền Thánh Linh đó cho thế giới. Món quà này kết thúc khi Chúa Giêsu, được phục sinh bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần

mà Chúa Cha ban cho Người, sai chính Chúa Thánh Thần này đến với Người. Gioan đặt việc sai đi này vào buổi tối ngày phục sinh : «Anh em hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha» (Ga 20.22-23 ; Mc 27.50). Thánh Linh được sai đến với mục đích tha thứ và hòa giải. Về phần mình, Luca dạy chúng ta về việc sai đi «chính thức», nếu có thể nói như vậy, bởi Chúa Giêsu của Chúa Thánh Thần đến với cộng đồng một trăm hai mươi người tụ họp tại Phòng Tiệc Ly vào ngày Lễ Ngũ Tuần. «Thiên Chúa Cha đã ra tay uy quyền nâng Người lên, trao cho Người Thánh Thần đã hứa, để Người đổ xuống : đó là điều anh em đang thấy đang nghe» (Cv 2.33). Ân sủng của Chúa Thánh Thần khai mở việc rao giảng công khai của các Tông đồ và dẫn đến những cuộc hoán cải đầu tiên.

Đây là mầu nhiệm của tình yêu, có khả năng xóa bỏ mọi hận thù và dẫn đến mọi sự hòa giải. Ngày nay, một số nhà thần học (H. Urs von Balthasar bên Công giáo và J. Moltmann bên Tin lành) đã khôi phục lại đề tôn vinh mối liên hệ giữa Thập giá và sự mặc khải về Chúa Ba Ngôi, cho phép chúng ta khám phá lại toàn bộ vấn đề đức tin chứa đựng trong mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi, vốn không thể bị giản lược thành phép đại số lạnh lùng. Nếu Thiên Chúa vừa là một vừa là ba ngôi, thì đó là vì Ngài là tình yêu.

30.3. Marie

Để kết thúc, làm sao chúng ta không nhớ đến khuôn mặt của Đức Maria, hiện diện dưới chân thập giá trong thinh lặng, tiếp tục suy niệm về tất cả những điều này trong lòng (Lc 2.19) và chiêm ngưỡng trong đức tin chiến thắng ngoạn mục của tình yêu trên hận thù, của sự hòa giải trên chia rẽ. Đức Maria bước vào sự chuyển động trao đổi và hồng ân vĩ đại này trước tiên với tư cách là một tạo vật được cứu rỗi. Trong con người của người môn đệ được yêu thương, Chúa Giêsu trao Mẹ cho chúng ta như một người mẹ và trao chúng ta cho Mẹ như những người con của Mẹ.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
1. Chúng ta cần hòa giải	5
1.1. Xung đột với người khác	6
1.2. Xung đột với Thiên Chúa	8
1.3. Xung đột với chính mình	9
2. Tin Mừng về hòa giải	11
2.1. Hòa giải là một món quà từ Thiên Chúa	12
2.2. Nhưng hòa giải cũng là một lời kêu gọi	13
2.3. Giữa ân tứ và kêu gọi có chức vụ của tông đồ	14
Phần một	
Cách tiếp cận của con người với hòa giải	
3. Phía của sự ăn năn	17
3.1. Cú sốc sự ăn năn	18
3.2. Một chuyển đổi đang hình thành	19
3.3. Ngôn ngữ xưng tội	21

4. Phía của sự tha thứ	23
4.1. Không ai có thể bỏ qua kẻ phạm lỗi với mình.	23
4.2. Bên bị xúc phạm phải là người hành động trước	24
4.3. Kiểm chứng tính xác thực của sự ăn năn	26
5. Sự kiện hòa giải	29
5.1. Cuộc gặp gỡ giữa người phạm tội và người bị xúc phạm	29
5.2. Các biến của phương pháp tiếp cận	32
6. Một ví dụ : hòa giải đại kết	34
6.1. Đại kết : một phong trào hòa giải lâu dài	34
6.2. Một trải nghiệm cá nhân	35
6.3. Tham gia vào việc hoán cải các Giáo Hội	37
7. Hòa giải như một bí tích	39
7.1. Từ cách tiếp cận của con người đối với bí tích	39
7.2. Về phía người tội lỗi	40
7.3. Về phía Thiên Chúa bị xúc phạm	43

Phần Hai

Lịch sử tóm tắt của Bí tích Hòa giải

8. Ở nguồn gốc : đời sống rửa tội, đời sống hoán cải	46
8.1. Đời sống rửa tội, đời sống mới	47
8.2. Xưng tội ngày Chúa Nhật khi bắt đầu Thánh Lễ	48
8.3. Một hình thức sơ khai của bí tích ?	49
9. Ở nguồn gốc : những tình huống mới	51
9.1. Trường hợp lỗi nghiêm trọng hơn	51
9.2. Tình hình cộng đồng Rôma : việc rao giảng của Hermas	52
9.3. Những bài học của thời kỳ đầu tiên này	54
10. Vào thế kỷ thứ 3 : tổ chức sám hối đầu tiên	56
10.1. Bước vào sám hối	56
10.2. Thành tựu theo thời gian	58
10.3. Hòa giải	58
10.4. Xuất hiện lời thú tội bí mật	59

11. Vào thế kỷ thứ 3 : suy nghĩ về tình huống	61
11.1. Ứng xử kép của người sám hối và Giáo hội	61
11.2. Một hình phạt đặc biệt nghiêm khắc : sự sám hối độc nhất và công khai	64
11.3. Một biểu tượng rất hướng về cộng đồng	65
12. Vào đầu thời Trung Cổ :	
biến đổi lớn của việc sám hối	67
12.1. Nguyên nhân gây đột biến	67
12.2. Sám hối trong tu viện : bí mật và có thể lặp lại	69
13. Vẫn là thời kỳ đầu Trung Cổ :	
suy ngẫm và bài học	73
13.1. Bước đầu tiên của thay đổi	73
13.2. Bước thứ hai	75
13.3. Những bài học chính của sự đột biến của việc sám hối	76
14. Thánh Thomas : một hoán cải trước đó và nội tâm	79
14.1. Sự hoán cải và lời khẩn của bí tích	80
14.2. Sự mong chờ về món quà ân sủng	82
14.3. Sự hiệp nhất bí tích của toàn bộ hành vi	82

15. Tranh luận xung quanh sự ăn năn	85
15.1. Công đồng Trent	85
15.2. Những cuộc tranh luận giữa «những người ăn năn» và «những người tiêu hao»	87
16. Đi xưng tội	91
16.1. Lời kêu gọi xưng tội thường xuyên	91
16.2. Tại sao lại có sự bất mãn với bí tích này?	93
17. Sự «cập nhật» của bí tích hòa giải	96
17.1. Hình thức thứ nhất : đối chiếu cá nhân	97
17.2. Hình thức thứ hai : cử hành cộng đồng với lời xưng tội và sự xá giải cá nhân	100
17.3. Dạng thứ ba, phi thường : cử hành cộng đồng và xá tội tập thể	101
18. Thượng Hội Đồng Giám mục năm 1983	103
18.1. Sứ mệnh hòa giải của Giáo hội đối với các tín hữu và thế giới	103
18.2. Tội lỗi tập thể	105
18.3. Sự đổi mới của bí tích	107
18.4. Những con đường khác để hòa giải	108

19. Vai trò của linh mục	110
19.1. Bác sĩ và bệnh nhân	110
19.2. Thẩm phán và bị cáo	113
19.3. Linh mục làm chứng cho ân sủng Thiên Chúa	115

20. Về tội lỗi	117
20.1. Cảnh báo chính của ý thức	118
20.2. Cảm giác tội lỗi về mặt đạo đức	119
20.3. Ý nghĩa tội lỗi trong Kitô giáo	120
20.4. Tội trọng và tội nhẹ	121

Phần Ba
Sự cứu rỗi của thế giới
và sự hòa giải của chúng ta
trong Chúa Giêsu Kitô

21. Sự cứu rỗi của Kitô giáo, bí ẩn của Giao ước và hòa giải	126
21.1. Sự cứu rỗi, mầu nhiệm của Giao ước	127
21.2. Sự cứu rỗi, mầu nhiệm hòa giải	129

22. Người trung gian duy nhất	133
22.1. Chúa Giêsu Kitô là Đấng trung gian duy nhất	133
22.2. Hai chuyển động của sự trung gian Đức Kitô	136
22.3. Chúa Giêsu thực hiện cả hai mặt của sự hòa giải	138
23. Đức Kitô Đấng cứu chuộc	140
23.1. Sự cứu chuộc trong Kinh Thánh	140
23.2. Sự cứu chuộc : Một chiến thắng	142
23.3. Một khoản tiền chuộc không được trả cho bất kỳ ai	143
24. Chúa Giêsu Đấng giải phóng	147
24.1. Nô lệ và Giải phóng trong Tân Ước	148
24.2. Sự giải phóng tự do của chúng ta	149
25. Sự thần thánh hóa của chúng ta	155
25.1. Khao khát của chúng ta đối với Thiên Chúa : một nhu cầu cấp thiết về sự cứu rỗi	155
25.2. Chúng ta được nhận làm con nuôi	158
25.3. Thần thánh hóa và nhân bản hóa	160

26. Đức Kitô, sự công chính của Thiên Chúa	162
26.1. Công lý của Thiên Chúa là gì?	162
26.2. Nên công chính bởi ân điển qua đức tin : một giáo lý Kitô giáo	165
27. Hy sinh của Đức Kitô	169
27.1. Sự hy sinh trong Kinh Thánh	170
27.2. Lời dạy của Augustin về sự hy sinh	174
28. Từ hy tế Thập giá đến Bí tích Thánh Thể	176
28.1. Sự Chuộc tội : xoa dịu và cầu bầu	176
28.2. Từ Thập Giá đến Bí Tích Thánh Thể	179
29. Chúa Giêsu là Đấng Ăn Năn hay Sự Thỏa Mãn	183
29.1. Học thuyết của Anselme xứ Canterbury	183
29.2. Một logic «bị đảo ngược» hoặc «bị bóp méo»	186
29.3. «Chúa Giêsu ăn năn»	189
30. Hòa giải qua Thập giá	191
30.1. Đức Kitô là Đấng Hoà Giải	191
30.2. Sự mặc khải về tình yêu Ba Ngôi	194
30.3. Marie	197